UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /BC-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

A. Trụ sở chính.

I. Ngành, nghề: TIN HỌC ỨNG DỤNG

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 25 sinh viên
- Trung cấp: 20 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Cơ sở vật chất

  Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

  Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

- Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Balun chuyển đổi từ dây cáp mạng, điện thoại qua BNC	Cái	1
2	Bàn lập trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lập trình KTXX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	20
6	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
7	Bộ lưu điện	Cái	13
8	Cài đặt máy chủ	Máy	1
9	Cài đặt máy con	Máy	40
10	Camera Analog HRN31H	Cái	1
11	Camera Analog RRN31X	Cái	1
12	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
13	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
14	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
15	Đèn sạc 2 bóng	Cái	2
16	Đồng hồ đo vạn năng kim	Cái	5
17	Đồng hồ Tenst cable	Cái	8
18	HDD WD-500Gb	Ổ	1
19	Hệ thống mạng + phụ kiện gồm:-02 Switch dlink 24 port + 01 Switch dlink 16 port.	Ht	4
20	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm: - 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connecector RJ45.	Ht	1
21	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
22	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng cho 2 ht): 55,984,500đ.	Ht	1
23	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
24	Hôp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
25	Hộp đồ nghề thực hành	Cái	3
26	Kềm bấm cáp	Cái	19
27	Kềm cắt 7" Asaki	Cái	3
28	Kềm nhọn 6" cách điện Asaki	Cái	5
29	Khoan tay Black	Cái	1
30	Kìm bấm RJ45/RJ11	Cái	2
31	Máy chiếu overhead	Cái	3
32	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
33	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
34	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1
35	Máy hút bụi mini	Cái	2
36	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
37	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1
38	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
39	Máy lạnh	Cái	54
40	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	2
41	Máy thổi bụi máy tính Evlen	Cái	1
42	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	236
43	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
44	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
45	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3
46	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
47	Máy vi tính Core 2 duo 1.8GHz	Bộ	4
48	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
49	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	162
50	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51
51	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
52	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	81
53	Máy vi tính P4 -3.0Ghz	Bộ	1
54	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	6
55	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
56	Micro có dây 5m	Cái	10
57	Micrô không dây sennheiser	Cái	5
58	Micro thu tiếng, nguồn cung cấp 12V, vùng hoạt động $5m^2$ - $10m^2$	Cái	1
59	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
60	Modem ADSL VIGOR	Cái	1
61	Modem Vigor V3300	Cái	2
62	Ổ cắm + dây 5m	Bộ	2
63	Ổ cắm hình chữ nhật 6 chân cắm	Cái	10
64	Ổ cứng các loại	Cái	6
65	Ổ ghi DVD	Cái	17
66	Ổ USB 2G	Cái	1
67	Ổn áp	Cái	16

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
68	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
69	Scanner GENIUS HR8	Cái	1
70	Switch 24 port Repotec	Cái	2
71	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	2
72	Switch Dlink 16 port	Cái	1
73	Switch Dlink 24 port	Cái	1
74	Switch Lay CS2 8308	Cái	1
75	Switch Lay CS3 Websmort	Cái	1
76	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera Analog	Cái	1
77	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera IP-POE	Cái	1
78	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coxial	Cái	1
79	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
80	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
81	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
82	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
83	USB 4G	Cái	12
84	Vít pake	Cây	20
85	Wireless G broadband router with Linux support	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 04 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Trương Hữu Lộc	Đại học Công nghệ thông tin	TN ĐHSP KT		Thực tập tốt nghiệp	6
					Đồ án học phần 2	1
					Lập trình PHP	4
					Lập trình Macro trên MS Office	4

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
2	Nguyễn Tâm Thanh Tùng	Thạc sỹ Khoa học máy tính	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Anh văn chuyên ngành công nghệ thông tin	
					Cơ sở dữ liệu	
					Cấu trúc dữ liệu & giải thuật	
					Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	
3	Đào Tiến Dũng	Thạc sỹ Hệ thống thông tin	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Đồ án học phần 1	
					Thiết kế Web	
					Xử lý ảnh với Adobe Photoshop	
					Xử lý văn bản và bảng tính nâng cao	
4	Mai Thế Hùng	Đại học Toán - Tin	SP dạy nghề		Lập trình cơ sở dữ liệu	
					Thiết kế đồ họa với Correl Draw	
					Thiết kế Web	
					Xử lý ảnh với Adobe Photoshop	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

– Tên chương trình: **TIN HỌC ỨNG DỤNG**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

– Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

II.Ngành, nghề: THIẾT KẾ TRANG WEB

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 25 sinh viên

– Trung cấp: 20 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Balun chuyển đổi từ dây cáp mạng, điện thoại qua BNC	Cái	1
2	Bàn lập trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lập trình KTXX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	20
6	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
7	Bộ lưu điện	Cái	13
8	Cài đặt máy chủ	Máy	1
9	Cài đặt máy con	Máy	40
10	Camera Analog HRN31H	Cái	1
11	Camera Analog RRN31X	Cái	1
12	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1
13	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
14	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
15	Đèn sạc 2 bóng	Cái	2
16	Đồng hồ đo vạn năng kim	Cái	5
17	Đồng hồ Tenst cable	Cái	8
18	HDD WD-500Gb	Ổ	1
19	Hệ thống mạng + phụ kiện gồm:-02 Switch dlink 24 port + 01 Switch dlink 16 port.	Ht	4
20	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm:	Ht	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	- 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connecector RJ45.		
21	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
22	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng cho 2 ht): 55,984,500đ.	Ht	1
23	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
24	Hôp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
25	Hộp đồ nghề thực hành	Cái	3
26	Kềm bấm cáp	Cái	19
27	Kềm cắt 7" Asaki	Cái	3
28	Kềm nhọn 6" cách điện Asaki	Cái	5
29	Khoan tay Black	Cái	1
30	Kìm bấm RJ45/RJ11	Cái	2
31	Máy chiếu overhead	Cái	3
32	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
33	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
34	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1
35	Máy hút bụi mini	Cái	2
36	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1
37	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1
38	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
39	Máy lạnh	Cái	54
40	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	2
41	Máy thổi bụi máy tính Evlen	Cái	1
42	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	236
43	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
44	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
45	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
46	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
47	Máy vi tính Core 2 duo 1.8GHz	Bộ	4
48	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
49	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	162
50	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51
51	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
52	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	81
53	Máy vi tính P4 -3.0Ghz	Bộ	1
54	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	6
55	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
56	Micro có dây 5m	Cái	10
57	Micrô không dây sennheiser	Cái	5
58	Micro thu tiếng, nguồn cung cấp 12V, vùng hoạt động $5m^2$ - $10m^2$	Cái	1
59	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
60	Modem ADSL VIGOR	Cái	1
61	Modem Vigor V3300	Cái	2
62	Ổ cắm + dây 5m	Bộ	2
63	Ổ cắm hình chữ nhật 6 chân cắm	Cái	10
64	Ổ cứng các loại	Cái	6
65	Ổ ghi DVD	Cái	17
66	Ổ USB 2G	Cái	1
67	Ổn áp	Cái	16
68	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
69	Scanner GENIUS HR8	Cái	1
70	Switch 24 port Repotec	Cái	2
71	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	2
72	Switch Dlink 16 port	Cái	1
73	Switch Dlink 24 port	Cái	1
74	Switch Lay CS2 8308	Cái	1
75	Switch Lay CS3 Websmort	Cái	1
76	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera Analog	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
77	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera IP-POE	Cái	1
78	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coxial	Cái	1
79	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
80	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
81	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
82	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
83	USB 4G	Cái	12
84	Vít pake	Cây	20
85	Wireless G broadband router with Linux support	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 04 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Lương Minh Dũng	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề		Lập trình ASP.Net 1	4
					Đồ án 1	1
					Thực tập tốt nghiệp	6
					Lập trình PHP2	4

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
2	Đào Thị Lương	Thạc sỹ Hệ thống thông tin	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Lập trình ASP.Net 2	
					Lập trình PHP1	
					XML	
					Công nghệ và dịch vụ web	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
3	Hồ Ngọc Thanh	Kỹ sư công nghệ máy tính	SP dạy nghề		Đồ án 2	
					Thiết kế web	
					Lập trình hướng đối tượng	
					Lập trình cơ sở dữ liệu	
4	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề		Phân tích và thiết kế hệ thống	
					Phần cứng và mạng máy tính	
					Lập trình Windows	
					Photoshop	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4.Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **THIẾT KẾ TRANG WEB**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

III. Ngành, nghề:

Trình độ đào tạo Cao đẳng: **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÁY TÍNH**

– Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: 65 sinh viên

Trình độ đào tạo Trung cấp: **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT PHẦN CỨNG MÁY TÍNH**

– Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: 20 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Balun chuyển đổi từ dây cáp mạng, điện thoại qua BNC	Cái	1
2	Bàn lập trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lập trình KTXX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	20
6	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
7	Bộ lưu điện	Cái	13
8	Cài đặt máy chủ	Máy	1
9	Cài đặt máy con	Máy	40
10	Camera Analog HRN31H	Cái	1
11	Camera Analog RRN31X	Cái	1
12	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1
13	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
14	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
15	Đèn sạc 2 bóng	Cái	2
16	Đồng hồ đo vạn năng kim	Cái	5
17	Đồng hồ Tenst cable	Cái	8
18	HDD WD-500Gb	Ổ	1
19	Hệ thống mạng + phụ kiện gồm:-02 Switch dlink 24 port + 01 Switch dlink 16 port.	Ht	4
20	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm: - 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connecector RJ45.	Ht	1
21	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
22	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng	Ht	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	cho 2 ht): 55,984,500đ.		
23	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
24	Hôp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
25	Hộp đồ nghề thực hành	Cái	3
26	Kềm bấm cáp	Cái	19
27	Kềm cắt 7" Asaki	Cái	3
28	Kềm nhọn 6" cách điện Asaki	Cái	5
29	Khoan tay Black	Cái	1
30	Kìm bấm RJ45/RJ11	Cái	2
31	Máy chiếu overhead	Cái	3
32	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
33	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
34	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1
35	Máy hút bụi mini	Cái	2
36	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1
37	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1
38	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
39	Máy lạnh	Cái	54
40	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	2
41	Máy thổi bụi máy tính Evlen	Cái	1
42	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	236
43	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
44	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
45	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3
46	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
47	Máy vi tính Core 2 duo 1.8GHz	Bộ	4
48	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
49	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	162
50	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51
51	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
52	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	81
53	Máy vi tính P4 -3.0Ghz	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
54	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	6
55	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
56	Micro có dây 5m	Cái	10
57	Micrô không dây sennheiser	Cái	5
58	Micro thu tiếng, nguồn cung cấp 12V, vùng hoạt động $5m^2$ - $10m^2$	Cái	1
59	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
60	Modem ADSL VIGOR	Cái	1
61	Modem Vigor V3300	Cái	2
62	Ổ cắm + dây 5m	Bộ	2
63	Ổ cắm hình chữ nhật 6 chân cắm	Cái	10
64	Ổ cứng các loại	Cái	6
65	Ổ ghi DVD	Cái	17
66	Ổ USB 2G	Cái	1
67	Ổn áp	Cái	16
68	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
69	Scanner GENIUS HR8	Cái	1
70	Switch 24 port Repotec	Cái	2
71	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	2
72	Switch Dlink 16 port	Cái	1
73	Switch Dlink 24 port	Cái	1
74	Switch Lay CS2 8308	Cái	1
75	Switch Lay CS3 Websmort	Cái	1
76	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera Analog	Cái	1
77	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera IP-POE	Cái	1
78	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coxial	Cái	1
79	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
80	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
81	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
82	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
83	USB 4G	Cái	12
84	Vít pake	Cây	20

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
85	Wireless G broadband router with Linux support	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 09 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Ninh Đỗ Hiệp	Đại học Mạng máy tính	SP dạy nghề		Phân tích và thiết kế hệ thống	2
					Bảo mật hệ thống thông tin	2
					Thiết kế Web	4
					Thiết bị mạng	2
					Bảo mật hệ thống thông tin	2

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
2	Huỳnh Quốc Dũng	Thạc sỹ Khoa học máy tính	- NVSP bậc 2 - SP dạy nghề		Thiết kế Web	
					Thực tập tốt nghiệp	
3	Nguyễn Bá Lộc	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề		Anh văn chuyên ngành công nghệ thông tin	
					Đồ án 2	
4	Võ Hoàng Anh Trí	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề		Phân tích và thiết kế hệ thống	
					Công nghệ mạng không dây	
5	Lương Thái Hiền	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề		Thiết kế Web	
					Kỹ thuật truyền thông và số liệu	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
6	Đặng Tú Hoa	Thạc sỹ Khoa học máy tính	SP dạy nghề		Bảo mật hệ thống thông tin	
					Xử lý sự cố phần mềm	
7	Hà Văn Cử	Thạc sỹ Khoa học máy tính	- NVSP bậc 2 - SP dạy nghề		Đồ án 1	
					Sửa chữa thiết bị ngoại vi	
8	Trần Thị Minh Thúy	Thạc sỹ Khoa học máy tính	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Đồ án 2	
					Sửa chữa máy tính nâng cao	
9	Trà Văn Đồng	Thạc sỹ Khoa học máy tính	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập tốt nghiệp	
					Đồ án 1	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình:

+ **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÁY TÍNH,** trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT PHẦN CỨNG MÁY TÍNH,** trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

IV.Ngành, nghề: LẬP TRÌNH MÁY TÍNH

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: 25 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Balun chuyển đổi từ dây cáp mạng, điện thoại qua BNC	Cái	1
2	Bàn lập trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lập trình KTXX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	20
6	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
7	Bộ lưu điện	Cái	13
8	Cài đặt máy chủ	Máy	1
9	Cài đặt máy con	Máy	40
10	Camera Analog HRN31H	Cái	1
11	Camera Analog RRN31X	Cái	1
12	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1
13	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
14	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
15	Đèn sạc 2 bóng	Cái	2
16	Đồng hồ đo vạn năng kim	Cái	5
17	Đồng hồ Tenst cable	Cái	8
18	HDD WD-500Gb	Ổ	1
19	Hệ thống mạng + phụ kiện gồm:-02 Switch dlink 24 port + 01 Switch dlink 16 port.	Ht	4
20	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm: - 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connecector RJ45.	Ht	1
21	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
22	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng	Ht	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	cho 2 ht): 55,984,500đ.		
23	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
24	Hôp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
25	Hộp đồ nghề thực hành	Cái	3
26	Kềm bấm cáp	Cái	19
27	Kềm cắt 7" Asaki	Cái	3
28	Kềm nhọn 6" cách điện Asaki	Cái	5
29	Khoan tay Black	Cái	1
30	Kìm bấm RJ45/RJ11	Cái	2
31	Máy chiếu overhead	Cái	3
32	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
33	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
34	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1
35	Máy hút bụi mini	Cái	2
36	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1
37	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1
38	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
39	Máy lạnh	Cái	54
40	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	2
41	Máy thổi bụi máy tính Evlen	Cái	1
42	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	236
43	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
44	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
45	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3
46	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
47	Máy vi tính Core 2 duo 1.8GHz	Bộ	4
48	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
49	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	162
50	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51
51	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
52	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	81
53	Máy vi tính P4 -3.0Ghz	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
54	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	6
55	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
56	Micro có dây 5m	Cái	10
57	Micrô không dây sennheiser	Cái	5
58	Micro thu tiếng, nguồn cung cấp 12V, vùng hoạt động $5m^2$ - $10m^2$	Cái	1
59	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
60	Modem ADSL VIGOR	Cái	1
61	Modem Vigor V3300	Cái	2
62	Ổ cắm + dây 5m	Bộ	2
63	Ổ cắm hình chữ nhật 6 chân cắm	Cái	10
64	Ổ cứng các loại	Cái	6
65	Ổ ghi DVD	Cái	17
66	Ổ USB 2G	Cái	1
67	Ổn áp	Cái	16
68	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
69	Scanner GENIUS HR8	Cái	1
70	Switch 24 port Repotec	Cái	2
71	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	2
72	Switch Dlink 16 port	Cái	1
73	Switch Dlink 24 port	Cái	1
74	Switch Lay CS2 8308	Cái	1
75	Switch Lay CS3 Websmort	Cái	1
76	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera Analog	Cái	1
77	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera IP-POE	Cái	1
78	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coxial	Cái	1
79	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
80	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
81	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
82	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
83	USB 4G	Cái	12
84	Vít pake	Cây	20

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
85	Wireless G broadband router with Linux support	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 03 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Thái Thị My Sa	Đại học Tin học	TN ĐHSP		Lập trình web	5
					Chuyên đề Java	3
					Đồ án 1	1
					Thực tập tốt nghiệp	6

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
2	Phùng Nguyễn Thanh Phong	Kỹ sư Tin học	SP dạy nghề		Lập trình hệ thống nhúng	
					Thiết kế web	
					Lập trình hướng đối tượng	
					XML	
3	Trịnh Hồng Thuyên	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề		Phân tích và thiết kế hệ thống	
					Phần cứng và mạng máy tính	
					Lập trình Windows	
					Photoshop	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **LẬP TRÌNH MÁY TÍNH**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

V.Ngành, nghề: AN NINH MẠNG

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 25 sinh viên

– Trung cấp: 20 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Balun chuyển đổi từ dây cáp mạng, điện thoại qua BNC	Cái	1
2	Bàn lập trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lập trình KTXX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	20
6	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
7	Bộ lưu điện	Cái	13
8	Cài đặt máy chủ	Máy	1
9	Cài đặt máy con	Máy	40
10	Camera Analog HRN31H	Cái	1
11	Camera Analog RRN31X	Cái	1
12	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1
13	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
14	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
15	Đèn sạc 2 bóng	Cái	2
16	Đồng hồ đo vạn năng kim	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
17	Đồng hồ Tenst cable	Cái	8
18	HDD WD-500Gb	Ổ	1
19	Hệ thống mạng + phụ kiện gồm:-02 Switch dlink 24 port + 01 Switch dlink 16 port.	Ht	4
20	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm: - 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connecector RJ45.	Ht	1
21	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
22	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng cho 2 ht): 55,984,500đ.	Ht	1
23	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
24	Hôp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
25	Hộp đồ nghề thực hành	Cái	3
26	Kềm bấm cáp	Cái	19
27	Kềm cắt 7" Asaki	Cái	3
28	Kềm nhọn 6" cách điện Asaki	Cái	5
29	Khoan tay Black	Cái	1
30	Kìm bấm RJ45/RJ11	Cái	2
31	Máy chiếu overhead	Cái	3
32	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
33	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
34	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1
35	Máy hút bụi mini	Cái	2
36	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1
37	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1
38	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
39	Máy lạnh	Cái	54
40	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
41	Máy thổi bụi máy tính Evlen	Cái	1
42	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	236
43	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
44	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
45	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3
46	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
47	Máy vi tính Core 2 duo 1.8GHz	Bộ	4
48	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
49	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	162
50	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51
51	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
52	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	81
53	Máy vi tính P4 -3.0Ghz	Bộ	1
54	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	6
55	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
56	Micro có dây 5m	Cái	10
57	Micrô không dây sennheiser	Cái	5
58	Micro thu tiếng, nguồn cung cấp 12V, vùng hoạt động $5m^2$ - $10m^2$	Cái	1
59	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
60	Modem ADSL VIGOR	Cái	1
61	Modem Vigor V3300	Cái	2
62	Ổ cắm + dây 5m	Bộ	2
63	Ổ cắm hình chữ nhật 6 chân cắm	Cái	10
64	Ổ cứng các loại	Cái	6
65	Ổ ghi DVD	Cái	17
66	Ổ USB 2G	Cái	1
67	Ổn áp	Cái	16
68	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
69	Scanner GENIUS HR8	Cái	1
70	Switch 24 port Repotec	Cái	2
71	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
72	Switch Dlink 16 port	Cái	1
73	Switch Dlink 24 port	Cái	1
74	Switch Lay CS2 8308	Cái	1
75	Switch Lay CS3 Websmort	Cái	1
76	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera Analog	Cái	1
77	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera IP-POE	Cái	1
78	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coxial	Cái	1
79	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
80	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
81	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
82	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
83	USB 4G	Cái	12
84	Vít pake	Cây	20
85	Wireless G broadband router with Linux support	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 04 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Nguyễn Xuân Lợi	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề		Kỹ thuật lập trình bằng ngôn ngữ C	4
					Thiết kế Web	4
					Lập trình mạng	2

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
2	Dương Đình Dũng	Thạc sỹ Khoa học máy tính	TN ĐHSPKT		Thiết kế Web	
					Thực tập tốt nghiệp	
					Công nghệ ảo hóa	
3	Bùi Minh Hải	Đại học Tin học	SP dạy nghề		Thực tập tốt nghiệp	
					Đồ án 1	
					Đồ án 2	
4	Đinh Thị Hồng Loan	Thạc sỹ Khoa học máy tính	SP dạy nghề		Công nghệ ảo hóa	
					Kỹ thuật hack	
					Kỹ thuật hack nâng cao	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **AN NINH MẠNG**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

VI.Ngành, nghề: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 35 sinh viên

– Trung cấp: 25 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Balun chuyển đổi từ dây cáp mạng, điện thoại qua BNC	Cái	1
2	Bàn lập trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lập trình KTXX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	20
6	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
7	Bộ lưu điện	Cái	13
8	Cài đặt máy chủ	Máy	1
9	Cài đặt máy con	Máy	40
10	Camera Analog HRN31H	Cái	1
11	Camera Analog RRN31X	Cái	1
12	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1
13	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
14	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
15	Đèn sạc 2 bóng	Cái	2
16	Đồng hồ đo vạn năng kim	Cái	5
17	Đồng hồ Tenst cable	Cái	8
18	HDD WD-500Gb	Ổ	1
19	Hệ thống mạng + phụ kiện gồm:-02 Switch dlink 24 port + 01 Switch dlink 16 port.	Ht	4
20	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm: - 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connecector RJ45.	Ht	1
21	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
22	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng cho 2 ht): 55,984,500đ.	Ht	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
23	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
24	Hôp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
25	Hộp đồ nghề thực hành	Cái	3
26	Kềm bấm cáp	Cái	19
27	Kềm cắt 7" Asaki	Cái	3
28	Kềm nhọn 6" cách điện Asaki	Cái	5
29	Khoan tay Black	Cái	1
30	Kìm bấm RJ45/RJ11	Cái	2
31	Máy chiếu overhead	Cái	3
32	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
33	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
34	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1
35	Máy hút bụi mini	Cái	2
36	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1
37	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1
38	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
39	Máy lạnh	Cái	54
40	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	2
41	Máy thổi bụi máy tính Evlen	Cái	1
42	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	236
43	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
44	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
45	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3
46	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
47	Máy vi tính Core 2 duo 1.8GHz	Bộ	4
48	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
49	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	162
50	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51
51	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
52	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	81
53	Máy vi tính P4 -3.0Ghz	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
54	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	6
55	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
56	Micro có dây 5m	Cái	10
57	Micrô không dây sennheiser	Cái	5
58	Micro thu tiếng, nguồn cung cấp 12V, vùng hoạt động $5m^2$ - $10m^2$	Cái	1
59	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
60	Modem ADSL VIGOR	Cái	1
61	Modem Vigor V3300	Cái	2
62	Ổ cắm + dây 5m	Bộ	2
63	Ổ cắm hình chữ nhật 6 chân cắm	Cái	10
64	Ổ cứng các loại	Cái	6
65	Ổ ghi DVD	Cái	17
66	Ổ USB 2G	Cái	1
67	Ổn áp	Cái	16
68	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
69	Scanner GENIUS HR8	Cái	1
70	Switch 24 port Repotec	Cái	2
71	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	2
72	Switch Dlink 16 port	Cái	1
73	Switch Dlink 24 port	Cái	1
74	Switch Lay CS2 8308	Cái	1
75	Switch Lay CS3 Websmort	Cái	1
76	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera Analog	Cái	1
77	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera IP-POE	Cái	1
78	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coxial	Cái	1
79	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
80	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
81	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
82	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
83	USB 4G	Cái	12
84	Vít pake	Cây	20

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
85	Wireless G broadband router with Linux support	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 05 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 02 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Hà Thị Hậu	Thư viện - Thông tin	SP dạy nghề		Dựng video	4*(3/1)*
					Thực tập tốt nghiệp	6
2.	Nguyễn Thị Trang	Thư viện - Thông tin	SP dạy nghề		Công nghệ Multimedia	4*(3/1)*
					Đồ án môn học 1	1

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Lê Viết Duy Anh	Đại học Khoa học máy tính	TN ĐHSPKT		Đồ án môn học 2	1
					Biên tập phim với Premiere	
2.	Trần Thanh Nam	Thạc sỹ Hệ thống thông tin	SP dạy nghề		Chế bản với Indesign	3(2/1)
					Thiết kế đồ họa với Corel Draw	
3.	Phạm Thế Yên	Thạc sỹ Hệ thống thông tin	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Đồ án môn học 2	1
					Lập trình Web	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

VII.Ngành, nghề: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 40 sinh viên

– Trung cấp: 30 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Balun chuyển đổi từ dây cáp mạng, điện thoại qua BNC	Cái	1
2	Bàn lập trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lập trình KTXX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	20
6	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
7	Bộ lưu điện	Cái	13
8	Cài đặt máy chủ	Máy	1
9	Cài đặt máy con	Máy	40
10	Camera Analog HRN31H	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
11	Camera Analog RRN31X	Cái	1
12	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1
13	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
14	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
15	Đèn sạc 2 bóng	Cái	2
16	Đồng hồ đo vạn năng kim	Cái	5
17	Đồng hồ Tenst cable	Cái	8
18	HDD WD-500Gb	Ổ	1
19	Hệ thống mạng + phụ kiện gồm:-02 Switch dlink 24 port + 01 Switch dlink 16 port.	Ht	4
20	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm: - 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connecector RJ45.	Ht	1
21	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
22	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng cho 2 ht): 55,984,500đ.	Ht	1
23	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
24	Hôp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
25	Hộp đồ nghề thực hành	Cái	3
26	Kềm bấm cáp	Cái	19
27	Kềm cắt 7" Asaki	Cái	3
28	Kềm nhọn 6" cách điện Asaki	Cái	5
29	Khoan tay Black	Cái	1
30	Kìm bấm RJ45/RJ11	Cái	2
31	Máy chiếu overhead	Cái	3
32	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
33	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
34	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
35	Máy hút bụi mini	Cái	2
36	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1
37	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1
38	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
39	Máy lạnh	Cái	54
40	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	2
41	Máy thổi bụi máy tính Evlen	Cái	1
42	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	236
43	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
44	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
45	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3
46	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
47	Máy vi tính Core 2 duo 1.8GHz	Bộ	4
48	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
49	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	162
50	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51
51	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
52	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	81
53	Máy vi tính P4 -3.0Ghz	Bộ	1
54	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	6
55	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
56	Micro có dây 5m	Cái	10
57	Micrô không dây sennheiser	Cái	5
58	Micro thu tiếng, nguồn cung cấp 12V, vùng hoạt động $5m^2$ - $10m^2$	Cái	1
59	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
60	Modem ADSL VIGOR	Cái	1
61	Modem Vigor V3300	Cái	2
62	Ổ cắm + dây 5m	Bộ	2
63	Ổ cắm hình chữ nhật 6 chân cắm	Cái	10
64	Ổ cứng các loại	Cái	6
65	Ổ ghi DVD	Cái	17

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
66	Ổ USB 2G	Cái	1
67	Ổn áp	Cái	16
68	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
69	Scanner GENIUS HR8	Cái	1
70	Switch 24 port Repotec	Cái	2
71	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	2
72	Switch Dlink 16 port	Cái	1
73	Switch Dlink 24 port	Cái	1
74	Switch Lay CS2 8308	Cái	1
75	Switch Lay CS3 Websmort	Cái	1
76	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera Analog	Cái	1
77	Thiết bị cấp nguồn qua mạng cho Camera IP-POE	Cái	1
78	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coxial	Cái	1
79	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
80	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
81	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
82	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
83	USB 4G	Cái	12
84	Vít pake	Cây	20
85	Wireless G broadband router with Linux support	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 07GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Trần Quốc Định	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề	Bậc 3/7	Khai báo hải quan điện tử	2
					Đồ án 2	1
					Lập trình Web 2	*4(2,2)*

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Lê Thành Hưng	- Thạc sỹ KT điều khiển và tự động hóa - Đại học Tin học	SP dạy nghề		- Đồ án 1 - Khai báo hải quan điện tử	
					Nghiệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm trong TMĐT	
2.	Lê Hữu Nhơn	Thạc sỹ Công nghệ thông tin	TN ĐHSPKT		- Thực tập tốt nghiệp - Thực hành giao dịch B2B, B2C, C2C	
					- Kỹ thuật nghiệp vụ thương mại	
3.	Nguyễn Đức Thịnh	Đại học Công nghệ thông tin	SP dạy nghề		Thanh toán điện tử	
					Thư tín thương mại	
4.	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Đại học Công nghệ thông tin	TN ĐHSPKT		Ứng dụng CNTT trong TMĐT 4(2,2)	
					Lập trình Web 1	
5.	Hồ Ngọc Chi	Thạc sỹ Khoa học máy tính	SP dạy nghề		- Đồ án 2 Lập trình Web 2	
					- Thiết kế Web	
6.	Huỳnh Quốc Dũng	Thạc sỹ Khoa học máy tính	- NVSP bậc 2 - SP dạy nghề		- Thực hành giao dịch B2B, B2C, C2C	
					- An ninh mạng và chữ ký số	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

VIII.Ngành, nghề: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 30 sinh viên

– Trung cấp: 15 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng học tiếng anh: 2 phòng

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	2
2	Máy chiếu	Cái	20
	Phòng Lab 1		
3	Hệ thống Lab Multimedia Wiscom LMW 9200 cho phòng 40 học viên (VN): - 01 bộ khối điều khiển hệ thống Lab Wiscom-9200. - 01 bộ máy vi tính wiscom chuyên dùng cài đặt phần mềm điều khiển Lab (sử dụng 2 monitor 18.5" LCD, DVDRW). - 40 Bộ Student Booth Amplifier & Analyser Wiscom. - 41 bộ Headphone with Microphone.	Bộ	1
4	Thiết bị cơ bản của phòng Lab Multimedia Wiscom LMW 9200 (VN): - 01 Máy in laser HP P1006(A4): 4,576,000 - 01 Ghế xoay dành cho giáo viên GGV: 680,000 - 40 Ghế xếp dành cho học viên GHS: 18,360,000 - 01 Bàn Lab giáo viên chuyên dùng 1400x700x750(mm): 1,950,000 - 20 Bàn Lab HS 2 chỗ chuyên dùng 1250x550x1200(mm): 39,000,000 - 01 Ampli 100W Ariang - 01Loa thùng 100W Tiến Đạt - 01 Micro dây cầm tay Ariang	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng Lab 2		
5	Card tiếng chuyên dụng AC-6000	Cái	1
6	Bộ chuyển đổi tiếng ASW-6000	Bộ	1
7	Phần mềm điều khiển SF-2000	Bộ	1
8	Máy tính giáo viên (CPU Intel Core I3-4160 -3.6 Ghz)	Bộ	1
9	Máy chiếu gần BenQ MX806ST + màn chiếu treo tường (1.78x1.78m)	Cái	1
10	Bộ điều khiển trung tâm của giáo viên MK-6000	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 03 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/25

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Trần Thị Ngọc Dung	Thạc sỹ Luật Kinh tế	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Soạn thảo văn bản - Phân tích báo cáo tài chính	2 3

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Huỳnh Trị An	Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý	NVSP dành cho GV		Tài chính doanh nghiệp 2	
					- Luật kinh tế	
2	Ngô Phương Loan	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng	NVSP dành cho GV		Luật kinh tế	
					Nghiệp vụ ngân hàng 1	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

IX. Ngành, nghề: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 30 sinh viên

– Trung cấp: 15 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng học tiếng anh: 2 phòng

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	2
2	Máy chiếu	Cái	20
	Phòng Lab 1		
3	Hệ thống Lab Multimedia Wiscom LMW 9200 cho phòng 40 học viên (VN): - 01 bộ khối điều khiển hệ thống Lab Wiscom-9200. - 01 bộ máy vi tính wiscom chuyên dùng cài đặt phần mềm điều khiển Lab (sử dụng 2 monitor 18.5" LCD, DVDRW). - 40 Bộ Student Booth Amplifier & Analyser Wiscom. - 41 bộ Headphone with Microphone.	Bộ	1
4	Thiết bị cơ bản của phòng Lab Multimedia Wiscom LMW 9200 (VN): - 01 Máy in laser HP P1006(A4): 4,576,000 - 01 Ghế xoay dành cho giáo viên GGV: 680,000 - 40 Ghế xếp dành cho học viên GHS: 18,360,000 - 01 Bàn Lab giáo viên chuyên dùng 1400x700x750(mm):	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	1,950,000 - 20 Bàn Lab HS 2 chỗ chuyên dùng 1250x550x1200(mm): 39,000,000 - 01 Ampli 100W Ariang - 01Loa thùng 100W Tiến Đạt - 01 Micro dây cầm tay Ariang		
	Phòng Lab 2		
5	Card tiếng chuyên dụng AC-6000	Cái	1
6	Bộ chuyển đổi tiếng ASW-6000	Bộ	1
7	Phần mềm điều khiển SF-2000	Bộ	1
8	Máy tính giáo viên (CPU Intel Core I3-4160 -3.6 Ghz)	Bộ	1
9	Máy chiếu gần BenQ MX806ST + màn chiếu treo tường (1.78x1.78m)	Cái	1
10	Bộ điều khiển trung tâm của giáo viên MK-6000	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 03 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/25

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 03 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Trần Quốc Hùng	Thạc sỹ Kế toán	SP dạy nghề		- Marketing - Lý thuyết kế toán	
2	Dương Thị Kim Nhung	Thạc sỹ Kinh tế	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Phân tích hoạt động kinh doanh - Kế toán thương mại dịch vụ	
3	Lê Bảo Linh	Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý	NVSP bậc 2		- Kế toán thuế - Thực tập tốt nghiệp - Chuyên đề 2	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

X. Ngành, nghề: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 30 sinh viên

– Trung cấp: 15 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng học tiếng anh: 2 phòng

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD	Bộ	2
2	Máy chiếu	Cái	20
	Phòng Lab 1		
3	Hệ thống Lab Multimedia Wiscom LMW 9200 cho phòng 40 học viên (VN): - 01 bộ khối điều khiển hệ thống Lab Wiscom-9200. - 01 bộ máy vi tính wiscom chuyên dùng cài đặt phần mềm điều khiển Lab (sử dụng 2 monitor 18.5" LCD, DVDRW). - 40 Bộ Student Booth Amplifier & Analyser Wiscom. - 41 bộ Headphone with Microphone.	Bộ	1
4	Thiết bị cơ bản của phòng Lab Multimedia Wiscom LMW 9200 (VN): - 01 Máy in laser HP P1006(A4): 4,576,000 - 01 Ghế xoay dành cho giáo viên GGV: 680,000 - 40 Ghế xếp dành cho học viên GHS: 18,360,000 - 01 Bàn Lab giáo viên chuyên dùng 1400x700x750(mm): 1,950,000 - 20 Bàn Lab HS 2 chỗ chuyên dùng 1250x550x1200(mm): 39,000,000 - 01 Ampli 100W Ariang - 01Loa thùng 100W Tiến Đạt - 01	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Micro dây cầm tay Ariang		
	Phòng Lab 2		
5	Card tiếng chuyên dụng AC-6000	Cái	1
6	Bộ chuyển đổi tiếng ASW-6000	Bộ	1
7	Phần mềm điều khiển SF-2000	Bộ	1
8	Máy tính giáo viên (CPU Intel Core I3-4160 -3.6 Ghz)	Bộ	1
9	Máy chiếu gần BenQ MX806ST + màn chiếu treo tường (1.78x1.78m)	Cái	1
10	Bộ điều khiển trung tâm của giáo viên MK-6000	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 03 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/25

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 03 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Đoàn Thanh Hiếu Nghĩa	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Quản trị văn phòng - Soạn thảo văn bản - Luật kinh tế	
2	Hồ Thị Ái Liên	Thạc sỹ Kinh tế học	SP dạy nghề		- Thực tập tốt nghiệp 8 - Chuyên đề 2 - Thương mại điện tử	
3	Nguyễn Thanh Miện	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Quản trị học - Quản trị tác nghiệp	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XI. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 250 sinh viên

– Trung cấp: 15 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 8 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng CNC - CN1		
1	Chống sét lan truyền. Model SYC-TC480 3Y	Bộ	1
2	Máy chiếu Projector Panasonic PT-LB51SEA + màn chiếu Dalite 100"	Bộ	1
3	Máy lạnh tủ đứng 6.5 HP CARRIER (Model: 38LB060SC)	Bộ	3
4	Máy phay CNC 3 trục Concept Mill 55 dùng cho đào tạo(Áo)	Bộ	1
5	Máy tiện CNC Concept Turn 155 (Áo)	Bộ	1
6	Máy tiện CNC công nghiệp AC-1840	Bộ	1
7	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
8	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	50
9	Ổn áp các loại	Cái	2
10	Trung tâm phay đứng CNC	Bộ	1
11	Bàn nguội + êtô	Cái	1
12	Đồng hồ đo lỗ 50-150	Bộ	2
13	Hệ thống âm thanh phòng học	Bộ	1
14	Kềm các loại	Cái	2
15	Khóa lục giác	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
16	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
17	Màn hình LCD máy phay CNC	Cái	1
18	Mỏ lết các loại	Cái	3
19	Panme các loại	Cái	10
20	Switch Dlink 8 port	Cái	1
21	Thước cặp các loại	Cái	11
22	Thước đo cao đồng hồ 300	Cây	1
23	Thước đo góc vạn năng	Cây	2
24	Thước đo sâu 0-300	Cây	2
25	Tuocnovit pake 5mm Asaki	Cái	1
	Xưởng CNC - CN2		
26	Bàn lập trình điều khiển NC Fanuc 0/21 & Sinumerik 810/840D	Bộ	7
27	Bộ khuôn ép nhựa	Bộ	1
28	Chống sét lan truyền đường nguồn SYCOM Model: SYC-TC-3Y (USA)	Bộ	1
29	Hệ thống lập trình đào tạo CNC dạng công nghiệp (Áo)	Bộ	1
30	Hệ thống mạng:01 Switch 16ports base 10/100/1000	Ht	1
31	Kim thu sét trực tiếp CIRPROTEC Model: NLP1100-30	Ht	1
32	Máy chiếu projector Panasonic PT-LB50TEA wireless + màn hình DALITE 84x84" có remote (USA)	Bộ	1
33	Máy lạnh tủ đứng 2 khối	Cái	4
34	Máy nén khí + Máy sấy khí + bộ lọc (Korea)	Bộ	1
35	Máy phay CNC Concept Mill 155 dùng cho đào tạo và CN (Áo)	Bộ	1
36	Máy quét 3D laser không tiếp xúc Model Range 7	Bộ	1
37	Máy tiện CNC công nghiệp AC-1840	Bộ	1
38	Máy tiện CNC loại đặt bàn Concept Turn 55 (Áo)	Bộ	1
39	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	55
40	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	1
41	Ổn áp Lioa 15KVA 3 pha	Cái	1
42	Phần mềm CAD/CAM License - VISI Mould Complete V17.0; Hãng VERO; 05 Users (UK)	Bộ	5
43	Phần mềm CAD/CAM License; Hãng Siemens; dùng cho 02 Users	Bộ	2
44	Phần mềm CAM Concept (Áo)	Bộ	1
45	Phần mềm thiết kế ngược Model: XOR dùng cho 30 Users (Korea)	Bộ	1
46	Phần mềm xử lí dữ liệu quét - Range Viewer	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
47	Trung tâm gia công phay đứng CNC VM-20	Bộ	1
48	Bàn nguội + êtô	Cái	1
49	Bình xịt nhớt	Cái	5
50	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	1
51	Bộ cable 8-24 (cle)	Bộ	1
52	Bộ căn lót	Bộ	2
53	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	2
54	Bộ đóng số 10mm	Bộ	2
55	Bộ gá cán dao phay	Bộ	1
56	Bộ lục giác (USA)	Bộ	1
57	Búa nhựa	Cái	5
58	Đèn pin sạc	Cái	2
59	Máy hút bụi	Cái	2
60	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	2
61	Ổ ghi DVD cổng USB	Cái	1
62	Ổn áp 30KVA 3 pha	Cái	1
63	Súng bơm mỡ	Cái	2
64	Switch 24 port Repotec (Malaysia)	Cái	2
65	Tuocnovit	Cái	1
	Xưởng CNC-CB		
66	Bàn đặt máy tiện BTO 14454	Cái	1
67	Bàn điều khiển cho máy tiện gồm: Đế + mặt bàn	Bộ	2
68	Bàn gá dao thay dao tự động	Cái	1
69	Mặt bàn điều khiển máy phay	Cái	6
70	Máy chiếu Projector Panasonic PT-LB51SEA + màn chiếu Dalite 100"	Bộ	1
71	Máy lạnh treo tường 2 khối 2HP Carrier 42CSR018/38CSR018	Bộ	2
72	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5"	Bộ	51
73	Ổn áp Lioa 30KVA	Cái	1
74	Bộ âm thanh phòng học (ampli + micro + pin sạc)	Bộ	1
75	Bộ cle 8-32	Bộ	1
76	Bộ lục giác số 10	Bộ	1
77	Đầu khoan 13MTI16 (nằm trên máy)	Cái	2
78	Đồng hồ so	Cái	1
79	Kẹp dao phay (D.cụ kèm theo máy phay)BT 30-209	Cái	6
80	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
81	Máy nén khí	Cái	1
82	Mỏ lếch	Cây	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
83	Panme	Cái	2
84	Phần mềm thiết kế cho máy phay, tiện	Bộ	12
85	Tài liệu hướng dẫn cho máy phay, tiện	Cuốn	21
86	Trục nối đầu khoan NT30 (gắn trên máy)	Cái	2
87	Bạc con gá dao (DC kèm theo máy phay)	Cái	6
88	Bàn để máy phay	Cái	1
89	Ổn áp LIOA 7500W	Cái	1
90	Bàn điều khiển cho máy tiện	Cái	1
91	Máy phay CNC với bàn gá thay dao tự động DENFORD	Cái	1
92	Máy tiện CNC DENFORD	Cái	1
	Phòng Phương pháp		
93	Bộ điều khiển cánh cửa bằng khí nén PAD -7411	Bộ	1
94	Bộ giảng dạy kỹ thuật khí nén hoàn chỉnh Gồm có: - 1 bộ giảng dạy kỹ thuật khí nén (PT147A) - 1 bộ thời gian (PT147B) - 1 bộ xác định logic (PT147C) - 1 bộ giảng dạy khí nén điện tử (EP147D) - 1 máy nén khí (PPS148) - 1 bộ tài liệu	Bộ	1
95	Máy đo độ cứng ROCKWELL - PK gồm: - 1 mũi đo bằng kim cương (No 05 08 09) - 1 mũi đo bằng bi thép (1/16") - 10 bi thép thay thế (1/16") - 1 bàn thao tác loại lớn - 1 bàn thao tác loại nhỏ - 1 bàn thao tác V- block loại lớn - 1 bàn thao tác V- block loại nhỏ - 1 dụng cụ thử nghiệm B" (HRB) - 1 dụng cụ thử nghiệm C" (HRC) - Quả tạ 40kg,50kg,60kg (mỗi loại 1 cái) - 3 giá đỡ điều chỉnh mức độ - 1 thiết bị chống bụi - Tài liệu sử dụng EHT-3R	Cái	1
96	Mô hình cung cấp và kẹp phôi tự động điều khiển khí nén	Cái	1
97	Máy lạnh tủ đứng 2 khối Carrier 60.000BTU (6.5HP) model: 40QB060/38RB060SC	Bộ	1
98	Mô hình thước tiện côn chóp hình TCH 0603	Cái	1
99	Máy chiếu Overhead + màn hình hộp Dalite 80x80"3M model 1608	Bộ	1
100	Đồng hồ so	Cái	4
101	Eke	Cái	2
102	Màn hình	Cái	1
103	Mẫu trục	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
104	Mẫu xếp hình (nhựa)	Hộp	10
105	Máy mài 2 đá để bàn 1/2HP Shendar	Cái	1
106	Mô hình các loại	Cái	133
107	Panme các loại	Cái	4
108	Thước cặp 150mm	Cái	5
109	Thước đo độ	Cái	3
110	Thước đo sâu	Cái	1
111	Thước Propin (ren và răng)	Bộ	1
112	Thước trượt	Cái	21
113	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	10
114	Bộ đồng hồ so lỗ Mitutoyo	Cái	1
115	Kềm điện	Cây	1
116	Máy điều hòa Panasonic 2HP pc 18 GKF	Bộ	1
117	Panme điện tử hiện số 0-25	Cái	5
118	Quạt CN	Cái	2
119	Thước cặp các loại	Cái	33
120	Thước đo cao đồng hồ	Cây	5
121	Tuvit đóng	Cái	1
	Xưởng Cơ điện		
122	Giá đỡ Palăng Chữ A	Cái	1
123	Máy khoan đứng 2H 125L	Cái	1
124	Máy mài đứng 3B633	Cái	1
125	Máy phay dụng cụ 6M -76n	Cái	1
126	Xe đẩy tay	Cái	2
127	Bàn nguội	Cái	2
128	Bộ cle các loại	Cây	2
129	Calip kiểm tra lỗ	Cái	2
130	Cảo các loại	Cái	7
131	Chai Axêtylen + oxy	Chai	2
132	Đội 7 tấn	Cái	1
133	Đội thủy lực 3 tấn	Cái	2
134	Đồng hồ các loại	Cái	3
135	Etô máy	Bộ	1
136	Kềm tháo phe (CL)	Cây	5
137	Khóa cle 10, 14, 19, 24, 27	Cây	5
138	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	3
139	Máy cắt sắt Hitachi CG14SE	Cái	1
140	Máy hàn điện AC 220V	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
141	Máy hàn điện DC 220V	Cái	1
142	Máy khoan bàn 2M112	Cái	1
143	Máy khoan cầm tay 20 - 2RE (Bosch)	Cái	1
144	Máy mài cầm tay Makita	Cái	1
145	Máy nén khí 3 HP	Cái	1
146	Mỏ lết	Cái	5
147	Palăng kéo tay 3 tấn	Cái	1
148	Quạt CN	Cái	1
149	Thước cặp các loại	Cái	3
150	Thước đo cao	Cây	1
151	Thước đo sâu	Cây	1
152	Tuvit đóng	Cái	1
153	Bàn Map	Cái	1
154	Bàn từ máy mài	Cái	1
155	Máy tiện + Phụ kiện:- 1 mâm cặp 4 vấu - 1 Ụ trước	Cái	1
156	Thang nhôm chữ A	Cái	1
157	Tủ điện chính	Cái	1
158	Máy mài 2 đá để bàn 3E631	Cái	1
	Xưởng hàn		
159	Đe gò chuyên dùng	Cái	12
160	Hệ thống hút khói xưởng hàn (cho 10 cabin hàn)	HT	1
161	Máy cắt Plasma 70	Cái	1
162	Máy hàn bán tự động (MAG) 350A	Cái	1
163	Máy hàn điện cầm tay (TELWIN) (hàn bấm) Digital	Bộ	1
164	Máy hàn hồ quang tay 300A (máy hàn que Inverter)	Cái	10
165	Máy hàn MAG XCX350	Cái	1
166	Máy hàn MIG 2704 PTX 270	Cái	4
167	Máy hàn Misa 300A	Cái	7
168	Máy hàn TIG đa chức năng AC/DC INSTA -TIG	Cái	1
169	Máy khoan đứng	Cái	1
170	Bàn nguội + êtô	Cái	19
171	Bầu khoan Ø13	Cái	1
172	Bộ cle 8-32	Bộ	1
173	Bộ lục giác	Bộ	2
174	Búa	Cái	46
175	Cle hàm các loại	Cây	4
176	Đe các loại	Cái	17
177	Đồng hồ gió đá	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
178	Êke	Cái	15
179	Kềm bấm	Cái	3
180	Kéo cắt thép lá để bàn	Cái	1
181	Kéo cắt tole cầm tay	Cây	5
182	Khóa cle 24	Cây	1
183	Khung cưa tay	Cây	10
184	Kìm điện	Cây	14
185	Kìm hàn 500A	Cái	17
186	Kìm rèn mỏ dẹp L-200mm	Cây	10
187	Máy bấm đinh tán (đầu)Yunica	Cái	1
188	Máy biến thế hàn (Máy hàn xoay chiều) TIIM-31-T2	Cái	6
189	Máy cắt dĩa REX CN	Cái	1
190	Mỏ lếch các loại	Cái	8
191	Súng hàn MIG - MAG CPTX - 270	Bộ	4
192	Súng hàn MIG - MAG XC - 350	Bộ	2
193	Tuocnovit các loại	Cái	6
194	Vỏ chai chứa khí	Cái	3
195	Máy cắt sắt (Dĩa)	Cái	1
196	Máy hàn một chiều có chấn lưu (16903-803)	Cái	2
197	Máy hàn xoay chiều 250A	Bộ	1
198	Quạt công nghiệp	Cái	1
	Xưởng Nguội		
199	Máy cưa sắt 8725	Cái	1
200	Máy khoan cần 2K-52-1	Cái	1
201	Máy khoan đứng 24125	Cái	2
202	Máy mài 2 đá đứng 3b633	Cái	1
203	Áo col	Cái	3
204	Bàn map 630 x 1000	Cái	1
205	Bàn map 250 x 250	Cái	27
206	Bàn nguội + êtô	Cái	47
207	Bầu khoan + áo col	Bộ	3
208	Bầu khoan côn morse 4	Cái	2
209	Bộ cle các loại	Bộ	5
210	Bộ đục số Φ8	Bộ	3
211	Bộ lục giác các loại	Bộ	3
212	Cần cưa tay	Cây	10
213	Cle hàm 17-19	Cây	2
214	Compa vạch dấu	Cái	16

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
215	Eke đo góc 90 độ	Cái	20
216	Etô máy	Cái	3
217	Êtô máy khoan	Cái	2
218	Kềm bấm	Cái	2
219	Khóa cle 10, 14.17, 19, 24, 27	Cây	14
220	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	14
221	Khung cưa	Cái	50
222	Máy khoan bàn 2M 112T	Cái	1
223	Mỏ lếch	Cây	3
224	Panme đo lỗ Mitutoyo VP 5-30	Cái	1
225	Phôi các loai	Cái	3909
226	Tay quay taro	Cây	16
227	Thước cặp các loại	Cái	42
228	Thước đo cao 300mm	Cây	6
229	Thước đo sâu	Cây	4
230	Thước Eke 320^0	Cái	30
231	Thước kiểm phẳng	Cái	50
232	Thước lá 0-500mm	Cây	20
233	Tuocnovit	Cây	6
234	Tủ điện nguồn	Cái	1
235	**Xưởng Phay**		
236	Bộ chạy bàn tự động trục X và Y (AL - 500) cho các dòng máy phay KM - 4V	Bộ	3
237	Bộ kẹp rút dao NT40	Bộ	10
238	Đầu dao phay mặt đầu NT40 col Ø 80	Bộ	10
239	Đầu phân độ BS2	Cái	2
240	Êtô máy phay	Cái	10
241	Máy bào cơ khí công cụ (B365)(Hameco/Việt Nam)	Máy	1
242	Máy khoan đứng 64125 N	Cái	1
243	Máy mài 2 đá đứng 3E633	Cái	1
244	Máy phay đứng 6P11	Cái	1
245	Máy phay ngang 6T82	Cái	3
246	Máy phay vạn năng (KM -4V)	Máy	10
247	Máy mài phẳng + Phụ kiện gồm: 1 bàn sin dọc n20 + 1 Đồ gá n303E711B	Cái	1
248	Bàn Map	Cái	1
249	Bàn nguội + êtô	Cái	3
250	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
251	Bộ cle các loại	Bộ	6

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
252	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	1
253	Bộ đồng hồ so	Bộ	3
254	Bộ kẹp ống đàn hồi NT40 (đầu kẹp)	Bộ	2
255	Bộ kẹp phay NT40 (đầu kẹp)	Bộ	2
256	Bộ kẹp rút dao NT40 (đầu kẹp)	Cái	1
257	Bộ lục giác	Bộ	2
258	Bút thử điện	Cái	1
259	Calip kiểm tra lỗ	Cái	8
260	Cle hàm	Cây	10
261	Đầu dao khoét chỉnh lệch tâm NT40	Bộ	1
262	Đầu dao khoét lỗ lệch tâm VBH- 107 NT40	Cái	1
263	Đầu kẹp NT40	Cái	1
264	Đầu phân độ BS-2 gồm: - Bộ bánh răng thay thế + Ụ chống tâm + Mâm cặp 3 chấu 7 inch.	Bộ	1
265	Đồng hồ so đo lỗ 50-150	Bộ	2
266	Đồng hồ so nhỏ (có chân bẻ được)	Cái	5
267	Êtô máy các loại	Cái	9
268	Kềm điện	Cây	1
269	Mâm chia độ HV-10	Cái	2
270	Mâm quay phân độ 12"	Cái	1
271	Máy nén khí 1HP	Cái	2
272	Mỏ lếch	Cây	6
273	Pamme các loại	Cây	29
274	Thước cặp các loại	Cây	42
275	Thước đo cao	Cây	9
276	Thước đo góc vạn năng	Cây	8
277	Thước đo module bánh răng	Cái	3
278	Thước đo sâu	Cây	10
279	Tuocnovit dẹp	Cây	5
280	Máy bào ngang 7E+35	Cái	1
281	Máy mài dụng cụ 3M642	Cái	1
282	Máy phay đứng 6P11	Cái	2
283	Máy phay ngang 6T82	Cái	2
	Xưởng Tiện 1		
284	Máy tiện OKUMA	Cái	1
285	Máy tiện TAKISAWA	Cái	2
286	Máy tiện WASINO	Cái	1
287	Mũi tâm quay Côn morse 5 (nằm trên máy)	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
288	Áo col các loại	Cái	22
289	Bàn nguội + êtô	Cái	2
290	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
291	Bầu khoan Ø13	Cái	3
292	Bộ cle các loại	Bộ	4
293	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	3
294	Bộ lục giác	Bộ	4
295	Bút thử điện	Cái	2
296	Calip kiểm tra lỗ	Cái	14
297	Cle hàm	Cây	18
298	Đồng hồ so lỗ Mitutoyo	Cái	1
299	Đồng hồ so Nhật (0-10mm,1/10)	Cái	2
300	Kềm điện	Cây	2
301	Khóa cle 10,24	Cây	4
302	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	12
303	Máy nén khí	Cái	1
304	Mâm cặp 3 chấu 270mm	Cái	1
305	Mâm cặp 3 chấu tự định tâm	Cái	9
306	Mâm cặp 4 chấu 250mm	Cái	3
307	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
308	Mỏ lếch	Cây	4
309	Mũi tâm quay - côn số 4	Cái	6
310	Mũi tâm quay (Sống)	Cái	2
311	Mũi tâm quay côn móc	Cái	18
312	Mũi tâm quay số 3	Cái	5
313	Panme các loại	Cái	36
314	Thước cặp 0-150	Cái	22
315	Thước cặp	Cây	15
316	Thước đo cao	Cây	7
317	Thước đo góc	Cây	4
318	Thước đo sâu	Cây	6
319	Tuocnovit các loại	Cây	28
320	Tủ phân phối điện	Cái	4
321	Máy cưa kim loại Captain - ĐL	Cái	1
322	Máy mài 2 đá	Cái	3
323	Máy tiện 16b16KII	Cái	9
324	Máy tiện 16E20	Cái	3
325	Máy tiện HAMUTU	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
326	Máy tiện HOWA -SANYO	Cái	1
327	Máy tiện NAMBA	Cái	1
	Xưởng Tiện 2		
328	Máy mài 2 đá đứng 3b633	Cái	1
329	Máy nén khí PONY 3HP	Bộ	1
330	Máy tiện vạn năng (KC -1840)	Máy	13
331	Mũi tâm quay Côn morse 5	Cái	5
332	Thước đo cao Mitutoyo 300mm	Cây	5
333	Áo côn các loại	Cái	19
334	Bàn nguội + êtô	Cái	4
335	Bầu khoan cặp được mũi khoan Ø16 và chuôi côn móc số 5	Bộ	5
336	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
337	Bầu khoan Ø13	Cái	1
338	Bộ đồng hồ so	Bộ	2
339	Bộ lục giác	Bộ	3
340	Búa các loại	Cây	5
341	Bút thử điện	Cái	2
342	Cây nêm để đóng áo côn dày 10mm	Cây	1
343	Đồng hồ so Mitutoyo	Bộ	3
344	Đồng hồ so Nhật (0-10mm,1/10)	Cái	2
345	Kềm các loại	Cây	6
346	Lục giác	Bộ	5
347	Máy khoan bàn 2M 112T	Cái	1
348	Mũi tâm quay côn số 5 col (nằm theo máy)	Cái	13
349	Pamme các loại	Cây	21
350	Thước cặp các loại	Cái	37
351	Tuocnovit các loại	Cái	15
352	Máy mài 2 đá đứng 3E-631	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 26 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

- Nhà giáo thỉnh giảng: 26 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Lương Hoàng Khắc	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Các phương pháp gia công đặc biệt	
2.	Cao Văn Đẳng	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Gia công với sự trợ giúp của máy tính CAM	
3.	Trần Hoàng Phong	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thực tập Phay nâng cao	
4	Huỳnh Thanh Tâm	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thực tập CNC nâng cao	
5	Hoàng Xuân Minh	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Anh văn chuyên ngành	
6	Nguyễn Hải Sơn	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập Nguội cơ bản	
7	Hoàng Công Quốc Khánh	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thực tập Hàn cơ bản	
8	Huỳnh Trung Dũng	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thực tập Tiện cơ bản	
9	Nguyễn Lương Tâm	Đại học Cơ khí	TN ĐHSP KT		Thực tập Tiện nâng cao	
10	Tăng Tấn Minh	Thạc sỹ Máy xây dựng - xếp dỡ	TN ĐHSP KT		Thực tập Phay cơ bản	
11	Nguyễn Tấn Lực	Kỹ sư Kỹ thuật Cơ khí	TN ĐHSP KT		Dung sai - Kỹ thuật đo	
12	Đỗ Hoàng Duy	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí (Máy xây dựng)	TN ĐHSP KT		Thực tập CNC cơ bản	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
13	Nguyễn Xuân Hảo	Thạc sỹ Cơ khí chế tạo máy	TN ĐHSP KT		Hệ thống FMS và CIM	
14	Võ Xuân Thi	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí	SP dạy nghề		Anh văn chuyên ngành	
15	Hồ Quang Trưởng	Kỹ sư Cơ kỹ thuật	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Máy cắt kim loại	
16	Nguyễn Văn Thọ	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Kỹ thuật thủy lực - khí nén	
17	Ung Thanh Vũ	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Lập trình CNC	
18	Nguyễn Văn Phước	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thiết kế trên máy tính CAD	
19	Lê Phú Cường	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Anh văn chuyên ngành	
20	Lê Hoàng Di	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thực tập Nguội cơ bản	
21	Bùi Chấn Thạnh	Thạc sỹ Cơ khí chế tạo máy	NVSP bậc 2		Thực tập Phay nâng cao	
22	Hồ Ngọc Thế Quang	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thực tập CNC nâng cao	
23	Nguyễn Văn Buốt	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Anh văn chuyên ngành	
24	Lê Minh Triết	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thực tập Nguội cơ bản	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
25	Lưu Hoàng Sáng	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT		Máy cắt kim loại	
26	Lê Minh Hiền	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Kỹ thuật thủy lực - khí nén	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XII. Ngành, nghề:

Trình độ đào tạo Cao đẳng: **CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY**

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: 115 sinh viên

Trình độ đào tạo Trung cấp: **CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO DỤNG CỤ**

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: Trung cấp: 15 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 8 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng CNC - CN1		
1	Chống sét lan truyền. Model SYC-TC480 3Y	Bộ	1
2	Máy chiếu Projector Panasonic PT-LB51SEA + màn chiếu Dalite 100"	Bộ	1
3	Máy lạnh tủ đứng 6.5 HP CARRIER (Model: 38LB060SC)	Bộ	3
4	Máy phay CNC 3 trục Concept Mill 55 dùng cho đào tạo(Áo)	Bộ	1
5	Máy tiện CNC Concept Turn 155 (Áo)	Bộ	1
6	Máy tiện CNC công nghiệp AC-1840	Bộ	1
7	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
8	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	50
9	Ổn áp các loại	Cái	2
10	Trung tâm phay đứng CNC	Bộ	1
11	Bàn nguội + êtô	Cái	1
12	Đồng hồ đo lỗ 50-150	Bộ	2
13	Hệ thống âm thanh phòng học	Bộ	1
14	Kềm các loại	Cái	2
15	Khóa lục giác	Bộ	1
16	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
17	Màn hình LCD máy phay CNC	Cái	1
18	Mỏ lết các loại	Cái	3
19	Panme các loại	Cái	10
20	Switch Dlink 8 port	Cái	1
21	Thước cặp các loại	Cái	11
22	Thước đo cao đồng hồ 300	Cây	1
23	Thước đo góc vạn năng	Cây	2
24	Thước đo sâu 0-300	Cây	2
25	Tuocnovit pake 5mm Asaki	Cái	1
	Xưởng CNC - CN2		
26	Bàn lập trình điều khiển NC Fanuc 0/21 & Sinumerik 810/840D	Bộ	7
27	Bộ khuôn ép nhựa	Bộ	1
28	Chống sét lan truyền đường nguồn SYCOM Model: SYC-TC-3Y (USA)	Bộ	1
29	Hệ thống lập trình đào tạo CNC dạng công nghiệp (Áo)	Bộ	1
30	Hệ thống mạng:01 Switch 16ports base 10/100/1000	Ht	1
31	Kim thu sét trực tiếp CIRPROTEC Model: NLP1100-30	Ht	1
32	Máy chiếu projector Panasonic PT-LB50TEA wireless + màn hình DALITE 84x84" có remote (USA)	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
33	Máy lạnh tủ đứng 2 khối	Cái	4
34	Máy nén khí + Máy sấy khí + bộ lọc (Korea)	Bộ	1
35	Máy phay CNC Concept Mill 155 dùng cho đào tạo và CN (Áo)	Bộ	1
36	Máy quét 3D laser không tiếp xúc Model Range 7	Bộ	1
37	Máy tiện CNC công nghiệp AC-1840	Bộ	1
38	Máy tiện CNC loại đặt bàn Concept Turn 55 (Áo)	Bộ	1
39	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	55
40	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	1
41	Ổn áp Lioa 15KVA 3 pha	Cái	1
42	Phần mềm CAD/CAM License - VISI Mould Complete V17.0; Hãng VERO; 05 Users (UK)	Bộ	5
43	Phần mềm CAD/CAM License; Hãng Siemens; dùng cho 02 Users	Bộ	2
44	Phần mềm CAM Concept (Áo)	Bộ	1
45	Phần mềm thiết kế ngược Model: XOR dùng cho 30 Users (Korea)	Bộ	1
46	Phần mềm xử lí dữ liệu quét - Range Viewer	Bộ	1
47	Trung tâm gia công phay đứng CNC VM-20	Bộ	1
48	Bàn nguội + êtô	Cái	1
49	Bình xịt nhớt	Cái	5
50	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	1
51	Bộ cable 8-24 (cle)	Bộ	1
52	Bộ căn lót	Bộ	2
53	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	2
54	Bộ đóng số 10mm	Bộ	2
55	Bộ gá cán dao phay	Bộ	1
56	Bộ lục giác (USA)	Bộ	1
57	Búa nhựa	Cái	5
58	Đèn pin sạc	Cái	2
59	Máy hút bụi	Cái	2
60	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	2
61	Ổ ghi DVD cổng USB	Cái	1
62	Ổn áp 30KVA 3 pha	Cái	1
63	Súng bơm mỡ	Cái	2
64	Switch 24 port Repotec (Malaysia)	Cái	2
65	Tuocnovit	Cái	1
	Xưởng CNC-CB		

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
66	Bàn đặt máy tiện BTO 14454	Cái	1
67	Bàn điều khiển cho máy tiện gồm: Đế + mặt bàn	Bộ	2
68	Bàn gá dao thay dao tự động	Cái	1
69	Mặt bàn điều khiển máy phay	Cái	6
70	Máy chiếu Projector Panasonic PT-LB51SEA + màn chiếu Dalite 100"	Bộ	1
71	Máy lạnh treo tường 2 khối 2HP Carrier 42CSR018/38CSR018	Bộ	2
72	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5"	Bộ	51
73	Ổn áp Lioa 30KVA	Cái	1
74	Bộ âm thanh phòng học (ampli + micro + pin sạc)	Bộ	1
75	Bộ cle 8-32	Bộ	1
76	Bộ lục giác số 10	Bộ	1
77	Đầu khoan 13MTI16 (nằm trên máy)	Cái	2
78	Đồng hồ so	Cái	1
79	Kẹp dao phay (D.cụ kèm theo máy phay)BT 30-209	Cái	6
80	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
81	Máy nén khí	Cái	1
82	Mỏ lếch	Cây	2
83	Panme	Cái	2
84	Phần mềm thiết kế cho máy phay, tiện	Bộ	12
85	Tài liệu hướng dẫn cho máy phay, tiện	Cuốn	21
86	Trục nối đầu khoan NT30 (gắn trên máy)	Cái	2
87	Bạc con gá dao (DC kèm theo máy phay)	Cái	6
88	Bàn để máy phay	Cái	1
89	Ổn áp LIOA 7500W	Cái	1
90	Bàn điều khiển cho máy tiện	Cái	1
91	Máy phay CNC với bàn gá thay dao tự động DENFORD	Cái	1
92	Máy tiện CNC DENFORD	Cái	1
	Phòng Phương pháp		
93	Bộ điều khiển cánh cửa bằng khí nén PAD -7411	Bộ	1
94	Bộ giảng dạy kỹ thuật khí nén hoàn chỉnh Gồm có: - 1 bộ giảng dạy kỹ thuật khí nén (PT147A) - 1 bộ thời gian (PT147B) - 1 bộ xác định logic (PT147C) - 1 bộ giảng dạy khí nén điện tử (EP147D) - 1 máy nén khí (PPS148) - 1 bộ tài liệu	Bộ	1
95	Máy đo độ cứng ROCKWELL - PK gồm: - 1 mũi đo bằng kim cương (No 05 08 09) - 1 mũi đo bằng bi thép (1/16")	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	- 10 bi thép thay thế (1/16") - 1 bàn thao tác loại lớn - 1 bàn thao tác loại nhỏ - 1 bàn thao tác V- block loại lớn - 1 bàn thao tác V- block loại nhỏ - 1 dụng cụ thử nghiệm B" (HRB) - 1 dụng cụ thử nghiệm C" (HRC) - Quả tạ 40kg,50kg,60kg (mỗi loại 1 cái) - 3 giá đỡ điều chỉnh mức độ - 1 thiết bị chống bụi - Tài liệu sử dụng EHT-3R		
96	Mô hình cung cấp và kẹp phôi tự động điều khiển khí nén	Cái	1
97	Máy lạnh tủ đứng 2 khối Carrier 60.000BTU (6.5HP) model: 40QB060/38RB060SC	Bộ	1
98	Mô hình thước tiện côn chóp hình TCH 0603	Cái	1
99	Máy chiếu Overhead + màn hình hộp Dalite 80x80"3M model 1608	Bộ	1
100	Đồng hồ so	Cái	4
101	Eke	Cái	2
102	Màn hình	Cái	1
103	Mẫu trục	Cái	5
104	Mẫu xếp hình (nhựa)	Hộp	10
105	Máy mài 2 đá để bàn 1/2HP Shendar	Cái	1
106	Mô hình các loại	Cái	133
107	Panme các loại	Cái	4
108	Thước cặp 150mm	Cái	5
109	Thước đo độ	Cái	3
110	Thước đo sâu	Cái	1
111	Thước Propin (ren và răng)	Bộ	1
112	Thước trượt	Cái	21
113	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	10
114	Bộ đồng hồ so lỗ Mitutoyo	Cái	1
115	Kềm điện	Cây	1
116	Máy điều hòa Panasonic 2HP pc 18 GKF	Bộ	1
117	Panme điện tử hiện số 0-25	Cái	5
118	Quạt CN	Cái	2
119	Thước cặp các loại	Cái	33
120	Thước đo cao đồng hồ	Cây	5
121	Tuvit đóng	Cái	1
	Xưởng Cơ điện		
122	Giá đỡ Palăng Chữ A	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
123	Máy khoan đứng 2H 125L	Cái	1
124	Máy mài đứng 3B633	Cái	1
125	Máy phay dụng cụ 6M -76n	Cái	1
126	Xe đẩy tay	Cái	2
127	Bàn nguội	Cái	2
128	Bộ cle các loại	Cây	2
129	Calip kiểm tra lỗ	Cái	2
130	Cảo các loại	Cái	7
131	Chai Axêtylen + oxy	Chai	2
132	Đội 7 tấn	Cái	1
133	Đội thủy lực 3 tấn	Cái	2
134	Đồng hồ các loại	Cái	3
135	Etô máy	Bộ	1
136	Kềm tháo phe (CL)	Cây	5
137	Khóa cle 10, 14, 19, 24, 27	Cây	5
138	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	3
139	Máy cắt sắt Hitachi CG14SE	Cái	1
140	Máy hàn điện AC 220V	Cái	1
141	Máy hàn điện DC 220V	Cái	1
142	Máy khoan bàn 2M112	Cái	1
143	Máy khoan cầm tay 20 - 2RE (Bosch)	Cái	1
144	Máy mài cầm tay Makita	Cái	1
145	Máy nén khí 3 HP	Cái	1
146	Mỏ lếch	Cái	5
147	Palăng kéo tay 3 tấn	Cái	1
148	Quạt CN	Cái	1
149	Thước cặp các loại	Cái	3
150	Thước đo cao	Cây	1
151	Thước đo sâu	Cây	1
152	Tuvit đóng	Cái	1
153	Bàn Map	Cái	1
154	Bàn từ máy mài	Cái	1
155	Máy tiện + Phụ kiện:- 1 mâm cặp 4 vấu - 1 Ụ trước	Cái	1
156	Thang nhôm chữ A	Cái	1
157	Tủ điện chính	Cái	1
158	Máy mài 2 đá để bàn 3E631	Cái	1
	Xưởng hàn		
159	Đe gò chuyên dùng	Cái	12

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
160	Hệ thống hút khói xưởng hàn (cho 10 cabin hàn)	HT	1
161	Máy cắt Plasma 70	Cái	1
162	Máy hàn bán tự động (MAG) 350A	Cái	1
163	Máy hàn điện cầm tay (TELWIN) (hàn bấm) Digital	Bộ	1
164	Máy hàn hồ quang tay 300A (máy hàn que Inverter)	Cái	10
165	Máy hàn MAG XCX350	Cái	1
166	Máy hàn MIG 2704 PTX 270	Cái	4
167	Máy hàn Misa 300A	Cái	7
168	Máy hàn TIG đa chức năng AC/DC INSTA -TIG	Cái	1
169	Máy khoan đứng	Cái	1
170	Bàn nguội + êtô	Cái	19
171	Bầu khoan Ø13	Cái	1
172	Bộ cle 8-32	Bộ	1
173	Bộ lục giác	Bộ	2
174	Búa	Cái	46
175	Cle hàm các loại	Cây	4
176	Đe các loại	Cái	17
177	Đồng hồ gió đá	Bộ	1
178	Êke	Cái	15
179	Kềm bấm	Cái	3
180	Kéo cắt thép lá để bàn	Cái	1
181	Kéo cắt tole cầm tay	Cây	5
182	Khóa cle 24	Cây	1
183	Khung cưa tay	Cây	10
184	Kìm điện	Cây	14
185	Kìm hàn 500A	Cái	17
186	Kìm rèn mỏ dẹp L-200mm	Cây	10
187	Máy bấm đinh tán (đầu)Yunica	Cái	1
188	Máy biến thế hàn (Máy hàn xoay chiều) TIIM-31-T2	Cái	6
189	Máy cắt dĩa REX CN	Cái	1
190	Mỏ lết các loại	Cái	8
191	Súng hàn MIG - MAG CPTX - 270	Bộ	4
192	Súng hàn MIG - MAG XC - 350	Bộ	2
193	Tuocnovit các loại	Cái	6
194	Vỏ chai chứa khí	Cái	3
195	Máy cắt sắt (Dĩa)	Cái	1
196	Máy hàn một chiều có chấn lưu (16903-803)	Cái	2
197	Máy hàn xoay chiều 250A	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
198	Quạt công nghiệp	Cái	1
	Xưởng Nguội		
199	Máy cưa sắt 8725	Cái	1
200	Máy khoan cần 2K-52-1	Cái	1
201	Máy khoan đứng 24125	Cái	2
202	Máy mài 2 đá đứng 3b633	Cái	1
203	Áo col	Cái	3
204	Bàn map 630 x 1000	Cái	1
205	Bàn map 250 x 250	Cái	27
206	Bàn nguội + êtô	Cái	47
207	Bầu khoan + áo col	Bộ	3
208	Bầu khoan côn morse 4	Cái	2
209	Bộ cle các loại	Bộ	5
210	Bộ đục số Φ8	Bộ	3
211	Bộ lục giác các loại	Bộ	3
212	Cần cưa tay	Cây	10
213	Cle hàm 17-19	Cây	2
214	Compa vạch dấu	Cái	16
215	Eke đo góc 90 độ	Cái	20
216	Etô máy	Cái	3
217	Êtô máy khoan	Cái	2
218	Kềm bấm	Cái	2
219	Khóa cle 10, 14.17, 19, 24, 27	Cây	14
220	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	14
221	Khung cưa	Cái	50
222	Máy khoan bàn 2M 112T	Cái	1
223	Mỏ lếch	Cây	3
224	Panme đo lỗ Mitutoyo VP 5-30	Cái	1
225	Phôi các loai	Cái	3909
226	Tay quay taro	Cây	16
227	Thước cặp các loại	Cái	42
228	Thước đo cao 300mm	Cây	6
229	Thước đo sâu	Cây	4
230	Thước Eke 320^0	Cái	30
231	Thước kiểm phẳng	Cái	50
232	Thước lá 0-500mm	Cây	20
233	Tuocnovit	Cây	6
234	Tủ điện nguồn	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
235	**Xưởng Phay**		
236	Bộ chạy bàn tự động trục X và Y (AL - 500) cho các dòng máy phay KM - 4V	Bộ	3
237	Bộ kẹp rút dao NT40	Bộ	10
238	Đầu dao phay mặt đầu NT40 col Ø 80	Bộ	10
239	Đầu phân độ BS2	Cái	2
240	Êtô máy phay	Cái	10
241	Máy bào cơ khí công cụ (B365)(Hameco/Việt Nam)	Máy	1
242	Máy khoan đứng 64125 N	Cái	1
243	Máy mài 2 đá đứng 3E633	Cái	1
244	Máy phay đứng 6P11	Cái	1
245	Máy phay ngang 6T82	Cái	3
246	Máy phay vạn năng (KM -4V)	Máy	10
247	Máy mài phẳng + Phụ kiện gồm: 1 bàn sin dọc n20 + 1 Đồ gá n303E711B	Cái	1
248	Bàn Map	Cái	1
249	Bàn nguội + êtô	Cái	3
250	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
251	Bộ cle các loại	Bộ	6
252	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	1
253	Bộ đồng hồ so	Bộ	3
254	Bộ kẹp ống đàn hồi NT40 (đầu kẹp)	Bộ	2
255	Bộ kẹp phay NT40 (đầu kẹp)	Bộ	2
256	Bộ kẹp rút dao NT40 (đầu kẹp)	Cái	1
257	Bộ lục giác	Bộ	2
258	Bút thử điện	Cái	1
259	Calip kiểm tra lỗ	Cái	8
260	Cle hàm	Cây	10
261	Đầu dao khoét chỉnh lệch tâm NT40	Bộ	1
262	Đầu dao khoét lỗ lệch tâm VBH- 107 NT40	Cái	1
263	Đầu kẹp NT40	Cái	1
264	Đầu phân độ BS-2 gồm: - Bộ bánh răng thay thế + Ụ chống tâm + Mâm cặp 3 chấu 7 inch.	Bộ	1
265	Đồng hồ so đo lỗ 50-150	Bộ	2
266	Đồng hồ so nhỏ (có chân bẻ được)	Cái	5
267	Êtô máy các loại	Cái	9
268	Kềm điện	Cây	1
269	Mâm chia độ HV-10	Cái	2
270	Mâm quay phân độ 12"	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
271	Máy nén khí 1HP	Cái	2
272	Mỏ lếch	Cây	6
273	Pamme các loại	Cây	29
274	Thước cặp các loại	Cây	42
275	Thước đo cao	Cây	9
276	Thước đo góc vạn năng	Cây	8
277	Thước đo module bánh răng	Cái	3
278	Thước đo sâu	Cây	10
279	Tuocnovit dẹp	Cây	5
280	Máy bào ngang 7E+35	Cái	1
281	Máy mài dụng cụ 3M642	Cái	1
282	Máy phay đứng 6P11	Cái	2
283	Máy phay ngang 6T82	Cái	2
	Xưởng Tiện 1		
284	Máy tiện OKUMA	Cái	1
285	Máy tiện TAKISAWA	Cái	2
286	Máy tiện WASINO	Cái	1
287	Mũi tâm quay Côn morse 5 (nằm trên máy)	Cái	3
288	Áo col các loại	Cái	22
289	Bàn nguội + êtô	Cái	2
290	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
291	Bầu khoan Ø13	Cái	3
292	Bộ cle các loại	Bộ	4
293	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	3
294	Bộ lục giác	Bộ	4
295	Bút thử điện	Cái	2
296	Calip kiểm tra lỗ	Cái	14
297	Cle hàm	Cây	18
298	Đồng hồ so lỗ Mitutoyo	Cái	1
299	Đồng hồ so Nhật (0-10mm,1/10)	Cái	2
300	Kềm điện	Cây	2
301	Khóa cle 10,24	Cây	4
302	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	12
303	Máy nén khí	Cái	1
304	Mâm cặp 3 chấu 270mm	Cái	1
305	Mâm cặp 3 chấu tự định tâm	Cái	9
306	Mâm cặp 4 chấu 250mm	Cái	3
307	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
308	Mỏ lếch	Cây	4
309	Mũi tâm quay - côn số 4	Cái	6
310	Mũi tâm quay (Sống)	Cái	2
311	Mũi tâm quay côn móc	Cái	18
312	Mũi tâm quay số 3	Cái	5
313	Panme các loại	Cái	36
314	Thước cặp 0-150	Cái	22
315	Thước cặp	Cây	15
316	Thước đo cao	Cây	7
317	Thước đo góc	Cây	4
318	Thước đo sâu	Cây	6
319	Tuocnovit các loại	Cây	28
320	Tủ phân phối điện	Cái	4
321	Máy cưa kim loại Captain - ĐL	Cái	1
322	Máy mài 2 đá	Cái	3
323	Máy tiện 16b16KII	Cái	9
324	Máy tiện 16E20	Cái	3
325	Máy tiện HAMUTU	Cái	1
326	Máy tiện HOWA -SANYO	Cái	1
327	Máy tiện NAMBA	Cái	1
	Xưởng Tiện 2		
328	Máy mài 2 đá đứng 3b633	Cái	1
329	Máy nén khí PONY 3HP	Bộ	1
330	Máy tiện vạn năng (KC -1840)	Máy	13
331	Mũi tâm quay Côn morse 5	Cái	5
332	Thước đo cao Mitutoyo 300mm	Cây	5
333	Áo côn các loại	Cái	19
334	Bàn nguội + êtô	Cái	4
335	Bầu khoan cặp được mũi khoan Ø16 và chuôi côn móc số 5	Bộ	5
336	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
337	Bầu khoan Ø13	Cái	1
338	Bộ đồng hồ so	Bộ	2
339	Bộ lục giác	Bộ	3
340	Búa các loại	Cây	5
341	Bút thử điện	Cái	2
342	Cây nêm để đóng áo côn dày 10mm	Cây	1
343	Đồng hồ so Mitutoyo	Bộ	3
344	Đồng hồ so Nhật (0-10mm,1/10)	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
345	Kềm các loại	Cây	6
346	Lục giác	Bộ	5
347	Máy khoan bàn 2M 112T	Cái	1
348	Mũi tâm quay côn số 5 col (nằm theo máy)	Cái	13
349	Pamme các loại	Cây	21
350	Thước cặp các loại	Cái	37
351	Tuocnovit các loại	Cái	15
352	Máy mài 2 đá đứng 3E-631	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 13 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 13 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Nguyễn Thanh Phong	Cơ khí nông nghiệp	TN ĐHSPKT		Thực tập Phay nâng cao	
2.	Vũ Đình Chi	Kỹ thuật Cơ khí	TN ĐHSPKT		Các phương pháp gia công đặc biệt	
3.	Lê Hải Tuấn	- Cữ nhân Công nghệ thông tin - Chứng chỉ 7/7 nghề Tiện	SP dạy nghề		Hệ thống FMS và CIM	
4.	Hoàng Ngọc Dương	Kỹ sư Cơ khí chuyên dùng	TN ĐHSPKT		Đồ gá	
5.	Nguyễn Kim Hiền	Thạc sỹ Cơ khí chuyên dụng	CC NVSP bậc 2		Máy cắt kim loại	
6.	Trần Xuân Sỹ	Thạc sỹ xe máy CB	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Kỹ thuật chế tạo	
7.	Nguyễn Hữu Hơn	Thạc sỹ Kỹ thuật máy và Thiết bị	SP dạy nghề		Lập trình CNC	
8.	Lê Thái Dương	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí	NVSP bậc 2		Anh văn chuyên ngành	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
9.	Trần Quốc Vụ	Tiến sỹ Lý thuyết điều khiển và điều khiển tối ưu	TN ĐHSPKT		Thực tập Nguội cơ bản	
10.	Nguyễn Thanh Bích	Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy	- TN ĐHSPKT - SP dạy nghề		Thực tập Hàn cơ bản	
11.	Nguyễn Khắc Huy	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	SP dạy nghề		Thực tập Tiện cơ bản	
12.	Hà Phương	Thạc sỹ Cơ khí	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập Tiện nâng cao	
13.	Nguyễn Văn Bảy	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	- TN ĐHSPKT		Nguyên lý - Chi tiết máy	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình:

+ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO DỤNG CỤ

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XIII. Ngành, nghề: BẢO TRÌ HỆ THỐNG THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 65 sinh viên

– Trung cấp: 15 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 8 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng CNC - CN1		
1	Chống sét lan truyền. Model SYC-TC480 3Y	Bộ	1
2	Máy chiếu Projector Panasonic PT-LB51SEA + màn chiếu Dalite 100"	Bộ	1
3	Máy lạnh tủ đứng 6.5 HP CARRIER (Model: 38LB060SC)	Bộ	3
4	Máy phay CNC 3 trục Concept Mill 55 dùng cho đào tạo(Áo)	Bộ	1
5	Máy tiện CNC Concept Turn 155 (Áo)	Bộ	1
6	Máy tiện CNC công nghiệp AC-1840	Bộ	1
7	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
8	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	50
9	Ổn áp các loại	Cái	2
10	Trung tâm phay đứng CNC	Bộ	1
11	Bàn nguội + êtô	Cái	1
12	Đồng hồ đo lỗ 50-150	Bộ	2
13	Hệ thống âm thanh phòng học	Bộ	1
14	Kềm các loại	Cái	2
15	Khóa lục giác	Bộ	1
16	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
17	Màn hình LCD máy phay CNC	Cái	1
18	Mỏ lết các loại	Cái	3
19	Panme các loại	Cái	10
20	Switch Dlink 8 port	Cái	1
21	Thước cặp các loại	Cái	11
22	Thước đo cao đồng hồ 300	Cây	1
23	Thước đo góc vạn năng	Cây	2
24	Thước đo sâu 0-300	Cây	2
25	Tuocnovit pake 5mm Asaki	Cái	1
	Xưởng CNC - CN2		
26	Bàn lập trình điều khiển NC Fanuc 0/21 & Sinumerik	Bộ	7

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	810/840D		
27	Bộ khuôn ép nhựa	Bộ	1
28	Chống sét lan truyền đường nguồn SYCOM Model: SYC-TC-3Y (USA)	Bộ	1
29	Hệ thống lập trình đào tạo CNC dạng công nghiệp (Áo)	Bộ	1
30	Hệ thống mạng:01 Switch 16ports base 10/100/1000	Ht	1
31	Kim thu sét trực tiếp CIRPROTEC Model: NLP1100-30	Ht	1
32	Máy chiếu projector Panasonic PT-LB50TEA wireless + màn hình DALITE 84x84" có remote (USA)	Bộ	1
33	Máy lạnh tủ đứng 2 khối	Cái	4
34	Máy nén khí + Máy sấy khí + bộ lọc (Korea)	Bộ	1
35	Máy phay CNC Concept Mill 155 dùng cho đào tạo và CN (Áo)	Bộ	1
36	Máy quét 3D laser không tiếp xúc Model Range 7	Bộ	1
37	Máy tiện CNC công nghiệp AC-1840	Bộ	1
38	Máy tiện CNC loại đặt bàn Concept Turn 55 (Áo)	Bộ	1
39	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	55
40	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	1
41	Ổn áp Lioa 15KVA 3 pha	Cái	1
42	Phần mềm CAD/CAM License - VISI Mould Complete V17.0; Hãng VERO; 05 Users (UK)	Bộ	5
43	Phần mềm CAD/CAM License; Hãng Siemens; dùng cho 02 Users	Bộ	2
44	Phần mềm CAM Concept (Áo)	Bộ	1
45	Phần mềm thiết kế ngược Model: XOR dùng cho 30 Users (Korea)	Bộ	1
46	Phần mềm xử lí dữ liệu quét - Range Viewer	Bộ	1
47	Trung tâm gia công phay đứng CNC VM-20	Bộ	1
48	Bàn nguội + êtô	Cái	1
49	Bình xịt nhớt	Cái	5
50	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	1
51	Bộ cable 8-24 (cle)	Bộ	1
52	Bộ căn lót	Bộ	2
53	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	2
54	Bộ đóng số 10mm	Bộ	2
55	Bộ gá cán dao phay	Bộ	1
56	Bộ lục giác (USA)	Bộ	1
57	Búa nhựa	Cái	5
58	Đèn pin sạc	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
59	Máy hút bụi	Cái	2
60	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	2
61	Ổ ghi DVD cổng USB	Cái	1
62	Ổn áp 30KVA 3 pha	Cái	1
63	Súng bơm mỡ	Cái	2
64	Switch 24 port Repotec (Malaysia)	Cái	2
65	Tuocnovit	Cái	1
	Xưởng CNC-CB		
66	Bàn đặt máy tiện BTO 14454	Cái	1
67	Bàn điều khiển cho máy tiện gồm: Đế + mặt bàn	Bộ	2
68	Bàn gá dao thay dao tự động	Cái	1
69	Mặt bàn điều khiển máy phay	Cái	6
70	Máy chiếu Projector Panasonic PT-LB51SEA + màn chiếu Dalite 100"	Bộ	1
71	Máy lạnh treo tường 2 khối 2HP Carrier 42CSR018/38CSR018	Bộ	2
72	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5"	Bộ	51
73	Ổn áp Lioa 30KVA	Cái	1
74	Bộ âm thanh phòng học (ampli + micro + pin sạc)	Bộ	1
75	Bộ cle 8-32	Bộ	1
76	Bộ lục giác số 10	Bộ	1
77	Đầu khoan 13MTI16 (nằm trên máy)	Cái	2
78	Đồng hồ so	Cái	1
79	Kẹp dao phay (D.cụ kèm theo máy phay)BT 30-209	Cái	6
80	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
81	Máy nén khí	Cái	1
82	Mỏ lếch	Cây	2
83	Panme	Cái	2
84	Phần mềm thiết kế cho máy phay, tiện	Bộ	12
85	Tài liệu hướng dẫn cho máy phay, tiện	Cuốn	21
86	Trục nối đầu khoan NT30 (gắn trên máy)	Cái	2
87	Bạc con gá dao (DC kèm theo máy phay)	Cái	6
88	Bàn để máy phay	Cái	1
89	Ổn áp LIOA 7500W	Cái	1
90	Bàn điều khiển cho máy tiện	Cái	1
91	Máy phay CNC với bàn gá thay dao tự động DENFORD	Cái	1
92	Máy tiện CNC DENFORD	Cái	1
	Phòng Phương pháp		
93	Bộ điều khiển cánh cửa bằng khí nén PAD -7411	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
94	Bộ giảng dạy kỹ thuật khí nén hoàn chỉnh Gồm có: - 1 bộ giảng dạy kỹ thuật khí nén (PT147A) - 1 bộ thời gian (PT147B) - 1 bộ xác định logic (PT147C) - 1 bộ giảng dạy khí nén điện tử (EP147D) - 1 máy nén khí (PPS148) - 1 bộ tài liệu	Bộ	1
95	Máy đo độ cứng ROCKWELL - PK gồm: - 1 mũi đo bằng kim cương (No 05 08 09) - 1 mũi đo bằng bi thép (1/16") - 10 bi thép thay thế (1/16") - 1 bàn thao tác loại lớn - 1 bàn thao tác loại nhỏ - 1 bàn thao tác V- block loại lớn - 1 bàn thao tác V- block loại nhỏ - 1 dụng cụ thử nghiệm B" (HRB) - 1 dụng cụ thử nghiệm C" (HRC) - Quả tạ 40kg,50kg,60kg (mỗi loại 1 cái) - 3 giá đỡ điều chỉnh mức độ - 1 thiết bị chống bụi - Tài liệu sử dụng EHT-3R	Cái	1
96	Mô hình cung cấp và kẹp phôi tự động điều khiển khí nén	Cái	1
97	Máy lạnh tủ đứng 2 khối Carrier 60.000BTU (6.5HP) model: 40QB060/38RB060SC	Bộ	1
98	Mô hình thước tiện côn chóp hình TCH 0603	Cái	1
99	Máy chiếu Overhead + màn hình hộp Dalite 80x80"3M model 1608	Bộ	1
100	Đồng hồ so	Cái	4
101	Eke	Cái	2
102	Màn hình	Cái	1
103	Mẫu trục	Cái	5
104	Mẫu xếp hình (nhựa)	Hộp	10
105	Máy mài 2 đá để bàn 1/2HP Shendar	Cái	1
106	Mô hình các loại	Cái	133
107	Panme các loại	Cái	4
108	Thước cặp 150mm	Cái	5
109	Thước đo độ	Cái	3
110	Thước đo sâu	Cái	1
111	Thước Propin (ren và răng)	Bộ	1
112	Thước trượt	Cái	21
113	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	10
114	Bộ đồng hồ so lỗ Mitutoyo	Cái	1
115	Kềm điện	Cây	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
116	Máy điều hòa Panasonic 2HP pc 18 GKF	Bộ	1
117	Panme điện tử hiện số 0-25	Cái	5
118	Quạt CN	Cái	2
119	Thước cặp các loại	Cái	33
120	Thước đo cao đồng hồ	Cây	5
121	Tuvit đóng	Cái	1
	Xưởng Cơ điện		
122	Giá đỡ Palăng Chữ A	Cái	1
123	Máy khoan đứng 2H 125L	Cái	1
124	Máy mài đứng 3B633	Cái	1
125	Máy phay dụng cụ 6M -76n	Cái	1
126	Xe đẩy tay	Cái	2
127	Bàn nguội	Cái	2
128	Bộ cle các loại	Cây	2
129	Calip kiểm tra lỗ	Cái	2
130	Cảo các loại	Cái	7
131	Chai Axêtylen + oxy	Chai	2
132	Đội 7 tấn	Cái	1
133	Đội thủy lực 3 tấn	Cái	2
134	Đồng hồ các loại	Cái	3
135	Etô máy	Bộ	1
136	Kềm tháo phe (CL)	Cây	5
137	Khóa cle 10, 14, 19, 24, 27	Cây	5
138	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	3
139	Máy cắt sắt Hitachi CG14SE	Cái	1
140	Máy hàn điện AC 220V	Cái	1
141	Máy hàn điện DC 220V	Cái	1
142	Máy khoan bàn 2M112	Cái	1
143	Máy khoan cầm tay 20 - 2RE (Bosch)	Cái	1
144	Máy mài cầm tay Makita	Cái	1
145	Máy nén khí 3 HP	Cái	1
146	Mỏ lếch	Cái	5
147	Palăng kéo tay 3 tấn	Cái	1
148	Quạt CN	Cái	1
149	Thước cặp các loại	Cái	3
150	Thước đo cao	Cây	1
151	Thước đo sâu	Cây	1
152	Tuvit đóng	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
153	Bàn Map	Cái	1
154	Bàn từ máy mài	Cái	1
155	Máy tiện + Phụ kiện:- 1 mâm cặp 4 vấu - 1 Ụ trước	Cái	1
156	Thang nhôm chữ A	Cái	1
157	Tủ điện chính	Cái	1
158	Máy mài 2 đá để bàn 3E631	Cái	1
	Xưởng hàn		
159	Đe gò chuyên dùng	Cái	12
160	Hệ thống hút khói xưởng hàn (cho 10 cabin hàn)	HT	1
161	Máy cắt Plasma 70	Cái	1
162	Máy hàn bán tự động (MAG) 350A	Cái	1
163	Máy hàn điện cầm tay (TELWIN) (hàn bấm) Digital	Bộ	1
164	Máy hàn hồ quang tay 300A (máy hàn que Inverter)	Cái	10
165	Máy hàn MAG XCX350	Cái	1
166	Máy hàn MIG 2704 PTX 270	Cái	4
167	Máy hàn Misa 300A	Cái	7
168	Máy hàn TIG đa chức năng AC/DC INSTA -TIG	Cái	1
169	Máy khoan đứng	Cái	1
170	Bàn nguội + êtô	Cái	19
171	Bầu khoan Ø13	Cái	1
172	Bộ cle 8-32	Bộ	1
173	Bộ lục giác	Bộ	2
174	Búa	Cái	46
175	Cle hàm các loại	Cây	4
176	Đe các loại	Cái	17
177	Đồng hồ gió đá	Bộ	1
178	Êke	Cái	15
179	Kềm bấm	Cái	3
180	Kéo cắt thép lá để bàn	Cái	1
181	Kéo cắt tole cầm tay	Cây	5
182	Khóa cle 24	Cây	1
183	Khung cưa tay	Cây	10
184	Kìm điện	Cây	14
185	Kìm hàn 500A	Cái	17
186	Kìm rèn mỏ dẹp L-200mm	Cây	10
187	Máy bấm đinh tán (đầu)Yunica	Cái	1
188	Máy biến thế hàn (Máy hàn xoay chiều) TIIM-31-T2	Cái	6
189	Máy cắt dĩa REX CN	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
190	Mỏ lết các loại	Cái	8
191	Súng hàn MIG - MAG CPTX - 270	Bộ	4
192	Súng hàn MIG - MAG XC - 350	Bộ	2
193	Tuocnovit các loại	Cái	6
194	Vỏ chai chứa khí	Cái	3
195	Máy cắt sắt (Dĩa)	Cái	1
196	Máy hàn một chiều có chấn lưu (16903-803)	Cái	2
197	Máy hàn xoay chiều 250A	Bộ	1
198	Quạt công nghiệp	Cái	1
	Xưởng Nguội		
199	Máy cưa sắt 8725	Cái	1
200	Máy khoan cần 2K-52-1	Cái	1
201	Máy khoan đứng 24125	Cái	2
202	Máy mài 2 đá đứng 3b633	Cái	1
203	Áo col	Cái	3
204	Bàn map 630 x 1000	Cái	1
205	Bàn map 250 x 250	Cái	27
206	Bàn nguội + êtô	Cái	47
207	Bầu khoan + áo col	Bộ	3
208	Bầu khoan côn morse 4	Cái	2
209	Bộ cle các loại	Bộ	5
210	Bộ đục số Φ8	Bộ	3
211	Bộ lục giác các loại	Bộ	3
212	Cần cưa tay	Cây	10
213	Cle hàm 17-19	Cây	2
214	Compa vạch dấu	Cái	16
215	Eke đo góc 90 độ	Cái	20
216	Etô máy	Cái	3
217	Êtô máy khoan	Cái	2
218	Kềm bấm	Cái	2
219	Khóa cle 10, 14.17, 19, 24, 27	Cây	14
220	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	14
221	Khung cưa	Cái	50
222	Máy khoan bàn 2M 112T	Cái	1
223	Mỏ lết	Cây	3
224	Panme đo lỗ Mitutoyo VP 5-30	Cái	1
225	Phôi các loai	Cái	3909
226	Tay quay taro	Cây	16

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
227	Thước cặp các loại	Cái	42
228	Thước đo cao 300mm	Cây	6
229	Thước đo sâu	Cây	4
230	Thước Eke 320^0	Cái	30
231	Thước kiểm phẳng	Cái	50
232	Thước lá 0-500mm	Cây	20
233	Tuocnovit	Cây	6
234	Tủ điện nguồn	Cái	1
235	**Xưởng Phay**		
236	Bộ chạy bàn tự động trục X và Y (AL - 500) cho các dòng máy phay KM - 4V	Bộ	3
237	Bộ kẹp rút dao NT40	Bộ	10
238	Đầu dao phay mặt đầu NT40 col Ø 80	Bộ	10
239	Đầu phân độ BS2	Cái	2
240	Êtô máy phay	Cái	10
241	Máy bào cơ khí công cụ (B365)(Hameco/Việt Nam)	Máy	1
242	Máy khoan đứng 64125 N	Cái	1
243	Máy mài 2 đá đứng 3E633	Cái	1
244	Máy phay đứng 6P11	Cái	1
245	Máy phay ngang 6T82	Cái	3
246	Máy phay vạn năng (KM -4V)	Máy	10
247	Máy mài phẳng + Phụ kiện gồm: 1 bàn sin dọc n20 + 1 Đồ gá n303E711B	Cái	1
248	Bàn Map	Cái	1
249	Bàn nguội + êtô	Cái	3
250	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
251	Bộ cle các loại	Bộ	6
252	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	1
253	Bộ đồng hồ so	Bộ	3
254	Bộ kẹp ống đàn hồi NT40 (đầu kẹp)	Bộ	2
255	Bộ kẹp phay NT40 (đầu kẹp)	Bộ	2
256	Bộ kẹp rút dao NT40 (đầu kẹp)	Cái	1
257	Bộ lục giác	Bộ	2
258	Bút thử điện	Cái	1
259	Calip kiểm tra lỗ	Cái	8
260	Cle hàm	Cây	10
261	Đầu dao khoét chỉnh lệch tâm NT40	Bộ	1
262	Đầu dao khoét lỗ lệch tâm VBH- 107 NT40	Cái	1
263	Đầu kẹp NT40	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
264	Đầu phân độ BS-2 gồm: - Bộ bánh răng thay thế + Ụ chống tâm + Mâm cặp 3 chấu 7 inch.	Bộ	1
265	Đồng hồ so đo lỗ 50-150	Bộ	2
266	Đồng hồ so nhỏ (có chân bẻ được)	Cái	5
267	Êtô máy các loại	Cái	9
268	Kềm điện	Cây	1
269	Mâm chia độ HV-10	Cái	2
270	Mâm quay phân độ 12"	Cái	1
271	Máy nén khí 1HP	Cái	2
272	Mỏ lếch	Cây	6
273	Pamme các loại	Cây	29
274	Thước cặp các loại	Cây	42
275	Thước đo cao	Cây	9
276	Thước đo góc vạn năng	Cây	8
277	Thước đo module bánh răng	Cái	3
278	Thước đo sâu	Cây	10
279	Tuocnovit dẹp	Cây	5
280	Máy bào ngang 7E+35	Cái	1
281	Máy mài dụng cụ 3M642	Cái	1
282	Máy phay đứng 6P11	Cái	2
283	Máy phay ngang 6T82	Cái	2
	Xưởng Tiện 1		
284	Máy tiện OKUMA	Cái	1
285	Máy tiện TAKISAWA	Cái	2
286	Máy tiện WASINO	Cái	1
287	Mũi tâm quay Côn morse 5 (nằm trên máy)	Cái	3
288	Áo col các loại	Cái	22
289	Bàn nguội + êtô	Cái	2
290	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
291	Bầu khoan Ø13	Cái	3
292	Bộ cle các loại	Bộ	4
293	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	3
294	Bộ lục giác	Bộ	4
295	Bút thử điện	Cái	2
296	Calip kiểm tra lỗ	Cái	14
297	Cle hàm	Cây	18
298	Đồng hồ so lỗ Mitutoyo	Cái	1
299	Đồng hồ so Nhật (0-10mm,1/10)	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
300	Kềm điện	Cây	2
301	Khóa cle 10,24	Cây	4
302	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	12
303	Máy nén khí	Cái	1
304	Mâm cặp 3 chấu 270mm	Cái	1
305	Mâm cặp 3 chấu tự định tâm	Cái	9
306	Mâm cặp 4 chấu 250mm	Cái	3
307	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
308	Mỏ lếch	Cây	4
309	Mũi tâm quay - côn số 4	Cái	6
310	Mũi tâm quay (Sống)	Cái	2
311	Mũi tâm quay côn móc	Cái	18
312	Mũi tâm quay số 3	Cái	5
313	Panme các loại	Cái	36
314	Thước cặp 0-150	Cái	22
315	Thước cặp	Cây	15
316	Thước đo cao	Cây	7
317	Thước đo góc	Cây	4
318	Thước đo sâu	Cây	6
319	Tuocnovit các loại	Cây	28
320	Tủ phân phối điện	Cái	4
321	Máy cưa kim loại Captain - ĐL	Cái	1
322	Máy mài 2 đá	Cái	3
323	Máy tiện 16b16KII	Cái	9
324	Máy tiện 16E20	Cái	3
325	Máy tiện HAMUTU	Cái	1
326	Máy tiện HOWA -SANYO	Cái	1
327	Máy tiện NAMBA	Cái	1
	Xưởng Tiện 2		
328	Máy mài 2 đá đứng 3b633	Cái	1
329	Máy nén khí PONY 3HP	Bộ	1
330	Máy tiện vạn năng (KC -1840)	Máy	13
331	Mũi tâm quay Côn morse 5	Cái	5
332	Thước đo cao Mitutoyo 300mm	Cây	5
333	Áo côn các loại	Cái	19
334	Bàn nguội + êtô	Cái	4
335	Bầu khoan cặp được mũi khoan Ø16 và chuôi côn móc số 5	Bộ	5
336	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
337	Bầu khoan Ø13	Cái	1
338	Bộ đồng hồ so	Bộ	2
339	Bộ lục giác	Bộ	3
340	Búa các loại	Cây	5
341	Bút thử điện	Cái	2
342	Cây nêm để đóng áo côn dày 10mm	Cây	1
343	Đồng hồ so Mitutoyo	Bộ	3
344	Đồng hồ so Nhật (0-10mm,1/10)	Cái	2
345	Kềm các loại	Cây	6
346	Lục giác	Bộ	5
347	Máy khoan bàn 2M 112T	Cái	1
348	Mũi tâm quay côn số 5 col (nằm theo máy)	Cái	13
349	Pamme các loại	Cây	21
350	Thước cặp các loại	Cái	37
351	Tuocnovit các loại	Cái	15
352	Máy mài 2 đá đứng 3E-631	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 08 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Hà Phước Tuấn	Đại học Cơ khí chế tạo máy	TN ĐHSPKT		Bảo trì hệ thống thủy lực khí nén	2

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Võ Văn Cương	Thạc sỹ CN Chế tạo máy	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Lập trình CNC	
2.	Nguyễn Văn Bộ	Đại học Ô tô máy kéo	TN ĐHSPKT		Thực tập Hàn cơ bản	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
3.	Thái Hồng Kỳ	Thạc sỹ CN Chế tạo máy	TN ĐHSPKT		Thực tập Nguội cơ bản	
4.	Nguyễn Trường Giang	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí	TN ĐHSPKT		Thực tập Điện cơ bản	
5.	Dương Tiến Đoàn	Kỹ thuật Cơ khí	TN ĐHSPKT		Thực tập Tiện cơ bản	
6.	Tô Huy Lượng	Thạc sỹ Kỹ thuật máy và thiết bị mỏ, dầu khí	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		PLC	
7.	Nguyễn Văn Đại	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật ô tô	- NVSP bậc 2		Thực tập CNC cơ bản	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **BẢO TRÌ HỆ THỐNG THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XIV. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 820 sinh viên

– Trung cấp: 150 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 9 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng Động cơ		
1	Bàn nguội	Cái	6
2	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	14
3	Bộ cảo giật trục láp Kingtool (USA)	Bộ	1
4	Bộ chìa khóa cle vòng miệng 8-32	Bộ	1
5	Bộ chìa khóa vòng miệng Top	Bộ	1
6	Bộ lục giác bông	Bộ	1
7	Bộ lục giác bông Kingtool	Cái	1
8	Bộ lục giác cạnh	Bộ	2
9	Bộ lục giác cạnh Kingtool	Bộ	2
10	Bộ van tháo lọc nhớt Kingtool (USA)	Bộ	1
11	Bộ vít đóng	Bộ	2
12	Bơm cao áp Common Rail điện	Cái	1
13	Bơm cao áp Commonrail - Nhật	Cái	1
14	Bơm cao áp PE - Nhật Bản	Cái	1
15	Bơm cao áp PF - Nhật Bản	Cái	2
16	Bơm cao áp VE - Nhật Bản	Cái	1
17	Cần siết lực công nghệ Đức	Cái	1
18	Cảo bạc đạn 2 chấu (Korea)	Cái	2
19	Cảo mở lọc nhớt động cơ loại 3 chấu	Cái	4
20	Cảo puly 2 chấu (Korea)	Cái	2
21	Cẩu móc động cơ ôtô	Cái	1
22	Chân kê xe Torin (China)	Cái	8
23	Cuộn dây hơi tự động 15m	Cuộn	1
24	Đèn kiểm tra góc phun dầu sớm	Cái	4
25	Động cơ chết 4 xy lanh Toyota	Cái	4
26	Động cơ dầu 4 xylanh Hyundai 1T25	Cái	1
27	Động cơ dầu Vikyno	Cái	1
28	Động cơ kim phun xăng (kèm hộp ecu) Honda	Cái	1
29	Động cơ ôtô (dầu) - Nissan LD20	Cái	1
30	Động cơ ôtô (xăng) - EFI Toyota - 5A	Cái	2
31	Động cơ RV165-2LX	Cái	1
32	Động cơ tháo lắp	Cái	5
33	Động cơ xăng (có đủ hộp số) - Orion 4 máy - sống	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
34	Động cơ xăng (có đủ hộp số)- Magnum 4 máy - sống	Cái	1
35	Động cơ xăng (có đủ hộp số)- Mitsubishi 4máy - sống	Cái	1
36	Động cơ xăng (có đủ hộp số)- Toyota 4K 4 máy - sống	Cái	1
37	Động cơ xăng 12-16 VAC DOHC có giá đỡ	Cái	1
38	Đồng hồ đo 360	Cái	4
39	Đồng hồ đo tốc độ động cơ cảm ứng điện tử	Cái	2
40	Đồng hồ đo Vom (số) Sanwa CD 800	Cái	6
41	Đồng hồ so đường kính trong (China)	Cái	1
42	Dụng cụ chuyên cạo rãnh piston	Bộ	5
43	Dụng cụ đo lực siết	Cái	2
44	Dụng cụ đo sức nén động cơ Diesel	Cái	2
45	Dụng cụ ép piston đĩa thắng Force	Cái	1
46	Dụng cụ kiểm tra ắcquy	Cái	1
47	Dụng cụ kiểm tra áp kim phun dầu	Cái	2
48	Dụng cụ lấy bulong gãy	Bộ	1
49	Êtô máy	Cái	1
50	Giá treo động cơ Torin	Bộ	1
51	Giá treo tháo lắp động cơ ôtô	Cái	5
52	Hệ thống khởi động điện (12V-0.8Kw)	Bộ	1
53	Hộp số 5 cấp	Cái	1
54	Hộp tuýp 8-32 Top	Bộ	10
55	Hộp tuýp 8-32mm	Hộp	2
56	Kềm kẹp	Cái	2
57	Kềm mở phe ngoài	Cái	2
58	Khay Inox 50 x 75 x 5cm	Cái	8
59	Máy đánh bóng xilanh M832A (EC)	Cái	1
60	Máy dầu Magnum (sm:69497) 4 xi lanh	Cái	1
61	Máy doa xi lanh D838 (EC)	Cái	1
62	Máy ép thủy lực 2 tấn	Cái	1
63	Máy khoan bàn 3M112	Cái	1
64	Máy khoan điện bằng tay	Cái	1
65	Máy kiểm tra và làm sạch bugi ELGL SC-12220	Cái	1
66	Máy mài 2 đá để bàn 3E631	Cái	1
67	Máy mài cầm tay Bosh 16mm (Malaysia)	Cái	1
68	Máy mài cầm tay sử dụng khí nén Utool	Bộ	1
69	Máy nén khí 1HP	Cái	1
70	Máy nén khí EC	Cái	1
71	Máy nổ Honda Castrol	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
72	Máy phân tích khí xả hai thành phần	Bộ	1
73	Mô hình cắt bổ động cơ xăng 4 máy model: T-CBX4	Bộ	3
74	Mô hình cắt bổ và dàn trải bơm cao áp VE - EDV	Cái	1
75	Mô hình cắt bơm cao áp PE lọc và kim phun	Cái	1
76	Mô hình cắt bơm cao áp và kim phun	Cái	1
77	Mô hình cắt bơm cao áp VE và kim phun	Cái	1
78	Mô hình cắt bơm PE và kim phun	Bộ	1
79	Mô hình cắt động cơ dầu 4 thì	Cái	1
80	Mô hình cắt động cơ xăng 2 thì	Cái	1
81	Mô hình cắt động cơ xăng 4 thì	Cái	1
82	Mô hình động cơ 2NZ	Cái	4
83	Mô hình động cơ chết 4 xy lanh Toyota Nissan	Cái	4
84	Mô hình động cơ Common Rail Huyndai	Cái	1
85	Mô hình động cơ Commonrail Kia Bongo	Cái	3
86	Mô hình động cơ đánh lửa trực tiếp 5E	Cái	1
87	Mô hình động cơ đánh lửa trực tiếp TOYOTA CAMRY V6 dung tích 3.0	Cái	1
88	Mô hình động cơ dầu KIA sử dụng bơm cao áp WG 63324(90%)	Cái	1
89	Mô hình động cơ dầu sử dụng bơm PE 8 xylanh	Cái	1
90	Mô hình động cơ Diesel KIA (HW-005127)	Cái	1
91	Mô hình động cơ Diesel loại commonrail 4 xy lanh	Cái	1
92	Mô hình động cơ Honda Civic	Cái	3
93	Mô hình động cơ Hybrid	Cái	4
94	Mô hình động cơ phun dầu điện tử (Common rail) được làm mới dựa trên linh kiện của Hàn Quốc - Động cơ dầu 4 kỳ, 4 xilanh-MH-CMR	Cái	1
95	Mô hình động cơ phun xăng 4 xylanh đánh lửa trực tiếp	Cái	1
96	Mô hình động cơ phun xăng 6 xi lanh FORD SIERRA	Cái	1
97	Mô hình động cơ phun xăng 6 xi lanh FORD SIERRA	Cái	1
98	Mô hình động cơ phun xăng NISSAN 16 van	Cái	1
99	Mô hình động cơ phun xăng trực tiếp vào buồng đốt (GDI) của xe LEXUC GS 300	Cái	1
100	Mô hình động cơ xe Vios 2007 Toyota	Cái	1
101	Mô hình hệ thống đánh lửa trực tiếp	Cái	1
102	Mô hình hệ thống tổng thành động cơ xe ôtô	Bộ	1
103	Mô hình tổng thành động cơ Toyota Yaris	Cái	1
104	Mô hình xe ôtô tổng thành xe (xe Toyota 4 chỗ)	Cái	1
105	Mỏ lếch răng 12" (Thailand)	Cái	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
106	Nắp quy lát Toyota Priva 4 xy lanh	Cái	1
107	Ống nghe chuẩn đoán động cơ	Cái	1
108	Quạt CN	Cái	4
109	Súng tháo mở bulon	Cái	2
110	Súng tháo mở bulông bánh xe ôtô Force (USA)	Cái	4
111	Thiết bị bơm mỡ ôtô	Cái	1
112	Thiết bị loe và cắt ống đồng (Korea)	Cái	1
113	Thiết bị sạc acquy	Cái	1
114	Thước đo phẳng	Cái	1
115	Turbo tăng áp động cơ Diesel	Cái	1
116	Vít dẹp loại đầu nhỏ	Cái	2
117	Vỏ xe Jeep 650 16LT Casumina	Cái	4
118	Xe Jeep	Cái	1
	Xưởng Thí nghiệm điện		
119	Bài học về ôtô 1: Cơ bản kỹ thuật điện SO 4204-7A	Bộ	5
120	Bài học về ôtô 2: Cơ bản kỹ thuật điện tử và mạch điện tử SO 4204-7B	Bộ	5
121	Bài học về ôtô 3: Bộ phát điện 3 pha trong xe ô tô SO 4204-7D	Bộ	1
122	Bài học về ôtô 4: Hệ thống truyền tải CAN bus trong xe ô tô SO 4204-7K	Bộ	1
123	Bài học về ôtô 6: tín hiệu điều chế độ rộng xung - PWM dùng trong xe ôtô SO 4204-7J	Bộ	1
124	Bài học về ôtô 7: Thực hành về cảm biến trong xe ôtô SO 4204-7F	Bộ	1
125	Bài học về ôtô 8: Kỹ thuật phát xung và đánh lửa điện tử SO 4204-7C	Bộ	1
126	Bộ thực hành động cơ Diessel (Lucas-Nulle Đức):	Bộ	1
127	Bộ thực hành động cơ phun xăng trực tiếp	Bộ	1
128	Bộ thực với hành động cơ lai, vừa xăng vừa điện (Lucas-Nulle Đức)	Bộ	1
129	Các bộ đo mở rộng cho hệ thống Car Train (Lucas-Nulle Đức): - 14 Màn hình LCD 20" Samsung B2030 . - 01Máy tính cho giáo viên: Core I5-2320 3GHz, HDD 500GBSata, Ram 2G DDRAM bus1333, DVD, Mouse, Keyboard - DOS(0). - 13 Máy tính cho học viên: Core I5	Bộ	1
130	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
131	Hệ thống phun xăng và diesel điều khiển bằng điện tử (24 món)	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
132	Máy chiếu Projector - Sony VPL-EX70	Bộ	1
133	Máy lạnh tủ đứng 2 khối Carrier 60.000BTU (6.5HP) model: 40QB060/38RB060SC (Thái Lan)	Bộ	1
134	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	12
135	Màn hình samsung 19"	Cái	4
136	Phần mềm ADT thực hành sửa chữa ôtô SO 2500-1A	Bộ	1
137	Phần thiết bị thực hành có bộ giao diện với máy tính, có các thiết bị đo ảo	Bộ	11
138	Thiết bị dò tìm hư hỏng hệ thống điện trong ôtô ULTRASCAN P1	Cái	2
139	Bài học về ôtô 5: Hệ thống truyền tải LIN bus trong xe ôtô SO 4204-7E	Cái	1
	Xưởng Điện		
140	Dàn lạnh hệ thống điều hòa ôtô	Bộ	4
141	Dụng cụ phát hiện rò rỉ ga lạnh Tif - Xp - 1A	Cái	1
142	Máy hút chân không	Cái	4
143	Máy nén máy lạnh	Cái	10
144	Mô hình ghế ôtô điều khiển bằng điện điều khiển ECU	Cái	2
145	Mô hình hệ thống chiếu sáng - tín hiệu bằng công nghệ xeon - led điều khiển bằng hộp ECU Toyota	Cái	1
146	Mô hình hệ thống chiếu sáng, tín hiệu Xenon và gạt nước sử dụng mạng quản lý can Toyota	Cái	1
147	Mô hình hệ thống chống trộm trên ôtô	Cái	4
148	Mô hình hệ thống điện trên ôtô hiện đại	Cái	1
149	Mô hình hệ thống điện xe DAEWOO LACETTI CDX	Bộ	1
150	Mô hình hệ thống điều hòa điều khiển bằng điện tử trên ôtô	Cái	1
151	Mô hình hệ thống điều hòa không khí trên xe ôtô được điều khiển bằng động cơ điện	Bộ	1
152	Mô hình hệ thống điều hòa nhiệt độ ôtô môtơ 220/380	Cái	2
153	Mô hình hệ thống điều hòa nhiệt độ ôtô môtơ 220/3XD	Cái	2
154	Mô hình hệ thống điều hòa nhiệt độ điều khiển bằng điện tử trên xe TOYOTA	Cái	1
155	Mô hình hệ thống điều khiển hành trình trên ôtô (Korea)	Cái	2
156	Mô hình hệ thống nâng hạ kính (Korea)	Cái	3
157	Mô hình hệ thống nạp điện ôtô	Cái	3
158	Mô hình hệ thống túi khí an toàn ôtô	Cái	3
159	Mô hình thực tập trên động cơ lai thật , lắp ráp phụ kiện đo lường, điều khiển tại Việt Nam.	Bộ	1
160	Mô hình điều khiển ghế tự động	Cái	4
161	Mô hình hệ thống chiếu sáng dùng bóng đèn Xeon	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
162	Thiết bị sạc acquy	Cái	1
163	Ắc quy ôtô 70AH-12V (Thái Lan)	Cái	2
164	Bình ắcquy 12V-70A	Cái	2
165	Bộ chìa khóa cle vòng miệng 8-32	Bộ	6
166	Bộ chìa khóa cle vòng miệng 8-32 Đức	Bộ	5
167	Bộ đèn pha ôtô đời mới 12V	Bộ	2
168	Bộ đèn sau ôtô theo mẫu	Bộ	2
169	Bộ điều khiển khóa cửa ôtô bằng điện (Nhật)	Cái	1
170	Bộ lục giác bông	Bộ	1
171	Bộ lục giác cạnh	Bộ	1
172	Bộ lục giác cạnh Kingtool	Bộ	1
173	Bộ túi khí an toàn BMW	Bộ	1
174	Bộ vi xử lý hệ thống lái điện tử	Bộ	1
175	Búa cao su	Cái	4
176	Búa nhựa	Cái	4
177	Cảo puly	Cái	1
178	Dàn lạnh của hệ thống lạnh ôtô theo mẫu	Cái	1
179	Dàn nóng của hệ thống lạnh ôtô theo mẫu	Cái	1
180	Dàn nóng hệ thống điều hòa ôtô	Bộ	4
181	Đầu DVD ôtô 12V	Cái	1
182	Đồng hồ VOM điện tử	Bộ	10
183	Đồng hồ đo Vom (kim) 360	Cái	8
184	Đồng hồ đo Vom (số) Sanwa CD 800	Cái	8
185	Đồng hồ sạc ga	Bộ	2
186	Dụng cụ kiểm tra đèn pha cốt ôtô	Bộ	1
187	Hệ thống lái trở lực điện	Bộ	1
188	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Honda	Cái	3
189	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Honda Accord - 2007	Cái	2
190	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Mazd - 2007	Cái	2
191	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Mitshubishi Juli - 2007	Cái	2
192	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Nissan Bluebird - 2007	Cái	2
193	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Toyota 3F-8E	Cái	2
194	Hộp điều khiển thân xe Toyota	Cái	1
195	Hộp tuýp 8-32mm	Hộp	2
196	Kềm kẹp	Cái	4
197	Kềm mở phe trong	Cái	2
198	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
199	Máy khởi động ôtô	Cái	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
200	Máy nén máy lạnh ôtô	Cái	1
201	Máy phát điện xoay chiều	Cái	7
202	Máy phát điện xoay chiều 12V	Cái	1
203	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	4
204	Mô hình cải tiến sa bàn điện số 1	Cái	1
205	Mô hình hệ thống điện thân xe	Bộ	1
206	Mô hình hệ thống nội thất ôtô	Bộ	1
207	Môtơ trợ lực hệ thống lái điện tử 12V-1KW	Cái	1
208	Quạt hút gió của hệ thống điều hòa nhiệt độ ôtô Toyota	Cái	4
209	Relay 4 chân Nissan	Cái	40
210	Thiết bị bơm mỡ ôtô	Cái	1
211	Thước cặp 0-150 mm	Cây	4
212	Tuocnơvit	Cây	34
213	Vành tay lái có công tắc tổng đèn và gạt nước	Cái	6
	Xưởng Gầm		
214	Bánh xe và mâm xe 6.50 -13	Bộ	4
215	Con đội thủy lực (di động)	Cái	1
216	Hệ thống chống bó kẹt phanh ABS model: T-ABS	Bộ	1
217	Hộp số ôtô 5 cấp	Cái	5
218	Hộp số ôtô các loại (5,6 cấp)	Cái	2
219	Hộp số sàn MT - Toyota Camry 97	Cái	1
220	Hộp số tự động AT	Cái	5
221	Hộp số tự động Toyota	Cái	3
222	Hộp số tự động vô cấp Toyota	Cái	4
223	Máy ép thủy lực	Cái	1
224	Máy nén khí piston và bình hơi Model: B7000/500CT (Ý)	Cái	1
225	Mô hình cầu chủ động ôtô (Korea)	Cái	4
226	Mô hình cầu chủ động và dẫn hướng ôtô	Cái	4
227	Mô hình chuyển đổi cơ cấu hộp số tự động của xe Toyota Vios điều khiển từ thủy lực sang khí nén	Cái	1
228	Mô hình động cơ tổng thành- toàn bộ xe đưa lên mô hình	Cái	1
229	Mô hình hệ thống lái kiểu Macpherson Toyota	Cái	1
230	Mô hình hệ thống lái trợ lực điện Toyota	Cái	1
231	Mô hình hệ thống lái và các góc đặt bánh xe trên ôtô để ứng dụng trong giảng dạy	Cái	1
232	Mô hình hệ thống phanh chống hãm cứng ABS và TRC	Cái	1
233	Mô hình hệ thống phanh khí nén ôtô	Cái	2
234	Mô hình hệ thống phanh thủy lực	Cái	4
235	Mô hình hệ thống treo khí điều khiển điện tử của xe Toyota	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
236	Mô hình hộp số trên xe 2 cầu chủ động Toyota	Cái	2
237	Mô hình hộp số tự động điều khiển bằng điện tử	Cái	1
238	Mô hình hộp số tự động điều khiển điện tử	Cái	1
239	Mô hình phanh dầu trợ lực khí nén của xe tải 5 tấn	Cái	1
240	Mô hình hệ thống lái trợ lực bằng điện	Cái	4
241	Mô hình tổng thành hệ thống truyền lực trên ôto	Cái	2
242	Mô hình tổng thành xe ô tô Isuzu D-Max	Cái	1
243	Thiết bị bơm dầu hộp số (Model: HO-211) (Korea)	Cái	1
244	Thiết bị cân chỉnh gốc đặt bánh xe	Cái	1
245	Thiết bị cảo hộp số tự động loại 2 cây dài	Cái	2
246	Thiết bị đào tạo cân bằng động bánh xe model: SBM 125	Bộ	1
247	Thiết bị ép lò so giảm sóc TR3211	Bộ	1
248	Bàn nguội	Cái	1
249	Bánh xe ôtô 6.50 -R13	Bộ	4
250	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	2
251	Bộ chìa khóa vòng miệng Top	Bộ	4
252	Bộ lục giác bông Kingtool	Cái	1
253	Bộ lục giác cạnh Kingtool	Cái	1
254	Bộ vi xử lý hệ thống phanh ECU - ABS	Cái	2
255	Bộ vi xử lý hệ thống treo khí nén ECU	Bộ	1
256	Bơm trợ lực hệ thống lái Toyota	Cái	1
257	Búa cao su	Cái	3
258	Búa nhựa	Cái	3
259	Cần siết lực công nghệ Đức	Cái	2
260	Cảo puly	Cái	3
261	Cảo tháo Rotin ôtô	Cái	1
262	Cầu nâng 2 trục (Trung Quốc)	Cái	1
263	Cuộn dây hơi treo tường rút tự động dài 15m model: G	Cuộn	2
264	Cuộn dây hơi tự động 15m	Cuộn	2
265	Dụng cụ đo góc đặt bánh xe	Bộ	1
266	Dụng cụ đo lực siết	Cái	2
267	Dụng cụ ép lò xo giảm xóc ôtô	Bộ	1
268	Dụng cụ lấy ốc vít nam châm	Cái	2
269	Dụng cụ tháo kính xe	Cái	4
270	Dụng cụ thay dầu phanh ôtô bằng khí nén	Bộ	1
271	Hệ thống treo độc lập xe Toyota	Bộ	1
272	Họng ga TRC	Cái	1
273	Hộp số có hộp số phụ	Cái	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
274	Hộp số ôtô 6 cấp	Cái	2
275	Hộp số sàn	Cái	1
276	Hộp số tự động BMW	Cái	1
277	Hộp tuýp 8-32 (Đức)	Bộ	5
278	Hộp tuýp 8-32mm	Hộp	2
279	Kềm kẹp	Cái	5
280	Kềm mở phe ngoài	Cái	6
281	Kềm mở phe trong	Cái	6
282	Khay Inox 50 x 75 x 5cm	Cái	8
283	Mô hình hệ thống truyền lực xe ôtô	Bộ	1
284	Mô hình hộp số tự động	Cái	1
285	Mô hình tổng thành khung và thùng xe ôtô	Bộ	1
286	Mỏ lết 12,5 inch	Cái	1
287	Phuộc treo khí	Bộ	1
288	Quạt CN	Cái	1
289	Quạt đứng CN	Cái	4
290	Súng phun sơn W770	Cái	2
291	Thiết bị bơm dầu hộp số	Cái	1
292	Vít	Cái	4
293	Vỏ xe Corona P175/70R13	Cái	4
294	Xe nằm sửa chữa gầm	Cái	5
295	Xe vận tải nhẹ Peugoet	Cái	1
296	Xe hơi - Mitsubishi 12 chỗ	Cái	1
	Phòng Đồng Sơn		
297	Giàn khuấy sơn, cân, máy tính tra công thức sơn	Bộ	1
298	Hệ thống hút bụi di động	Bộ	2
299	Phòng sơn sấy xe du lịch	Bộ	1
300	Máy hàn phủ khí sắt	Bộ	1
301	Đèn sấy hồng ngoại sóng ngắn	Cái	1
302	Bộ kéo nắn loại 10 tấn + xe chở	Bộ	1
303	Tủ rửa súng sơn	Cái	1
304	Tủ đựng dụng cụ sơn L100xW500xH1200	Cái	1
	Thiết bị dùng chung		
305	Tủ dụng cụ	Cái	20

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 91 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Nguyễn Thái Bình	Thạc sỹ Kỹ thuật Ô tô, máy kéo	TN ĐHSPKT		- Thực tập Hàn cơ bản	1

– Nhà giáo thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
01	Võ Văn Quốc	Đại học Cơ khí Động lực	NVSP bậc 2		Thực tập tốt nghiệp	
02	Trần Thế Sơn	Đại học Công nghệ kỹ thuật Ô tô	SP dạy nghề		- Đồ án học phần 1	
03	Trần Duy Sư	Đại học Ô tô máy kéo	TN ĐH SP		Quản lý dịch vụ ô tô	
04	Đặng Tiến Phúc	Tiến sỹ Kỹ thuật ô tô	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập ô tô	
05	Huỳnh Thanh Công	Tiến sỹ Kỹ thuật Cơ khí động lực	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Kỹ thuật điện – điện tử	
06	Kao Hoàng Việt Hưng	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí Động lực	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập điện ô tô 1	
07	Nguyễn Văn Tuấn Anh	Đại học CN Kỹ thuật Ô tô	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Động cơ đốt trong	
08	Phạm Hồng Thao	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí Động lực	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập động cơ xăng	
09	Nguyễn Anh Tuấn	Đại học CN Kỹ thuật Ô tô	- TN CĐSP		Lý thuyết gầm ô tô	

Số TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
10	Nguyễn Xuân Hà	Thạc sỹ Khai thác và Bảo trì Ô tô	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập động cơ cơ bản	
11	Nguyễn Trọng Thuật	Kỹ sư Cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2 - SP dạy nghề		Thực tập điện ô tô 2	
12	Đỗ Kim Hoàng	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí Động lực	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Hệ thống điện và điện tử ô tô	
13	Lưu Thanh Hiền	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	TN ĐHSP KT		Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	
14	Phạm Trường Giang	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	
15	Nguyễn Minh Kiệt	Kỹ sư Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập động cơ Diesel	
16	Quãng Minh Đăng	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập đồng sơn ô tô	
17	Nguyễn Hùng Việt	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập kỹ thuật lái xe	
18	Phạm Minh Đẩu	Kỹ sư Cơ khí Động lực	- TN ĐHSPKT - CC SPDN		Nguyên lý chi tiết máy	
19	Đặng Chí Nguyện	Đại học Cơ khí động lực	SP dạy nghề		Cơ lý thuyết	
20	Trần Bá Duy	Đại học Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Sức bền vật liệu	
21	Trần Văn Đông	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		- Thực tập Nguội cơ bản	
22	Nguyễn Thanh Đức	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật ô tô	SP dạy nghề		Vẽ kỹ thuật	

Số TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
23	Trần Huy Vũ	Kỹ sư Cơ khí Động lực	- TN ĐHSPKT - CC SPDN		Dung sai – Kỹ thuật đo	
24	Trần Thế Anh	Kỹ sư Cơ khí Động lực	SP dạy nghề		Autocad	
25	Tống Xuân Điệp	Kỹ sư Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		- Thực tập Hàn cơ bản	
26	Dương Tuấn Hải	Kỹ sư Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập tốt nghiệp	
27	Phạm Đắc Phúc	Kỹ sư Kỹ thuật cơ khí (Cơ khí ô tô)	TN ĐHSP KT		- Đồ án học phần 1	
28	Nguyễn Đắc Khánh Hưng	Thạc sỹ Kỹ thuật - Ô tô - Máy kéo	TN ĐHSP KT		Quản lý dịch vụ ô tô	
29	Đỗ Tấn Thích	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Thực tập ô tô	
30	Đoàn Nguyễn Minh Trung	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Kỹ thuật điện – điện tử	
31	Đinh Quốc Trí	Thạc sỹ Kỹ thuật Ô tô - Máy kéo	TN ĐHSP KT		Thực tập điện ô tô 1	
32	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Động cơ đốt trong	
33	Trần Văn Sơn	Kỹ sư Kỹ thuật ô tô - Máy động lực	SP dạy nghề		Thực tập động cơ xăng	
34	Lâm Đình Thuận	Kỹ sư Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Lý thuyết gầm ô tô	
35	Phan Văn Tuấn	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập động cơ cơ bản	
36	Nguyễn Hoàng Thái Hải	Đại học Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập điện ô tô 2	
37	Trần Thế Sơn	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	SP dạy nghề		Hệ thống điện và điện tử ô tô	

Số TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
38	Lê Khánh Tân	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	
39	Đỗ Quốc Ấm	Thạc sỹ Kỹ thuật ô tô máy kéo	TN ĐHSP KT		Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	
40	Đinh Tấn Ngọc	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập động cơ Diesel	
41	Nguyễn Minh Nhựt	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Thực tập đồng sơn ô tô	
42	Huỳnh Thịnh	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập kỹ thuật lái xe	
43	Nguyễn Trọng Thức	Thạc sỹ Kỹ thuật ô tô máy kéo	TN ĐHSP KT		Nguyên lý chi tiết máy	
44	Vi Văn Thành	Kỹ sư Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Cơ lý thuyết	
45	Trần Xuân Sỹ	Thạc sỹ Xe máy cơ bản	NVSP bậc 2 - TN ĐHSP KT		Sức bền vật liệu	
46	Lê Văn Cường	Tiến sỹ Kỹ thuật (Xe quân sự, xe máy công binh)	- NVSP bậc 2 - TN ĐHSP KT		- Thực tập Nguội cơ bản	
47	Nguyễn Kim Hiền	Thạc sỹ Cơ khí động lực	- NVSP bậc 2 - TN ĐHSP KT		Vẽ kỹ thuật	
48	Phạm Đức Thắng	Thạc sỹ Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Dung sai – Kỹ thuật đo	
49	Trần Trung Thành	Kỹ sư Công nghệ ô tô	TN ĐHSP KT		Autocad	
50	Phạm Ngọc Đăng Khoa	Kỹ sư Cơ khí động lực	- NVSP bậc 2 - TN ĐHSPKT		- Thực tập Hàn cơ bản	
51	Nguyễn Khắc Huân	Tiến sỹ Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập tốt nghiệp	

Số TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
52	Nguyễn Thiên Hà	Thạc sỹ Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		- Đồ án học phần 1	
53	Lê Huy Soạn	Thạc sỹ Kỹ thuật xe máy quân sự, công binh	TN ĐHSP KT		Quản lý dịch vụ ô tô	
54	Bùi Quang Cảnh	Thạc sỹ Kỹ thuật xe máy quân sự, công binh	TN ĐHSP KT		Thực tập ô tô	
55	Nguyễn Văn Ngọc	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Kỹ thuật điện – điện tử	
56	Nguyễn Văn Hùng	Tiến sĩ Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập điện ô tô 1	
57	Lê Ngọc Viện	Thạc sỹ Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Động cơ đốt trong	
58	Nguyễn Hữu Hậu	Đại học Công nghệ Kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Thực tập động cơ xăng	
59	Trương Mạnh Hùng	Tiến sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Lý thuyết gầm ô tô	
60	Lâm Bá Kha	Thạc sỹ Khai thác và bảo trì ô tô máy kéo	TN ĐHSP KT		Thực tập động cơ cơ bản	
61	Nguyễn Văn Bình	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập điện ô tô 2	
62	Hoàng Anh Tuấn	Đại học Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Hệ thống điện và điện tử ô tô	
63	Nguyễn Thành Nhân	Thạc sỹ Khai thác và bảo trì ô tô máy kéo	TN ĐHSP KT		Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	
64	Trần Nguyên Gia Long	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	
65	Lý Văn Trung	Thạc sỹ Khai thác và bảo trì ô tô máy kéo	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Thực tập động cơ Diesel	

Số TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
66	Nguyễn Quang Trưởng	Thạc sỹ Khai thác và bảo trì ô tô máy kéo	SP dạy nghề		Thực tập đồng sơn ô tô	
67	Lương Văn Vạn	Kỹ thuật Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập kỹ thuật lái xe	
68	Trần Anh Nam	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Nguyên lý chi tiết máy	
69	Nguyễn Văn Chấn	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	CC SPDN		Cơ lý thuyết	
70	Nguyễn Trường Lực	Kỹ sư Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Sức bền vật liệu	
71	Lê Văn Thưởng	Kỹ sư Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		- Thực tập Nguội cơ bản	
72	Trần Trung Thành	Kỹ sư Công nghệ ô tô	TN ĐHSP KT		- Đồ án học phần 2	
73	Huỳnh Thanh Bảnh	Kỹ sư Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Sức bền vật liệu	
74	Nguyễn Đình Trọng	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Cơ lý thuyết	
75	Hà Quốc Lịch	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí động lực	CC SPDN		Nguyên lý chi tiết máy	
76	Nguyễn Thái Hùng	Kỹ sư Kỹ thuật cơ khí	NV SP bậc 2		Thực tập kỹ thuật lái xe	
77	Đoàn Xuân Lập	Kỹ sư Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	
78	Nguyễn Hữu Vinh	Kỹ sư Cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT - CC SPDN		Thực tập động cơ Diesel	
79	Trần Hồng Lộc	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí Động lực	NV SP bậc 2		Sức bền vật liệu	
80	Nguyễn Duy Bảo	Kỹ sư Cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		- Thực tập Nguội cơ bản	

Số TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
81	Đoàn Thanh Sơn	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí động lực	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Vẽ kỹ thuật	
82	Phạm Đỗ Sơn Hà	Kỹ sư Cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Dung sai – Kỹ thuật đo	
83	Nguyễn Đỗ Minh Triết	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT		Autocad	
84	Nguyễn Đình Vỹ	Kỹ sư Cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		- Thực tập Hàn cơ bản	
85	Phạm Quang Châu	Kỹ sư Cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Thực tập tốt nghiệp	
86	Châu Công Hậu	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Đồ án học phần 1	
87	Ngô Văn Hợp	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT - CC SPDN - NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Quản lý dịch vụ ô tô	
88	Nguyễn Tấn Lực	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí động lực	- CC SPDN - NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập ô tô	
89	Đoàn Minh Chánh	Kỹ sư Cơ khí động lực	- TN ĐHSPKT - NVSP bậc 2		Kỹ thuật điện – điện tử	
90	Phạm Hải Đăng	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	- TN ĐHSPKT		Thực tập điện ô tô 1	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **CÔNG NGHỆ Ô TÔ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XV. Ngành, nghề: KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 75 sinh viên

– Trung cấp: 25 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 9 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng TT điều hòa không khí 1		
1	Bơm nước chỉnh áp lực 220V(1pha 1/2 HP)	Cái	1
2	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
3	Hệ thống điều hòa không khí ô tô	Bộ	1
4	Máy điều hòa Panasonic CW-C182EH 2HP-1cục	Cái	1
5	Máy lạnh giải nhiệt 10HP/380V	Cái	1
6	Máy nén hơi 1 pha/1,5Hp	Cái	1
7	Ampe kềm	Cái	3
8	Block tủ lạnh	Cái	2
9	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
10	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	3
11	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
12	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
13	Đồng hồ sạc ga	Cái	4
14	Đồng hồ Vom	Cái	1
15	Dụng cụ hút chân không	Cái	1
16	Êtô	Cái	1
17	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có bánh xe	Cái	4
18	Giá đỡ máy lạnh 2 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	5
19	Kềm các loại	Cái	8
20	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	1
21	Máy hàn hồ quang SD300A Misa	Cái	1
22	Máy lạnh 1HP- 1 cục National 220V	Cái	2
23	Máy lạnh 1HP- 1 cục National C90LH	Cái	5
24	Máy lạnh National C9DLH 1 cục -1HP	Cái	2
25	Mô hình máy làm lạnh nước L4000, L7213	Cái	1
26	Máy lạnh 2 cục 2HP/220V	Bộ	2
27	Mỏ lết	Cái	3
28	Môtơ bơm nước 1 pha/ 220V/1/4HP	Cái	2
29	Tuocnơvit	Cái	9
30	Uốn ống 6-8-10	Cây	3
31	Uốn ống đồng	Cái	1
	Xưởng TT điều hòa không khí 2		
32	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
33	Khoan đục bê tông 220V/1HP (Đức)	Cái	1
34	Máy lạnh 1HP/220V/gaz 410A Nagakawa	Bộ	4
35	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	4
36	Máy lạnh âm trần 5HP/380V	Bộ	2
37	Máy lạnh 2 khối 220V/1HP (Kendo)	Cái	1
38	Máy lạnh LG - 2 khối 1HP	Bộ	3
39	Máy lạnh Panasonic C18DKH 2HP -2 cục (Malaysia)	Bộ	1
40	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
41	Mô hình thí nghiệm máy lạnh loại ghép dân dụng 1 pha	Cái	1
42	Ampe kềm	Cái	8
43	Block máy lạnh 1HP	Cái	14
44	Block tủ lạnh	Cái	6
45	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	2
46	Bộ gia công ống ngoại	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
47	Đồng hồ sạc ga	Cái	5
48	Dụng cụ hút chân không	Cái	2
49	Giá đỡ các mô hình có bánh xe đẩy	Cái	8
50	Giá đỡ máy lạnh 2 cụm có bánh xe	Cái	5
51	Kềm các loại	Cái	15
52	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	2
53	Máy lạnh National áp trần 3HP	Cái	1
54	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng (loại ghép)	Cái	1
55	Mỏ lết thường 18"	Cái	1
56	Tuocnơvit	Cái	13
57	Uốn ống 6-8-10	Cây	2
	Xưởng TT lạnh công nghiệp 1		
58	Bơm nước chỉnh áp lực 220V(1pha 1/2 HP)	Cái	1
59	Máy nén hở 10HP (Sanyo)	Cái	1
60	Máy nén scroll 3 pha/5HP	Cái	5
61	Máy nén trục vít 380V/3 pha/10HP	Cái	1
62	Mô hình hệ thống lạnh thương mại	Cái	1
63	Mô hình kho đông tiếp xúc 2 cấp 10HP/3870V	Bộ	1
64	Mô hình máy lạnh ôtô	Cái	1
65	Ổn áp LIOA 45KVA-3fa	Cái	1
66	Ampere kềm dạng hiển thị kim	Cái	2
67	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	1
68	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	4
69	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	1
70	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
71	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
72	Đồng hồ sạc ga	Cái	2
73	Giá đỡ máy nén	Cái	9
74	Kềm các loại	Cái	8
75	Máy nén 2 cấp 380V-10-15HP	Cái	2
76	Máy nén SEMIHERMATIC 3-5HP/380V	Cái	3
77	Mỏ lết thường 18"	Cái	2
78	Môtơ bơm nước 1 pha/ 220V/1/4HP	Cái	1
79	Thang xếp chữ A 3m	Cái	1
80	Tuocnơvit	Cái	4
81	VOM số	Cái	1
	Xưởng TT lạnh công nghiệp 2		
82	Mô hình hệ thống lạnh công nghiệp	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
83	Mô hình máy nén ly tâm 15HP/380V (Mô hình lạnh, giải nhiệt bằng gió)	Bộ	2
84	Mô hình máy nén trục vít 15HP/380V (Mô hình hệ thống lạnh cấp đông 2 cấp giải nhiệt bằng gió)	Bộ	1
85	Mô hình Piston (dạng semihermatic) 5HP/380V (Mô hình điều hòa trung tâm làm lạnh nước Water chiler, 2 dàn lạnh)	Bộ	1
86	Mô hình tủ đông thương nghiệp	Bộ	2
87	Mô hình kho bảo quản lạnh	Bộ	2
88	Mô hình kho cấp đông	Bộ	1
89	Ampe kềm hiển kim 2608	Cái	2
90	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	1
91	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	1
92	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
93	Đồng hồ sạc ga	Cái	2
94	Kềm điện đầu bằng Asaki	Cái	2
95	VOM số	Cái	1
	Xưởng Trang bị điện và tự động hóa 1		
96	Bàn thực tập + bộ nguồn + bánh xe	Cái	10
97	Ampe kềm	Cái	3
98	Đồng hồ sạc ga	Bộ	1
99	Đồng hồ Vom	Cái	3
100	Kềm các loại	Cái	11
101	Môtơ 2HP/ 3 pha/ 380V/ 660V	Cái	2
102	Môtơ kéo 1HP-1 fa	Cái	1
103	Mô hình điều hòa không khí trung tâm làm lạnh nước Water Chiller	Bộ	1
104	Mô hình băng truyền IQF	Bộ	1
105	Thang xếp chữ A	Cái	1
106	Tuocnơvit	Cái	7
107	VOM số	Cái	1
	Xưởng Trang bị điện và tự động hóa 2		
108	Máy điều hòa Panasonic CW-C182EH 2HP-1cục	Cái	1
109	Máy lạnh Panasonic 1 khối -2HP	Cái	1
110	Máy lạnh Toshiba Rac-18TX	Cái	1
111	Máy thu hồi môi chất lạnh	Cái	1
112	Mô hình máy đá viên	Bộ	1
113	Ampere kềm dạng hiển thị kim	Cái	3
114	Block máy lạnh 1HP	Cái	3
115	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
116	Dụng cụ hút chân không	Cái	1
117	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	2
118	Kềm các loại	Cái	5
119	Máy cắt sắt	Cái	1
120	Tuocnơvit	Cái	4
121	VOM số	Cái	3
	Xưởng lạnh cơ bản 1		
122	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
123	Mô hình chu trình làm lạnh một cấp có thiết bị hồi nhiệt trên giản đồ LgP-h	Bộ	1
124	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng loại ghép	Cái	1
125	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng loại ghép lắp ráp	Cái	1
126	Thiết bị sấy đa năng	Bộ	1
127	Ampe kềm	Cái	5
128	Bộ gia công ống ngoại	Bộ	1
129	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	5
130	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2HP 380/660V	Cái	2
131	Đồng hồ sạc ga	Cái	4
132	Đồng hồ Vom ngoại	Cái	2
133	Kềm các loại	Cái	22
134	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	2
135	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng (loại ghép)	Cái	1
136	Môtơ kéo 1HP-1 fa	Cái	4
137	Tuocnơvit	Cái	14
138	Uốn ống 6-8-10	Cây	4
139	VOM số	Cái	3
	Xưởng lạnh cơ bản 2		
140	Bộ hàn hơi có giá đỡ bánh xe	Bộ	1
141	Ampe kềm	Cái	2
142	Block tủ lạnh	Cái	4
143	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	2
144	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	6
145	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
146	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
147	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2HP 380/660V	Cái	3
148	Đồng hồ đo thứ tự pha	Cái	1
149	Đồng hồ sạc ga	Cái	3
150	Êtô	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
151	Kềm các loại	Cái	16
152	Máy nén khí 1 pha 1/2HP	Cái	1
153	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	1
154	Môtơ 2HP/ 3 pha/ 380V/ 660V	Cái	3
155	Môtơ kéo 1HP-1 fa	Cái	5
156	Tuocnơvit	Cái	13
157	Uốn ống 6-8-10	Cây	4
158	VOM số	Cái	3
159	Tủ lạnh làm lạnh trực tiếp	Cái	5
160	Tủ lạnh làm lạnh gián tiếp	Cái	5
161	Tủ đông thương nghiệp (tủ mát)	Cái	4
	Xưởng TT máy và thiết bị lạnh		
162	Ampe kềm	Cái	7
163	Blốc tủ lạnh	Cái	12
164	Block máy lạnh 1HP	Cái	5
165	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	6
166	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	2
167	Bộ gia công ống	Bộ	2
168	Bộ hàn hơi có giá đỡ bánh xe	Bộ	1
169	Bộ hút chân không 1HP/220V (vaccum)	Cái	2
170	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	10
171	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
172	Cảo 3 chấu	Cái	2
173	Cưa gỗ cầm tay Hitiminjet 1100W/220V	Cái	1
174	Đồng hồ đo PH	Cái	2
175	Đồng hồ đo thứ tự pha	Cái	1
176	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	2
177	Đồng hồ sạc ga	Cái	6
178	Đồng hồ Vom	Cái	4
179	Êtô	Cái	4
180	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	3
181	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có bánh xe	Cái	1
182	Kềm các loại	Cái	56
183	Khoan bàn 3 tấc	Cái	1
184	Lốc tủ lạnh 1/8HP/220V	Cái	10
185	Máy cưa lọng STE70 Metabo	Cái	1
186	Máy điều hòa Carrier APX-18R 2HP	Cái	1
187	Máy lạnh - Toshiba 1HP-1cục	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
188	Máy lạnh 2 cụm INVERTER 220V/1.5HP	Cái	2
189	Máy lạnh Carrier APX -18R 2HP	Cái	2
190	Máy lạnh National	Cái	1
191	Mỏ lếch 12" 300mm Asaki	Cái	3
192	Mỏ lết	Cái	4
193	Tủ lạnh 120 lít	Cái	5
194	Tủ lạnh 120l-240l	Cái	3
195	Tủ lạnh Inveter	Cái	5
196	Tủ lạnh side by side	Cái	2
197	Tuocnơvit	Cái	20
198	Uốn ống 6-8-10	Cây	7
199	Uốn ống đồng	Cái	4
200	Vaccum 220V/1 pha/ 1HP	Cái	2
201	VOM số	Cái	5

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 09 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 09 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
1.	Nguyễn Minh Hạ	Kỹ sư Công nghệ Nhiệt lạnh	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Đồ án 2	45
2.	Nguyễn Thanh Dũng	Thạc sỹ Kỹ thuật Nhiệt lạnh	- NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Điều hòa không khí Ô tô	45
3.	Đặng Thanh Dũng	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Nhiệt - Lạnh	SP dạy nghề		Thực tập tốt nghiệp	270
4.	Dương Hùng Huy	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Nhiệt - Lạnh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		TT hệ thống điều hoà không khí trung tâm	90
5.	Nguyễn Văn Quyết	Thạc sỹ Công nghệ Nhiệt	SP dạy nghề		Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp	90

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
6.	Nguyễn Hiếu Trung	Kỹ sư Kỹ thuật Nhiệt	SP dạy nghề		Thực tập hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	90
7.	Lê Xuân Phong	Thạc sỹ Kỹ thuật Nhiệt lạnh	SP dạy nghề		Thực tập hệ thống điều hoà không khí cục bộ	90
8.	Lê Trần Nhật Huy	Kỹ sư Công nghệ Nhiệt lạnh	SP dạy nghề		Đồ án 1	45
9.	Nguyễn Minh Tùng	Kỹ sư Kỹ thuật Nhiệt lạnh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	90

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XVI. Ngành, nghề: VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 75 sinh viên
- Trung cấp: 25 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 9 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng TT điều hòa không khí 1		
1	Bơm nước chỉnh áp lực 220V(1pha 1/2 HP)	Cái	1
2	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
3	Hệ thống điều hòa không khí ô tô	Bộ	1
4	Máy điều hòa Panasonic CW-C182EH 2HP-1cục	Cái	1
5	Máy lạnh giải nhiệt 10HP/380V	Cái	1
6	Máy nén hơi 1 pha/1,5Hp	Cái	1
7	Ampe kềm	Cái	3
8	Block tủ lạnh	Cái	2
9	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	4
10	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	3
11	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
12	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
13	Đồng hồ sạc ga	Cái	4
14	Đồng hồ Vom	Cái	1
15	Dụng cụ hút chân không	Cái	1
16	Êtô	Cái	1
17	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có bánh xe	Cái	4
18	Giá đỡ máy lạnh 2 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	5
19	Kềm các loại	Cái	8
20	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	1
21	Máy hàn hồ quang SD300A Misa	Cái	1
22	Máy lạnh 1HP- 1 cục National 220V	Cái	2
23	Máy lạnh 1HP- 1 cục National C90LH	Cái	5
24	Máy lạnh National C9DLH 1 cục -1HP	Cái	2
25	Mô hình máy làm lạnh nước L4000, L7213	Cái	1
26	Máy lạnh 2 cục 2HP/220V	Bộ	2
27	Mỏ lết	Cái	3
28	Môtơ bơm nước 1 pha/ 220V/1/4HP	Cái	2
29	Tuocnơvit	Cái	9
30	Uốn ống 6-8-10	Cây	3
31	Uốn ống đồng	Cái	1
	Xưởng TT điều hòa không khí 2		

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
32	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
33	Khoan đục bê tông 220V/1HP (Đức)	Cái	1
34	Máy lạnh 1HP/220V/gaz 410A Nagakawa	Bộ	4
35	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	4
36	Máy lạnh âm trần 5HP/380V	Bộ	2
37	Máy lạnh 2 khối 220V/1HP (Kendo)	Cái	1
38	Máy lạnh LG - 2 khối 1HP	Bộ	3
39	Máy lạnh Panasonic C18DKH 2HP -2 cục (Malaysia)	Bộ	1
40	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
41	Mô hình thí nghiệm máy lạnh loại ghép dân dụng 1 pha	Cái	1
42	Ampe kềm	Cái	8
43	Block máy lạnh 1HP	Cái	14
44	Block tủ lạnh	Cái	6
45	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	2
46	Bộ gia công ống ngoại	Bộ	1
47	Đồng hồ sạc ga	Cái	5
48	Dụng cụ hút chân không	Cái	2
49	Giá đỡ các mô hình có bánh xe đẩy	Cái	8
50	Giá đỡ máy lạnh 2 cụm có bánh xe	Cái	5
51	Kềm các loại	Cái	15
52	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	2
53	Máy lạnh National áp trần 3HP	Cái	1
54	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng (loại ghép)	Cái	1
55	Mỏ lết thường 18"	Cái	1
56	Tuocnơvit	Cái	13
57	Uốn ống 6-8-10	Cây	2
	Xưởng TT lạnh công nghiệp 1		
58	Bơm nước chỉnh áp lực 220V(1pha 1/2 HP)	Cái	1
59	Máy nén hở 10HP (Sanyo)	Cái	1
60	Máy nén scroll 3 pha/5HP	Cái	5
61	Máy nén trục vít 380V/3 pha/10HP	Cái	1
62	Mô hình hệ thống lạnh thương mại	Cái	1
63	Mô hình kho đông tiếp xúc 2 cấp 10HP/3870V	Bộ	1
64	Mô hình máy lạnh ôtô	Cái	1
65	Ổn áp LIOA 45KVA-3fa	Cái	1
66	Ampere kềm dạng hiển thị kim	Cái	2
67	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	1
68	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
69	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	1
70	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
71	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
72	Đồng hồ sạc ga	Cái	2
73	Giá đỡ máy nén	Cái	9
74	Kềm các loại	Cái	8
75	Máy nén 2 cấp 380V-10-15HP	Cái	2
76	Máy nén SEMIHERMATIC 3-5HP/380V	Cái	3
77	Mỏ lết thường 18"	Cái	2
78	Môtơ bơm nước 1 pha/ 220V/1/4HP	Cái	1
79	Thang xếp chữ A 3m	Cái	1
80	Tuocnơvit	Cái	4
81	VOM số	Cái	1
	Xưởng TT lạnh công nghiệp 2		
82	Mô hình hệ thống lạnh công nghiệp	Bộ	1
83	Mô hình máy nén ly tâm 15HP/380V (Mô hình lạnh, giải nhiệt bằng gió)	Bộ	2
84	Mô hình máy nén trục vít 15HP/380V (Mô hình hệ thống lạnh cấp đông 2 cấp giải nhiệt bằng gió)	Bộ	1
85	Mô hình Piston (dạng semihermatic) 5HP/380V (Mô hình điều hòa trung tâm làm lạnh nước Water chiler, 2 dàn lạnh)	Bộ	1
86	Mô hình tủ đông thương nghiệp	Bộ	2
87	Mô hình kho bảo quản lạnh	Bộ	2
88	Mô hình kho cấp đông	Bộ	1
89	Ampe kềm hiển kim 2608	Cái	2
90	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	1
91	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	1
92	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
93	Đồng hồ sạc ga	Cái	2
94	Kềm điện đầu bằng Asaki	Cái	2
95	VOM số	Cái	1
	Xưởng Trang bị điện và tự động hóa 1		
96	Bàn thực tập + bộ nguồn + bánh xe	Cái	10
97	Ampe kềm	Cái	3
98	Đồng hồ sạc ga	Bộ	1
99	Đồng hồ Vom	Cái	3
100	Kềm các loại	Cái	11
101	Môtơ 2HP/ 3 pha/ 380V/ 660V	Cái	2
102	Môtơ kéo 1HP-1 fa	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
103	Mô hình điều hòa không khí trung tâm làm lạnh nước Water Chiller	Bộ	1
104	Mô hình băng truyền IQF	Bộ	1
105	Thang xếp chữ A	Cái	1
106	Tuocnơvit	Cái	7
107	VOM số	Cái	1
	Xưởng Trang bị điện và tự động hóa 2		
108	Máy điều hòa Panasonic CW-C182EH 2HP-1cục	Cái	1
109	Máy lạnh Panasonic 1 khối -2HP	Cái	1
110	Máy lạnh Toshiba Rac-18TX	Cái	1
111	Máy thu hồi môi chất lạnh	Cái	1
112	Mô hình máy đá viên	Bộ	1
113	Ampere kềm dạng hiển thị kim	Cái	3
114	Block máy lạnh 1HP	Cái	3
115	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	4
116	Dụng cụ hút chân không	Cái	1
117	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	2
118	Kềm các loại	Cái	5
119	Máy cắt sắt	Cái	1
120	Tuocnơvit	Cái	4
121	VOM số	Cái	3
	Xưởng lạnh cơ bản 1		
122	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
123	Mô hình chu trình làm lạnh một cấp có thiết bị hồi nhiệt trên giản đồ LgP-h	Bộ	1
124	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng loại ghép	Cái	1
125	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng loại ghép lắp ráp	Cái	1
126	Thiết bị sấy đa năng	Bộ	1
127	Ampe kềm	Cái	5
128	Bộ gia công ống ngoại	Bộ	1
129	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	5
130	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2HP 380/660V	Cái	2
131	Đồng hồ sạc ga	Cái	4
132	Đồng hồ Vom ngoại	Cái	2
133	Kềm các loại	Cái	22
134	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	2
135	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng (loại ghép)	Cái	1
136	Môtơ kéo 1HP-1 fa	Cái	4
137	Tuocnơvit	Cái	14

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
138	Uốn ống 6-8-10	Cây	4
139	VOM số	Cái	3
	Xưởng lạnh cơ bản 2		
140	Bộ hàn hơi có giá đỡ bánh xe	Bộ	1
141	Ampe kềm	Cái	2
142	Block tủ lạnh	Cái	4
143	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	2
144	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	6
145	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
146	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
147	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2HP 380/660V	Cái	3
148	Đồng hồ đo thứ tự pha	Cái	1
149	Đồng hồ sạc ga	Cái	3
150	Êtô	Cái	3
151	Kềm các loại	Cái	16
152	Máy nén khí 1 pha 1/2HP	Cái	1
153	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	1
154	Môtơ 2HP/ 3 pha/ 380V/ 660V	Cái	3
155	Môtơ kéo 1HP-1 fa	Cái	5
156	Tuocnơvit	Cái	13
157	Uốn ống 6-8-10	Cây	4
158	VOM số	Cái	3
159	Tủ lạnh làm lạnh trực tiếp	Cái	5
160	Tủ lạnh làm lạnh gián tiếp	Cái	5
161	Tủ đông thương nghiệp (tủ mát)	Cái	4
	Xưởng TT máy và thiết bị lạnh		
162	Ampe kềm	Cái	7
163	Blốc tủ lạnh	Cái	12
164	Block máy lạnh 1HP	Cái	5
165	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	6
166	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	2
167	Bộ gia công ống	Bộ	2
168	Bộ hàn hơi có giá đỡ bánh xe	Bộ	1
169	Bộ hút chân không 1HP/220V (vaccum)	Cái	2
170	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	10
171	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
172	Cảo 3 chấu	Cái	2
173	Cưa gỗ cầm tay Hitiminjet 1100W/220V	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
174	Đồng hồ đo PH	Cái	2
175	Đồng hồ đo thứ tự pha	Cái	1
176	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	2
177	Đồng hồ sạc ga	Cái	6
178	Đồng hồ Vom	Cái	4
179	Êtô	Cái	4
180	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	3
181	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có bánh xe	Cái	1
182	Kềm các loại	Cái	56
183	Khoan bàn 3 tấc	Cái	1
184	Lốc tủ lạnh 1/8HP/220V	Cái	10
185	Máy cưa lọng STE70 Metabo	Cái	1
186	Máy điều hòa Carrier APX-18R 2HP	Cái	1
187	Máy lạnh - Toshiba 1HP-1cục	Cái	1
188	Máy lạnh 2 cụm INVERTER 220V/1.5HP	Cái	2
189	Máy lạnh Carrier APX -18R 2HP	Cái	2
190	Máy lạnh National	Cái	1
191	Mỏ lếch 12" 300mm Asaki	Cái	3
192	Mỏ lết	Cái	4
193	Tủ lạnh 120 lít	Cái	5
194	Tủ lạnh 120l-240l	Cái	3
195	Tủ lạnh Inveter	Cái	5
196	Tủ lạnh side by side	Cái	2
197	Tuocnơvit	Cái	20
198	Uốn ống 6-8-10	Cây	7
199	Uốn ống đồng	Cái	4
200	Vaccum 220V/1 pha/ 1HP	Cái	2
201	VOM số	Cái	5

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 09 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

- Nhà giáo thỉnh giảng: 09 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
1.	Nguyễn Hoài An	Kỹ sư Công nghệ chế biến thủy sản	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3/7	Điều hòa không khí Ô tô	45
2.	Nguyễn Văn Luông	Kỹ sư Điện - Điện tử	SP dạy nghề	Bậc 3/7	Chuyên đề máy lạnh	30
3.	Nguyễn Tiến Cảnh	Thạc sỹ Kỹ thuật Nhiệt lạnh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3/7	Thực tập tốt nghiệp	270
4.	Dương Hùng Huy	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Nhiệt - Lạnh	- TN ĐHSPKT	Bậc 3/7	Đồ án 1	45
5.	Đỗ Hồng Sơn	Kỹ sư Công nghệ Nhiệt lạnh	SP dạy nghề	Bậc 3/7	Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp	90
6.	Trần Đình Anh Tuấn	Kỹ sư Công nghệ chế biến thủy sản	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3/7	Thực tập lạnh cơ bản	3
7.	Nguyễn Phúc Anh	Thạc sỹ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	SP dạy nghề	Bậc 3/7	Kỹ thuật điều hoà không khí	3
8.	Lê Đình Nhật Hoài	Thạc sỹ Kỹ thuật Nhiệt lạnh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3/7	Bơm - Quạt - Máy nén	2
9.	Đinh Công Bình	Kỹ sư Công nghệ Nhiệt lạnh	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH	Bậc 3/7	An toàn lao động điện lạnh	2

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XVII. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 150 sinh viên
- Trung cấp: 20 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Cơ sở vật chất

  Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

  Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 15 xưởng.

- Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
I	**KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**		
	Phòng Thực tập PLC1		
1	Bộ điều khiển khả trình PLC	Bộ	2
2	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	6
3	Bộ thí nghiệm kỹ thuật số	Bộ	60
4	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	5
5	Bộ thí nghiệm vi điều khiển	Bộ	2
6	Đồng hồ đo MΩ	Cái	1
7	Đồng hồ VOM kim	Cái	2
8	Màn hình cảm ứng	Bộ	1
9	Máy khoan Makita	Cái	1
10	Máy vi tính P4 -3.2GHz	Bộ	2
11	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC và VĐK	Bộ	1
	Phòng Thực tập PLC2		
12	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	34
13	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
14	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
15	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
16	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	7
17	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
18	Tủ điều khiển hệ thống xử lý nước thải T2010-N11	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
19	Cây hút chì	Cái	10
20	Động cơ các loại	Cái	2
21	Đồng hồ các loại	Cái	11
22	Kềm các loại	Cái	18
23	Loa thùng	Cặp	1
24	Màn hình LCD Compad 18.5"	Cái	1
25	Máy khoan bàn	Cái	1
26	Mixer	Cái	1
27	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	10
28	Nhíp các loại	Cái	8
29	Tuocnovit pake	Cây	40
	Phòng thực tập Điện tử viễn thông		
30	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	7
31	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	12
32	Bộ thí nghiệm tổng đài LG 102 (Korea)	Cái	2
33	Đồng hồ vạn năng hiển thị số, tần số 10MHz- Model: LM 2006	Bộ	1
34	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông ASK, FSK, PSK- Model: SO4204-9L (Đức)	Bộ	1
35	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PAM/PCM - Model: SO4204-9J (Đức)	Bộ	1
36	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PTM - Model: SO4204-9K (Đức)	Bộ	1
37	Dụng cụ biến điệu, giải biến AM/FM - Model: SO4204-9M (Đức)	Bộ	1
38	Dụng cụ đo và kết nối - Model: SO4203-2J (Đức)	Bộ	11
39	Dụng cụ thực hành ăngteng - Model: SO4204-9W (Đức)	Bộ	1
40	Hệ thống mạng	HT	1
41	Khối giao diện UNITRAIN I- Model: SO4203-2A (Đức)	Bộ	11
42	Khối mô đun kết nối - Model: SO4203-2B (Đức)	Bộ	22
43	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	2
44	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	5
45	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	6
46	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	3
47	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
48	Mô đun thí nghiệm - Model: SO4204-9D (Đức)	Bộ	1
49	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp 4 sợi- Model: SO4204-9F (Đức)	Bộ	1
50	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp quang học	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	- Model: SO4204-9E (Đức)		
51	Mô đun thực hành thí nghiệm truyền thông - Model: SO4204-9A (Đức)	Bộ	1
52	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	2
53	Mô hình lựa chọn sản phẩm theo kích thước	Bộ	6
54	Xử lý mạch thu AM và cao tần HF, xử lý mạch khuếch đại AM IF, LF - Model: SO4204-9N (Đức)	Bộ	1
55	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	10
56	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	3
57	Ampe kềm	Cái	2
58	Ampli 1000W	Cái	1
59	Bảng nhôm thực tập	Cái	5
60	Bộ Cle	Cái	1
61	Bộ khóa lục giác	Cái	2
62	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	4
63	Bộ nạp accu 20A	Cái	1
64	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
65	Cây hút chì	Cái	15
66	Đế gác mỏ hàn	Cái	13
67	Động cơ các loại	Cái	2
68	Đồng hồ các loại	Cái	71
69	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	2
70	Kềm các loại	Cái	88
71	Khoan bàn	Cái	3
72	Khoan cầm tay Bosch	Cái	1
73	Khung cưa tay	Cái	2
74	Kìm dẹp	Cái	15
75	Loa 1000W	Cặp	2
76	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
77	Máy nén khí	Cái	4
78	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	70
79	Nhíp	Cái	30
80	Súng hút chì	Cây	5
81	Switch 8 port 10/100Mbhz	Cái	1
82	Thiết bị đo 10:1/1:1 - Model: LM 9036	Bộ	2
83	Thước cặp	Cái	7
84	Tuocnovit	Cái	79
85	Thực tập khí nén	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng thí nghiệm máy điện		
86	Bộ chuyển đổi nguồn điện tự động ATS	Bộ	2
87	Mô hình tủ bù đa cấp cho lưới phân phối hạ thế - Mã số 09T - TN21	Cái	1
88	Tủ cung cấp có BV	Cái	2
89	Tủ điện dùng để thực tập cung cấp điện	Bộ	3
90	Tủ thực tập cung cấp điện	Tủ	1
91	Tay máy	Cái	1
	Phòng Thực tập điện khí nén		
92	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	3
93	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	11
94	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
95	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
96	Máy đèn chiếu xách tay AZZA HM - 26F (Malaysia) + màn hình hộp Dalite 64"x48"(USA)	Bộ	1
97	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	1
98	Đồng hồ đo điện trở đất (số) Kyoritsu 4105	Cái	1
99	Ampere kềm dạng kim 2608 Kyoritsu	Cái	1
100	Bảng nhôm 800x860	Cái	8
101	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
102	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
103	Đồng hồ đo Vom dạng kim 360 Sanwa	Cái	1
104	Máy nén khí	Cái	5
	Phòng Thực tập Điện tử máy tính		
105	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	27
106	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	10
107	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
108	Hệ thống mạng: 1 cái switch 16 ports base 10/100/1000	Ht	1
109	Tivi màu LCD Toshiba 42" - A3000E	Cái	1
110	17 USE (truy cập vào máy chủ - License)(nằm theo máy)	Cái	17
111	Đồng hồ VOM kim	Cái	4
112	Kềm các loại	Cái	29
113	Khung cưa tay	Cái	1
114	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
	Phòng Thực tập điện máy CNC		
115	Hệ thống khí nén: Máy nén khí Puma 3HP + Máy sấy khí Lode star 5HP	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
116	Máy cắt sắt Makita	Cái	1
117	Máy lạnh Panasonic 2HP - PC18MKF 2khối	Bộ	1
118	Máy nạp EPROM LABTOOL 148C	Cái	1
119	Máy tiện dạy học có tích hợp bộ mạch điện tìm lỗi, điều khiển bằng hệ Fanuc Oi Mate - hãng MTS	Bộ	1
120	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	8
121	Mô hình máy phay CNC	Cái	1
122	Ổn áp 30KVA-380V - Chenshin	Cái	1
123	Bộ chìa khóa 8 - 24 mm	Cây	9
124	Bộ cle vòng miệng (8 - 24)	Cây	28
125	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
126	Đồng hồ đo Vom dạng số CD800 Sanwa	Cái	1
127	Đồng hồ so cấp chính xác 1/1000 Mitutoyo	Cái	1
128	HDD Box 525	Cái	1
129	Khoan bàn 8T	Cái	1
130	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	4
131	Lục giác (hệ MT) King Tony	Bộ	2
132	Máy hàn điện 220V/200A	Cái	1
133	Máy hút bụi National MC4960-1500W/220V	Cái	1
134	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
135	Máy mài cầm tay	Cái	1
136	PLC Lugo 250RE	Cái	1
137	Thước cặp điện tử 1.5T	Cái	2
138	Bộ điều khiển động cơ bằng điện tử PE482A	Cái	1
139	Bộ điều khiển động cơ DC bằng điện trở Shunt PE482B	Cái	1
	Phòng Thực tập đo lường cảm biến		
140	Bộ thí nghiệm cảm biến	Bộ	9
141	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	2
142	Bộ thí nghiệm VĐK 8952	Bộ	1
143	Hệ thống nguồn ALU 110. Gồm:	Bộ	
144	- Khối nguồn xoay chiều AC ST 7005-2C-V		17
145	- Khối panel chống rỗng ST 7005- 4T -V	Bộ	34
146	- Ổ cắm lấy nguồn ra ST 7005- 2G- V	Bộ	17
147	- Tấm ALU 990mm ST 7005- cover	Bộ	17
148	Hệ thống mạng (8 máy)	Ht	1
149	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
150	Máy chiếu overhead Sunheamg + màn hình treo 70"	Bộ	1
151	Ampe kềm	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
152	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	8
153	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	2
154	Bộ điều khiển tốc độ vô cấp	Bộ	1
155	Bộ hàn chíp	Bộ	1
156	Bộ khóa lục giác	Cái	1
157	Bộ kiểm tra mức OMRON (cảm biến từ)	Cái	2
158	Bộ kiểm tra mức OMRON (kiểm tra nhiệt độ)	Cái	2
159	Bộ kiểm tra OMRON 61F -G2	Cái	2
160	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	4
161	Cảm biến nhiệt độ OMRON	Cái	2
162	Cảm biến nhiệt độ OMRON 61F	Cái	2
163	Cảm biến nhiệt độ OMRON E52 MY-PTC	Cái	2
164	Cảm biến OMRON NY-PTC (MY - PTC)	Cái	2
165	Cây hút chì	Cây	10
166	Đầu đĩa AR 36G	Cái	1
167	Đầu DVD SONY	Cái	4
168	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
169	Digital multimetter EDM4760 (Korea)	Cái	1
170	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
171	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	1
172	Đồng hồ các loại	Cái	63
173	Giá treo tivi	Cái	1
174	Kềm các loại	Cái	26
175	Khoan bàn 8T	Cái	1
176	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
177	Kít nạp EPROM	Cái	2
178	Kít thực tập vi xử lý	Cái	2
179	Loa thùng	Cặp	3
180	Màn hình cảm biến	Cái	2
181	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
182	Máy mài tay Bosch	Cái	1
183	Máy phát sóng âm tần AG-2601A	Cái	1
184	Máy phát sóng RF SG-4160B	Cái	1
185	Máy phát tần số	Cái	1
186	Mixer	Cái	1
187	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	61
188	Nhíp lớn	Cái	15
189	Ocsilloscope PS251	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
190	Panme điện tử	Cái	1
191	Súng hút chì	Cây	10
192	Tivi màu 5"	Cái	2
193	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
194	Tuocnovit	Cái	87
	Phòng thực tập kỹ thuật xung số		
195	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	15
196	Thí nghiệm PLC OMRON -C200	Bộ	4
197	Simantic S7-300 gồm: - Trappic + PC Adaptor + Step 7V51 sofware + Manual S7-300 + Manual 312 IFM, 314 IFM + Documentation package step 7 + Máy vi tính Tudel PIII	Bộ	1
198	Tủ điều khiển	Cái	5
199	Tủ điện PLC	Cái	10
	Phòng thực tập tự động hóa		
200	Bàn lắp đặt hệ thống (ST 7200 -3T)	Bộ	5
201	Bộ nguồn 3pha cho hệ thống Unitrain -I (SO4203 -2D)	Bộ	7
202	Các ống dẫn và bộ phụ kiện cho hệ cơ điện tử (LM9670)	Bộ	1
203	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
204	Máy nén khí chống ồn dưới 45db(SE2902 -9L)	Bộ	1
205	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	5
206	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
207	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	10
208	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	1
209	Mô hình Inverter T2010-TN12	Bộ	1
210	Phụ kiện cho toàn hệ thống	Bộ	1
211	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ AC	Bộ	2
212	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ DC	Bộ	2
213	Trạm kiểm tra	Bộ	2
214	Trạm lắp ráp	Bộ	2
215	Trạm lưu kho	Bộ	2
216	Trạm sắp xếp (phân loại)	Bộ	2
217	Trạm tháo gắp phôi dùng robot	Bộ	2
218	Trạm vận chuyển	Bộ	2
219	Trạm xử lý	Bộ	2
220	Ampe kềm	Cái	1
221	Cây hút chì	Cái	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
222	Đồng hồ các loại	Cái	35
223	Kềm các loại	Cái	26
224	Khung cưa tay	Cái	1
225	Máy hút bụi 1600W	Cái	1
226	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
227	Tuocnovit	Cây	40
	Phòng Thực tập Vi xử lý		
228	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	79
229	Bộ thí nghiệm VXL kít Z80	Bộ	10
230	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	7
231	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
232	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	5
233	Bảng giao tiếp bằng chữ màu	Cái	2
234	Bảng giao tiếp đèn công suất	Cái	2
235	Bảng giao tiếp đèn giao thông	Cái	2
236	Bảng giao tiếp rolay thời gian	Cái	2
237	Bộ nạp trình vi xử lý kít nạp vi xử lý	Cái	4
238	Bộ thí nghiệm VXL (có nạp chương trình)	Bộ	2
239	Mô hình giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
240	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
241	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	3
242	Mô hình mạch giao tiếp công suất	Cái	3
243	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	2
244	Kít nạp EPROM	Cái	6
245	Kít thực tập vi xử lý	Cái	6
	Phòng SCHNEIDER - Dự án		
246	Hộp điện dân dụng	Bộ	3
247	Hộp điện nối đất	Bộ	3
248	Bộ khởi động động cơ - cơ bản	Bộ	12
249	Máy chiết nước chạy bằng năng lượng mặt trời	Bộ	2
250	Máy năng lượng mặt trời	Bộ	2
251	Máy năng lượng mặt trời không kết nối lưới - cấu trúc quang điện	Bộ	2
252	Bộ khởi động động cơ Tesys	Bộ	4
253	Bộ khởi động	Bộ	4
254	Máy năng lượng mặt trời - cấu trúc quang điện	Bộ	2
255	Hệ thống tự động M241 PLC PACK với màn hình và ổ đĩa	Bộ	1
256	Bảng điều khiển M340 với HDMI STU	Bộ	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
257	Phần nâng hạ	Bộ	1
258	Nâng phần điều khiển bằng TWIDO	Bộ	1
259	Xử lý bề mặt hoạt động	Bộ	1
260	Bộ phận điều khiển bề mặt M340	Bộ	1
261	Thảm nhựa	Cái	200
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 1		
262	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
263	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện một chiều EM-600-DC	Bộ	8
264	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha EM-600-1P	Bộ	8
265	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha EM-600-3P	Bộ	8
266	Đồng hồ MegaOhm dạng số Kyoritsu 3007A	Cái	4
267	Đồng hồ xác định thứ tự pha Kyoritsu 8035	Cái	3
268	Máy phát sóng âm tần Pintek FG-32	Cái	2
269	Osilocope	Cái	4
270	Ampere kềm dạng hiển thị kim (K2608A)	Cái	10
271	Ampere kềm dạng số	Cái	10
272	Đồng hồ đo áp AC 300V	Cái	60
273	Đồng hồ đo áp DC 30V	Cái	60
274	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	62
275	Đồng hồ đo tần số	Cái	2
276	Đồng hồ đo Vom	Cái	44
277	Đồng hồ MegaOhm dạng kim	Cái	5
278	Mạch đo gián tiếp LC	Cái	1
279	Mô hình dàn trải mạch chỉnh lưu	Cái	3
280	Mô hình khởi động sao tam giác	Cái	1
281	Mô hình mạch điều khiển dùng khởi động từ	Cái	12
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 2		
282	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
283	Các thiết bị phụ trợ cho phần nguyên lý CB và biến áp	Bộ	1
284	Thiết bị dòng điện 3 pha TG 1.2	Bộ	1
285	Thiết bị mạch cơ bản, các định luật, thành phần TG1.1	Bộ	1
286	Động cơ AC 1 pha	Bộ	1
287	Động cơ AC 3 pha	Bộ	1
288	Động cơ AC 3 pha 300W gồm: - 1 bộ thiết bị panel thí nghiệm cho máy điện 3 pha -300W - 1 bộ thiết bị máy điện lắc 300W - 1 bộ máy điện 3 pha-300W	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
289	Động cơ DC	Bộ	1
290	Động cơ DC gồm: - 1 bộ máy điện DC quấn dây nối tiếp + 1 bộ thiết bị thí nghiệm cho máy điện DC 300W)	Bộ	1
291	Thiết bị máy điện TG 2	Bộ	1
292	Thiết bị phụ trợ cho thí nghiệm máy điện công nghiệp	Bộ	1
293	Đồng hồ đo điện trở đất dạng kim Kyoritsu 4102A (TL)	Cái	2
294	Đồng hồ đo điện trở đất dạng số Kyoritsu 4105AH (TLan)	Cái	2
295	Đồng hồ đo tốc độ quay động cơ dạng số Kyoritsu 5601	Cái	1
296	Búa nguội	Cái	2
297	Công tơ điện 3 pha 220V	Cái	15
298	Động cơ KĐB 3 đầu ra - 1 pha	Cái	3
299	Đồng hồ cos đa năng 307	Cái	5
300	Kềm bấm đầu cos WF 2C 0.5~2.5	Cái	2
301	Kềm các loại	Cây	18
302	Máy hút bụi - National	Cái	1
303	Mô hình cắt động cơ điện 3 pha (sống)	Cái	4
304	Mô hình cắt máy động cơ 1 pha	Cái	4
305	Mô hình cắt máy động cơ 3 pha (chết)	Cái	3
306	Mô hình cắt máy phát điện 1 pha (chết)	Cái	4
307	Mô hình động cơ điện	Cái	1
308	Bảng thí nghiệm điện	Cái	12
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 1		
309	Đồng hồ đo điện trở đất (kim) 4102	Cái	7
310	Đồng hồ đo điện trở đất các loại	Cái	17
311	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
312	Hệ thống truyền động động cơ KĐB 3 pha	Bộ	2
313	Hệ thống truyền động động cơ DC	Bộ	2
314	Hệ thống truyền động máy phát xoay chiều	Bộ	2
315	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
316	Búa sắt dạng trung	Cái	15
317	Đồng hồ ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
318	Đồng hồ đo hệ số công suất OS	Cái	2
319	Đồng hồ đo Vom (kim) Sanwa 360	Cái	30
320	Kềm các loại	Cái	194
321	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	1
322	Máy nổ Honda	Cái	1
323	Thùng đựng đồ nghề	Cái	3
324	Tuocnovit	Cái	165

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
325	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
326	**Phòng Thực tập Điện cơ bản 2**		
327	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	9
328	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
329	Ampere kềm	Cái	2
330	Búa sắt dạng trung	Cái	5
331	Đồng hồ các loại	Cái	18
332	Kềm các loại	Cái	64
333	Thang nhôm	Cái	5
334	Thùng đựng đồ nghề	Cái	1
335	Tuocnovit các loại	Cái	66
336	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 1		
337	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	1
338	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	1
339	Bộ xác định thứ tự	Cái	1
340	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	5
341	Tay máy	Cái	2
342	Tay máy ngành điện tử	Cái	1
343	Bàn nguội	Cái	1
344	Bàn quấn dây hiển thị số	Cái	10
345	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
346	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	4
347	Búa (CL) (búa sắt)	Cái	6
348	Búa cao su	Cái	30
349	Cảo bạc đạn	Cái	2
350	Cle 8-22	Bộ	4
351	Động cơ 3 pha - 1.5KW	Cái	12
352	Động cơ điện 3 pha	Cái	23
353	Động cơ không đồng bộ 1 pha	Cái	10
354	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
355	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
356	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	1
357	Đồng hồ VOM 360	Cái	6
358	Etô khoan bàn	Cái	1
359	Kềm	Cái	18
360	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
361	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
362	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	4
363	Panme	Cái	5
364	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
365	Tuocnovit	Cái	22
366	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
367	Tay máy	Cái	1
368	Tay máy robot (dùng khí nén RBO-1)	Cái	1
369	Máy quấn dây	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 2		
370	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	2
371	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	2
372	Đồng hồ đo Megaohm (kim) 3005 Kyoritsu	Cái	5
373	Bàn nguội	Cái	4
374	Bàn quấn dây hiện số	Cái	30
375	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
376	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	6
377	Búa cao su	Cái	35
378	Búa sắt dạng trung	Cái	7
379	Cảo 3 chấu	Cái	3
380	Cle (CL)	Cái	5
381	Cle 8-22	Bộ	6
382	Động cơ 1 pha 1/2HP	Cái	30
383	Động cơ DC (CL)	Cái	10
384	Động cơ điện 1 pha	Cái	10
385	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
386	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
387	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	3
388	Đồng hồ VOM 360	Cái	5
389	Etô khoan bàn	Cái	1
390	Kềm các loại	Cái	26
391	Kéo cắt điện cầm tay	Cái	1
392	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
393	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
394	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
395	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	6
396	Panme	Cái	8
397	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
398	Tuocnovit (CL)	Cái	22

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
399	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
	Phòng Scada 1		
400	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
401	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
402	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
403	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
404	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
405	Cáp CC-Link, MELSECNET + RJ45 HUB Switch	Bộ	1
406	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
407	Máy chiếu overhead Visual - ART	Cái	1
408	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	3
409	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
410	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
411	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
412	Ampe kềm	Cái	1
413	Bộ hàn chíp	Bộ	1
414	Cây hút chì	Cây	10
415	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
416	Đồng hồ VOM	Cái	27
417	Kềm các loại	Cái	29
418	Khung cưa tay	Cái	1
419	Màn hình cảm biến	Cái	2
420	Máy khoan bàn	Cái	1
421	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
422	Máy mài tay Bosch	Cái	1
423	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	2
424	Máy phát tần số	Cái	1
425	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	35
426	Nhíp lớn	Cái	8
427	Panme điện tử	Cái	1
428	Súng hút chì	Cây	10
429	Thước cặp	Cái	1
430	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
431	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
432	Tuocnovit	Cái	40
	Phòng Scada 2		
433	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
434	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
435	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
436	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
437	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
438	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
439	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
440	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
441	Mô hình đóng nắp hộp tự động (mã số T2010-N13)	Bộ	1
442	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
443	Mô hình phân loại sản phẩm bằng tay gắp 09T-TN03	Bộ	1
444	Phần mềm MCWorks 64 Mitsubishi SW1DND-MCWDV-ET500	PM	1
445	Phần mềm GXWorks và GTWorks Mitsubishi SW4D5C-QSET-E Mitsubishi SW2D5C-GTWK2-E	PM	1
446	Ampe kềm	Cái	1
447	Bộ Cle	Cái	1
448	Bộ khóa lục giác	Cái	1
449	Bộ thí nghiệm cảm biến (CB quang + tiệm cận)	Bộ	1
450	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	10
451	Cây hút chì	Cây	8
452	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
453	Đồng hồ VOM hiện số	Cái	18
454	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	1
455	Kềm các loại	Cây	25
456	Khung cưa tay	Cái	1
457	Màn hình cảm biến	Cái	1
458	Máy khoan Proskit - PK	Bộ	1
459	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	3
460	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
461	Nhíp lớn	Cái	8
462	Súng hút chì	Cây	10
463	Thước cặp	Cái	2
464	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
465	Tuocnovit	Cái	40
466	Máy quấn dây CPH-OSMIT	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 1		
467	Bộ thí nghiệm động cơ servo	Bộ	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
468	Dao động ký (Ocsillscope)	Cái	1
469	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
470	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	5
471	Mô hình bến đậu xe	Bộ	1
472	Ổn áp 110A -10KVA 3 pha-380V	Cái	1
473	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	1
474	Máy giặt cơ	Cái	1
475	Máy khò IC	Cái	2
476	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	2
477	Tủ điện sơn tĩnh điện (1000x800x250) dày 1.5mm	Cái	5
478	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
479	Ocsilloscope Pintex-PS200-20MGz	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 2		
480	Bộ nguồn 1 pha sử dụng năng lượng mặt trời T2010- TN10	Bộ	1
481	Bộ thí nghiệm điều khiển động cơ servơ	Bộ	1
482	Bộ thí nghiệm được điều khiển từ xa dùng sóng hồng ngoại	Bộ	1
483	Máy tiện CNC loại để bàn Concepr Turn - hãng EMCO CT55	Bộ	1
484	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	12
485	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	2
486	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	1
487	Tủ điều khiển máy tiện CNC (Mã số ĐT 2015 - TN01)	Cái	1
488	Ampli Belco - BA501 + cặp loa Polocko 99 220V	Cái	1
489	Bảng quang báo sử dụng 9822	Cái	1
490	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	2
491	Cle 8-22	Bộ	1
492	Kềm các loại	Cái	12
493	Khoan bàn 8T	Cái	1
494	Khoan tay Bosch - GSB 10RE (Malaysia)	Cái	1
495	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
496	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
497	Mô hình cánh tay hoạt động được AMR-5RC + chương trình AMR- 5RC và tài liệu	Bộ	1
498	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
499	Tivi màu Sony 25" XA-25 M80A	Cái	1
500	Tuocnovit pake	Cái	18
501	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
	Phòng thực tập điện tử công suất 1		
502	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
503	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
504	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
505	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	5
506	Tủ động lực dùng kết nối phần công suất cho PLC và VĐK	Tủ	2
507	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC, VĐK	Cái	4
508	Ampe kềm	Cái	1
509	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	1
510	Bảng thí nghiệm L	Cái	8
511	Bảng thí nghiệm OP-TO	Cái	5
512	Bảng thí nghiệm R	Cái	8
513	Bảng thí nghiệm SCR	Cái	8
514	Bảng thí nghiệm Transitor	Cái	5
515	Bảng thí nghiệm Triac	Cái	12
516	Biến tần OMRON	Cái	4
517	Bình accu 60A	Cái	1
518	Bộ khóa cửa (mã số điện tử)	Bộ	1
519	Bộ mã hóa xung vòng quay E6A2	Bộ	5
520	Bộ thí nghiệm Inverter	Bộ	10
521	Cây hút chì	Cái	7
522	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
523	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	4
524	Đồng hồ VOM	Cái	23
525	Kềm các loại	Cái	30
526	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	2
527	Khung cưa tay	Cái	1
528	Máy phát tần số	Cái	1
529	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
530	Môtơ 2 tốc độ - 1HP	Cái	1
531	Môtơ 3 pha - 1HP	Cái	1
532	Môtơ giảm tốc 1.5HP	Cái	1
533	Nhíp lớn	Cái	8
534	Ocsilloscope PS251	Cái	2
535	Tivi màu 5"	Cái	1
536	Tuocnovit	Cái	44
537	Tủ điện điều khiển biến tần	Cái	3
538	Tủ điện tử CN	Cái	6
	Phòng thực tập điện tử công suất 2		
539	Bài tập điện tử công suất	Bộ	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
540	Bài tập máy điện 3 pha	Bộ	1
541	Bộ bài tập điện, điện tử phòng multimedia gồm: 1) 17 Vali bài KT điện 1: Công nghệ DC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 2) 17 Vali bài KT điện 2: Công nghệ AC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 3) 17 Vali bài KT điện tử 1: Các thành phần bán dẫn (Mỗi vali có 3 bo + 1	Bộ	1
542	Bộ giao tiếp phòng Multimedia gồm (dùng cho 17 bộ): 1) 17 bộ giao tiếp. Linh kiện kèm theo: + 17 đĩa CD cài đặt + 17 bộ cáp máy tính (hoặc giao tiếp) + 17 bộ nguồn + 17 dây nguồn + Tài liệu 2) 34 bộ thí nghiệm 3) 17 bộ dây nối 2mm 4) 170 dây n	Bộ	17
543	Bộ thí nghiệm điện tử công suất	Bộ	1
544	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	2
545	Bộ thí nghiệm VXL 8952	Bộ	13
546	HDD server 36GB	Cái	1
547	Hệ thống mạng gồm:- Lan card compex 10/100base + Switch 10/100 16 port + AMP pathpenel 24 port + Boot rom + Connector RJ43 + Boot colour + Route ISDN 10/100 MPS RJ45 + 19" wall mounted rack	Ht	1
548	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
549	Máy vi tính IBM - Series 225 server 8647-3AX	Bộ	1
550	Microsoft - windows 2003 server advance(License)	Bộ	1
551	Nguồn mở rộng Unitrain	Bộ	5
552	Tủ điện - ĐTCN (Tủ TT. Điện tử CN)	Cái	2
553	Tủ điện động lực - Điện CN	Cái	2
554	Tủ thực tập điện tử công nghiệp	Bộ	2
555	Bộ điều khiển động cơ servơ R7D-AP	Bộ	5
556	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8951(kít thí nghiệm)	Cái	2
557	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8952	Bộ	5
558	HDD (máy con) 40GB	Cái	2
559	Headphone Nansin NS-880MV	Cái	15
560	Headphone Somic SM-880	Cái	17
561	Thí nghiệm vi điều khiển gồm: - Vali cách điện mạch 8051 + Dây nguồn.	Bộ	2
562	Tủ điện tử CN	Cái	4
	Phòng thực tập trang bị điện 1		
563	Động cơ không đồng bộ 3 pha, điện áp 380/660V, 1.5 HP, 1.450v/p	Cái	8
564	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2 cấp tốc độ Δ/YY, 1.5 HP, tốc độ thấp: 1500v/p, tốc độ cao: 3000v/p	Cái	8

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
565	Mô hình mạch máy khoan	Bộ	1
566	Mô hình mạch máy mài	Bộ	1
567	Mô hình mạch máy phay	Bộ	1
568	Tủ mạch điện máy tiện 1.6E20	Bộ	1
569	Ampere kềm	Cái	2
570	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
571	Bầu khoan máy	Cái	2
572	Chân tủ điện	Cái	5
573	Động cơ 3pha 1/2HP 36 rãnh	Cái	30
574	Đồng hồ đo cos	Cái	2
575	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	2
576	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	34
577	Đồng hồ đo MΩ	Cái	2
578	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	1
579	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	2
580	Kềm các loại	Cái	10
581	Máy mài cầm tay	Cái	2
582	Mô hình tủ điện điều khiển	Cái	12
583	Mỏ lết cỡ trung 12"	Cái	3
584	Môtơ 1.5HP, 3 pha	Cái	10
585	Panme	Cái	1
586	Tủ điện + bàn (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
587	Tuocnovit	Cây	126
	Phòng thực tập trang bị điện 2		
588	Tủ sắt 860 x 660 x 200 dày 1.5mm	Cái	5
589	Tủ điện điều khiển (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
590	Tủ trang bị điện	Cái	10
	Phòng Thực tập Mạch điện tử 1		
591	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
592	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
593	Ampe kềm	Cái	1
594	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
595	Bộ khóa lục giác	Cái	1
596	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	1
597	Cây hút chì	Cái	19
598	Đế gác mỏ hàn	Cái	10
599	Đồng hồ Vom	Cái	69
600	Kềm các loại	Cái	34

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
601	Khoan bàn 8T	Cái	1
602	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
603	Khung cưa tay	Cái	1
604	Kìm dẹp	Cái	15
605	Loa thùng	Cặp	1
606	Mixer	Cái	1
607	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	21
608	Nhíp lớn	Cái	8
609	Panme điện tử	Cái	1
610	Súng hút chì	Cây	1
611	Tivi màu 5"	Cái	2
612	Tivi màu Toshiba 20"	Cái	1
613	Tuocnovit	Cái	75
614	**Phòng Thực tập mạch điện tử 2**		
615	Khoan bàn 8T	Cái	2
616	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
617	Bàn nguội	Cái	1
618	Mô hình rơle thời gian	Bộ	1
619	Mô hình điều khiển chữ 3 màu	Bộ	1
620	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
621	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	1
622	Mô hình mạch giao tiếp đèn	Bộ	2
623	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 17 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 05 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Trần Nam Anh	Kỹ sư Công nghệ KT Điện - Điện tử	SP dạy nghề		TT PLC	2
2.	Cao Văn Tuấn	Thạc sỹ Kỹ thuật Điện	TN ĐHSPKT		TT Tự động hóa quá trình công	2

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
					nghệ	
3.	Lê Xuân Thiện	Đại học Điện - Điện tử	TN ĐHSPKT		Thực tập tốt nghiệp	6
4.	Lê Hồng Anh Tuấn	Đại học Điện - Điện tử	SP dạy nghề		Đồ án học phần 1	1
5.	Nguyễn Cao Thắng	Đại học Điện - Điện tử	SP dạy nghề		KT lắp đặt điện	2

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
1.	Đặng Dương Huy	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Vi xử lý	
2.	Hồ Đăng Khoa	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Điện tử công nghiệp	
3.	Lê Trọng Tính	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Cung cấp điện	
4.	Nguyễn Ngọc Năng	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT máy điện	
5.	Lăng Văn Minh	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		An toàn điện	
6.	Phan Văn Thanh	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Cung cấp điện	
7.	Võ Đăng Hoàng	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT máy điện	
8.	Lê Trí Khanh	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Điện tử tương tự	
9.	Hoàng Văn Lượng	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Trang bị điện	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
10.	Nguyễn Hữu Hùng	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Điện tử tương tự	
11.	Lê Thanh Quân	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Đo lường và cảm biến	
12.	Nguyễn Võ Trường Thanh	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Kỹ thuật số	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XVIII.Ngành, nghề:

Trình độ đào tạo Cao đẳng: **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA**

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 120 sinh viên

Trình độ đào tạo Trung cấp: **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG**

– Trung cấp: 20 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 15 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
I	**KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**		
	Phòng Thực tập PLC1		
1	Bộ điều khiển khả trình PLC	Bộ	2
2	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	6
3	Bộ thí nghiệm kỹ thuật số	Bộ	60
4	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	5
5	Bộ thí nghiệm vi điều khiển	Bộ	2
6	Đồng hồ đo MΩ	Cái	1
7	Đồng hồ VOM kim	Cái	2
8	Màn hình cảm ứng	Bộ	1
9	Máy khoan Makita	Cái	1
10	Máy vi tính P4 -3.2GHz	Bộ	2
11	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC và VĐK	Bộ	1
	Phòng Thực tập PLC2		
12	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	34
13	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
14	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
15	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
16	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	7
17	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
18	Tủ điều khiển hệ thống xử lý nước thải T2010-N11	Cái	1
19	Cây hút chì	Cái	10
20	Động cơ các loại	Cái	2
21	Đồng hồ các loại	Cái	11
22	Kềm các loại	Cái	18
23	Loa thùng	Cặp	1
24	Màn hình LCD Compad 18.5"	Cái	1
25	Máy khoan bàn	Cái	1
26	Mixer	Cái	1
27	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	10
28	Nhíp các loại	Cái	8
29	Tuocnovit pake	Cây	40
	Phòng thực tập Điện tử viễn thông		
30	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	7

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
31	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	12
32	Bộ thí nghiệm tổng đài LG 102 (Korea)	Cái	2
33	Đồng hồ vạn năng hiển thị số, tần số 10MHz- Model: LM 2006	Bộ	1
34	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông ASK, FSK, PSK- Model: SO4204-9L (Đức)	Bộ	1
35	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PAM/PCM - Model: SO4204-9J (Đức)	Bộ	1
36	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PTM - Model: SO4204-9K (Đức)	Bộ	1
37	Dụng cụ biến điệu, giải biến AM/FM - Model: SO4204-9M (Đức)	Bộ	1
38	Dụng cụ đo và kết nối - Model: SO4203-2J (Đức)	Bộ	11
39	Dụng cụ thực hành ăngteng - Model: SO4204-9W (Đức)	Bộ	1
40	Hệ thống mạng	HT	1
41	Khối giao diện UNITRAIN I- Model: SO4203-2A (Đức)	Bộ	11
42	Khối mô đun kết nối - Model: SO4203-2B (Đức)	Bộ	22
43	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	2
44	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	5
45	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	6
46	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	3
47	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
48	Mô đun thí nghiệm - Model: SO4204-9D (Đức)	Bộ	1
49	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp 4 sợi- Model: SO4204-9F (Đức)	Bộ	1
50	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp quang học - Model: SO4204-9E (Đức)	Bộ	1
51	Mô đun thực hành thí nghiệm truyền thông - Model: SO4204-9A (Đức)	Bộ	1
52	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	2
53	Mô hình lựa chọn sản phẩm theo kích thước	Bộ	6
54	Xử lý mạch thu AM và cao tần HF, xử lý mạch khuếch đại AM IF, LF - Model: SO4204-9N (Đức)	Bộ	1
55	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	10
56	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	3
57	Ampe kềm	Cái	2
58	Ampli 1000W	Cái	1
59	Bảng nhôm thực tập	Cái	5
60	Bộ Cle	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
61	Bộ khóa lục giác	Cái	2
62	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	4
63	Bộ nạp accu 20A	Cái	1
64	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
65	Cây hút chì	Cái	15
66	Đế gác mỏ hàn	Cái	13
67	Động cơ các loại	Cái	2
68	Đồng hồ các loại	Cái	71
69	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	2
70	Kềm các loại	Cái	88
71	Khoan bàn	Cái	3
72	Khoan cầm tay Bosch	Cái	1
73	Khung cưa tay	Cái	2
74	Kìm dẹp	Cái	15
75	Loa 1000W	Cặp	2
76	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
77	Máy nén khí	Cái	4
78	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	70
79	Nhíp	Cái	30
80	Súng hút chì	Cây	5
81	Switch 8 port 10/100Mbhz	Cái	1
82	Thiết bị đo 10:1/1:1 - Model: LM 9036	Bộ	2
83	Thước cặp	Cái	7
84	Tuocnovit	Cái	79
85	Thực tập khí nén	Cái	2
	Phòng thí nghiệm máy điện		
86	Bộ chuyển đổi nguồn điện tự động ATS	Bộ	2
87	Mô hình tủ bù đa cấp cho lưới phân phối hạ thế - Mã số 09T - TN21	Cái	1
88	Tủ cung cấp có BV	Cái	2
89	Tủ điện dùng để thực tập cung cấp điện	Bộ	3
90	Tủ thực tập cung cấp điện	Tủ	1
91	Tay máy	Cái	1
	Phòng Thực tập điện khí nén		
92	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	3
93	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	11
94	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
95	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
96	Máy đèn chiếu xách tay AZZA HM - 26F (Malaysia) + màn hình hộp Dalite 64"x48"(USA)	Bộ	1
97	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	1
98	Đồng hồ đo điện trở đất (số) Kyoritsu 4105	Cái	1
99	Ampere kềm dạng kim 2608 Kyoritsu	Cái	1
100	Bảng nhôm 800x860	Cái	8
101	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
102	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
103	Đồng hồ đo Vom dạng kim 360 Sanwa	Cái	1
104	Máy nén khí	Cái	5
	Phòng Thực tập Điện tử máy tính		
105	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	27
106	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	10
107	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
108	Hệ thống mạng: 1 cái switch 16 ports base 10/100/1000	Ht	1
109	Tivi màu LCD Toshiba 42" - A3000E	Cái	1
110	17 USE (truy cập vào máy chủ - License)(nằm theo máy)	Cái	17
111	Đồng hồ VOM kim	Cái	4
112	Kềm các loại	Cái	29
113	Khung cưa tay	Cái	1
114	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
	Phòng Thực tập điện máy CNC		
115	Hệ thống khí nén: Máy nén khí Puma 3HP + Máy sấy khí Lode star 5HP	Bộ	1
116	Máy cắt sắt Makita	Cái	1
117	Máy lạnh Panasonic 2HP - PC18MKF 2khối	Bộ	1
118	Máy nạp EPROM LABTOOL 148C	Cái	1
119	Máy tiện dạy học có tích hợp bộ mạch điện tìm lỗi, điều khiển bằng hệ Fanuc Oi Mate - hãng MTS	Bộ	1
120	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	8
121	Mô hình máy phay CNC	Cái	1
122	Ổn áp 30KVA-380V - Chenshin	Cái	1
123	Bộ chìa khóa 8 - 24 mm	Cây	9
124	Bộ cle vòng miệng (8 - 24)	Cây	28
125	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
126	Đồng hồ đo Vom dạng số CD800 Sanwa	Cái	1
127	Đồng hồ so cấp chính xác 1/1000 Mitutoyo	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
128	HDD Box 525	Cái	1
129	Khoan bàn 8T	Cái	1
130	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	4
131	Lục giác (hệ MT) King Tony	Bộ	2
132	Máy hàn điện 220V/200A	Cái	1
133	Máy hút bụi National MC4960-1500W/220V	Cái	1
134	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
135	Máy mài cầm tay	Cái	1
136	PLC Lugo 250RE	Cái	1
137	Thước cặp điện tử 1.5T	Cái	2
138	Bộ điều khiển động cơ bằng điện tử PE482A	Cái	1
139	Bộ điều khiển động cơ DC bằng điện trở Shunt PE482B	Cái	1
	Phòng Thực tập đo lường cảm biến		
140	Bộ thí nghiệm cảm biến	Bộ	9
141	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	2
142	Bộ thí nghiệm VĐK 8952	Bộ	1
143	Hệ thống nguồn ALU 110. Gồm:	Bộ	
144	- Khối nguồn xoay chiều AC ST 7005-2C-V		17
145	- Khối panel chống rỗng ST 7005- 4T -V	Bộ	34
146	- Ổ cắm lấy nguồn ra ST 7005- 2G- V	Bộ	17
147	- Tấm ALU 990mm ST 7005- cover	Bộ	17
148	Hệ thống mạng (8 máy)	Ht	1
149	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
150	Máy chiếu overhead Sunheamg + màn hình treo 70"	Bộ	1
151	Ampe kềm	Cái	2
152	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	8
153	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	2
154	Bộ điều khiển tốc độ vô cấp	Bộ	1
155	Bộ hàn chíp	Bộ	1
156	Bộ khóa lục giác	Cái	1
157	Bộ kiểm tra mức OMRON (cảm biến từ)	Cái	2
158	Bộ kiểm tra mức OMRON (kiểm tra nhiệt độ)	Cái	2
159	Bộ kiểm tra OMRON 61F -G2	Cái	2
160	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	4
161	Cảm biến nhiệt độ OMRON	Cái	2
162	Cảm biến nhiệt độ OMRON 61F	Cái	2
163	Cảm biến nhiệt độ OMRON E52 MY-PTC	Cái	2
164	Cảm biến OMRON NY-PTC (MY - PTC)	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
165	Cây hút chì	Cây	10
166	Đầu đĩa AR 36G	Cái	1
167	Đầu DVD SONY	Cái	4
168	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
169	Digital multimetter EDM4760 (Korea)	Cái	1
170	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
171	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	1
172	Đồng hồ các loại	Cái	63
173	Giá treo tivi	Cái	1
174	Kềm các loại	Cái	26
175	Khoan bàn 8T	Cái	1
176	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
177	Kít nạp EPROM	Cái	2
178	Kít thực tập vi xử lý	Cái	2
179	Loa thùng	Cặp	3
180	Màn hình cảm biến	Cái	2
181	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
182	Máy mài tay Bosch	Cái	1
183	Máy phát sóng âm tần AG-2601A	Cái	1
184	Máy phát sóng RF SG-4160B	Cái	1
185	Máy phát tần số	Cái	1
186	Mixer	Cái	1
187	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	61
188	Nhíp lớn	Cái	15
189	Ocsilloscope PS251	Cái	2
190	Panme điện tử	Cái	1
191	Súng hút chì	Cây	10
192	Tivi màu 5"	Cái	2
193	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
194	Tuocnovit	Cái	87
	Phòng thực tập kỹ thuật xung số		
195	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	15
196	Thí nghiệm PLC OMRON -C200	Bộ	4
197	Simantic S7-300 gồm: - Trappic + PC Adaptor + Step 7V51 sofware + Manual S7-300 + Manual 312 IFM, 314 IFM + Documentation package step 7 + Máy vi tính Tudel PIII	Bộ	1
198	Tủ điều khiển	Cái	5
199	Tủ điện PLC	Cái	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng thực tập tự động hóa		
200	Bàn lắp đặt hệ thống (ST 7200 -3T)	Bộ	5
201	Bộ nguồn 3pha cho hệ thống Unitrain -I (SO4203 -2D)	Bộ	7
202	Các ống dẫn và bộ phụ kiện cho hệ cơ điện tử (LM9670)	Bộ	1
203	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
204	Máy nén khí chống ồn dưới 45db(SE2902 -9L)	Bộ	1
205	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	5
206	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
207	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	10
208	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	1
209	Mô hình Inverter T2010-TN12	Bộ	1
210	Phụ kiện cho toàn hệ thống	Bộ	1
211	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ AC	Bộ	2
212	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ DC	Bộ	2
213	Trạm kiểm tra	Bộ	2
214	Trạm lắp ráp	Bộ	2
215	Trạm lưu kho	Bộ	2
216	Trạm sắp xếp (phân loại)	Bộ	2
217	Trạm tháo gắp phôi dùng robot	Bộ	2
218	Trạm vận chuyển	Bộ	2
219	Trạm xử lý	Bộ	2
220	Ampe kềm	Cái	1
221	Cây hút chì	Cái	10
222	Đồng hồ các loại	Cái	35
223	Kềm các loại	Cái	26
224	Khung cưa tay	Cái	1
225	Máy hút bụi 1600W	Cái	1
226	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
227	Tuocnovit	Cây	40
	Phòng Thực tập Vi xử lý		
228	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	79
229	Bộ thí nghiệm VXL kít Z80	Bộ	10
230	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	7
231	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
232	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	5
233	Bảng giao tiếp bằng chữ màu	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
234	Bảng giao tiếp đèn công suất	Cái	2
235	Bảng giao tiếp đèn giao thông	Cái	2
236	Bảng giao tiếp rolay thời gian	Cái	2
237	Bộ nạp trình vi xử lý kít nạp vi xử lý	Cái	4
238	Bộ thí nghiệm VXL (có nạp chương trình)	Bộ	2
239	Mô hình giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
240	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
241	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	3
242	Mô hình mạch giao tiếp công suất	Cái	3
243	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	2
244	Kít nạp EPROM	Cái	6
245	Kít thực tập vi xử lý	Cái	6
	Phòng SCHNEIDER - Dự án		
246	Hộp điện dân dụng	Bộ	3
247	Hộp điện nối đất	Bộ	3
248	Bộ khởi động động cơ - cơ bản	Bộ	12
249	Máy chiết nước chạy bằng năng lượng mặt trời	Bộ	2
250	Máy năng lượng mặt trời	Bộ	2
251	Máy năng lượng mặt trời không kết nối lưới - cấu trúc quang điện	Bộ	2
252	Bộ khởi động động cơ Tesys	Bộ	4
253	Bộ khởi động	Bộ	4
254	Máy năng lượng mặt trời - cấu trúc quang điện	Bộ	2
255	Hệ thống tự động M241 PLC PACK với màn hình và ổ đĩa	Bộ	1
256	Bảng điều khiển M340 với HDMI STU	Bộ	2
257	Phần nâng hạ	Bộ	1
258	Nâng phần điều khiển bằng TWIDO	Bộ	1
259	Xử lý bề mặt hoạt động	Bộ	1
260	Bộ phận điều khiển bề mặt M340	Bộ	1
261	Thảm nhựa	Cái	200
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 1		
262	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
263	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện một chiều EM-600-DC	Bộ	8
264	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha EM-600-1P	Bộ	8
265	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha EM-600-3P	Bộ	8
266	Đồng hồ MegaOhm dạng số Kyoritsu 3007A	Cái	4
267	Đồng hồ xác định thứ tự pha Kyoritsu 8035	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
268	Máy phát sóng âm tần Pintek FG-32	Cái	2
269	Osilocope	Cái	4
270	Ampere kềm dạng hiển thị kim (K2608A)	Cái	10
271	Ampere kềm dạng số	Cái	10
272	Đồng hồ đo áp AC 300V	Cái	60
273	Đồng hồ đo áp DC 30V	Cái	60
274	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	62
275	Đồng hồ đo tần số	Cái	2
276	Đồng hồ đo Vom	Cái	44
277	Đồng hồ MegaOhm dạng kim	Cái	5
278	Mạch đo gián tiếp LC	Cái	1
279	Mô hình dàn trải mạch chỉnh lưu	Cái	3
280	Mô hình khởi động sao tam giác	Cái	1
281	Mô hình mạch điều khiển dùng khởi động từ	Cái	12
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 2		
282	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
283	Các thiết bị phụ trợ cho phần nguyên lý CB và biến áp	Bộ	1
284	Thiết bị dòng điện 3 pha TG 1.2	Bộ	1
285	Thiết bị mạch cơ bản, các định luật, thành phần TG1.1	Bộ	1
286	Động cơ AC 1 pha	Bộ	1
287	Động cơ AC 3 pha	Bộ	1
288	Động cơ AC 3 pha 300W gồm: - 1 bộ thiết bị panel thí nghiệm cho máy điện 3 pha -300W - 1 bộ thiết bị máy điện lắc 300W - 1 bộ máy điện 3 pha-300W	Bộ	1
289	Động cơ DC	Bộ	1
290	Động cơ DC gồm: - 1 bộ máy điện DC quấn dây nối tiếp + 1 bộ thiết bị thí nghiệm cho máy điện DC 300W)	Bộ	1
291	Thiết bị máy điện TG 2	Bộ	1
292	Thiết bị phụ trợ cho thí nghiệm máy điện công nghiệp	Bộ	1
293	Đồng hồ đo điện trở đất dạng kim Kyoritsu 4102A (TL)	Cái	2
294	Đồng hồ đo điện trở đất dạng số Kyoritsu 4105AH (TLan)	Cái	2
295	Đồng hồ đo tốc độ quay động cơ dạng số Kyoritsu 5601	Cái	1
296	Búa nguội	Cái	2
297	Công tơ điện 3 pha 220V	Cái	15
298	Động cơ KĐB 3 đầu ra - 1 pha	Cái	3
299	Đồng hồ cos đa năng 307	Cái	5
300	Kềm bấm đầu cos WF 2C 0.5~2.5	Cái	2
301	Kềm các loại	Cây	18

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
302	Máy hút bụi - National	Cái	1
303	Mô hình cắt động cơ điện 3 pha (sống)	Cái	4
304	Mô hình cắt máy động cơ 1 pha	Cái	4
305	Mô hình cắt máy động cơ 3 pha (chết)	Cái	3
306	Mô hình cắt máy phát điện 1 pha (chết)	Cái	4
307	Mô hình động cơ điện	Cái	1
308	Bảng thí nghiệm điện	Cái	12
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 1		
309	Đồng hồ đo điện trở đất (kim) 4102	Cái	7
310	Đồng hồ đo điện trở đất các loại	Cái	17
311	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
312	Hệ thống truyền động động cơ KĐB 3 pha	Bộ	2
313	Hệ thống truyền động động cơ DC	Bộ	2
314	Hệ thống truyền động máy phát xoay chiều	Bộ	2
315	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
316	Búa sắt dạng trung	Cái	15
317	Đồng hồ ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
318	Đồng hồ đo hệ số công suất OS	Cái	2
319	Đồng hồ đo Vom (kim) Sanwa 360	Cái	30
320	Kềm các loại	Cái	194
321	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	1
322	Máy nổ Honda	Cái	1
323	Thùng đựng đồ nghề	Cái	3
324	Tuocnovit	Cái	165
325	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
326	**Phòng Thực tập Điện cơ bản 2**		
327	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	9
328	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
329	Ampere kềm	Cái	2
330	Búa sắt dạng trung	Cái	5
331	Đồng hồ các loại	Cái	18
332	Kềm các loại	Cái	64
333	Thang nhôm	Cái	5
334	Thùng đựng đồ nghề	Cái	1
335	Tuocnovit các loại	Cái	66
336	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 1		
337	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
338	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	1
339	Bộ xác định thứ tự	Cái	1
340	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	5
341	Tay máy	Cái	2
342	Tay máy ngành điện tử	Cái	1
343	Bàn nguội	Cái	1
344	Bàn quấn dây hiển thị số	Cái	10
345	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
346	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	4
347	Búa (CL) (búa sắt)	Cái	6
348	Búa cao su	Cái	30
349	Cảo bạc đạn	Cái	2
350	Cle 8-22	Bộ	4
351	Động cơ 3 pha - 1.5KW	Cái	12
352	Động cơ điện 3 pha	Cái	23
353	Động cơ không đồng bộ 1 pha	Cái	10
354	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
355	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
356	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	1
357	Đồng hồ VOM 360	Cái	6
358	Etô khoan bàn	Cái	1
359	Kềm	Cái	18
360	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
361	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
362	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	4
363	Panme	Cái	5
364	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
365	Tuocnovit	Cái	22
366	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
367	Tay máy	Cái	1
368	Tay máy robot (dùng khí nén RBO-1)	Cái	1
369	Máy quấn dây	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 2		
370	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	2
371	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	2
372	Đồng hồ đo Megaohm (kim) 3005 Kyoritsu	Cái	5
373	Bàn nguội	Cái	4
374	Bàn quấn dây hiện số	Cái	30

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
375	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
376	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	6
377	Búa cao su	Cái	35
378	Búa sắt dạng trung	Cái	7
379	Cảo 3 chấu	Cái	3
380	Cle (CL)	Cái	5
381	Cle 8-22	Bộ	6
382	Động cơ 1 pha 1/2HP	Cái	30
383	Động cơ DC (CL)	Cái	10
384	Động cơ điện 1 pha	Cái	10
385	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
386	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
387	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	3
388	Đồng hồ VOM 360	Cái	5
389	Etô khoan bàn	Cái	1
390	Kềm các loại	Cái	26
391	Kéo cắt điện cầm tay	Cái	1
392	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
393	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
394	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
395	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	6
396	Panme	Cái	8
397	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
398	Tuocnovit (CL)	Cái	22
399	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
	Phòng Scada 1		
400	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
401	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
402	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
403	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
404	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
405	Cáp CC-Link, MELSECNET + RJ45 HUB Switch	Bộ	1
406	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
407	Máy chiếu overhead Visual - ART	Cái	1
408	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	3
409	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
410	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
411	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
412	Ampe kềm	Cái	1
413	Bộ hàn chíp	Bộ	1
414	Cây hút chì	Cây	10
415	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
416	Đồng hồ VOM	Cái	27
417	Kềm các loại	Cái	29
418	Khung cưa tay	Cái	1
419	Màn hình cảm biến	Cái	2
420	Máy khoan bàn	Cái	1
421	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
422	Máy mài tay Bosch	Cái	1
423	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	2
424	Máy phát tần số	Cái	1
425	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	35
426	Nhíp lớn	Cái	8
427	Panme điện tử	Cái	1
428	Súng hút chì	Cây	10
429	Thước cặp	Cái	1
430	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
431	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
432	Tuocnovit	Cái	40
	Phòng Scada 2		
433	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
434	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
435	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
436	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
437	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
438	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
439	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
440	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
441	Mô hình đóng nắp hộp tự động (mã số T2010-N13)	Bộ	1
442	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
443	Mô hình phân loại sản phẩm bằng tay gắp 09T-TN03	Bộ	1
444	Phần mềm MCWorks 64 Mitsubishi SW1DND-MCWDV-ET500	PM	1
445	Phần mềm GXWorks và GTWorks Mitsubishi SW4D5C-	PM	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	QSET-E Mitsubishi SW2D5C-GTWK2-E		
446	Ampe kềm	Cái	1
447	Bộ Cle	Cái	1
448	Bộ khóa lục giác	Cái	1
449	Bộ thí nghiệm cảm biến (CB quang + tiệm cận)	Bộ	1
450	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	10
451	Cây hút chì	Cây	8
452	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
453	Đồng hồ VOM hiện số	Cái	18
454	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	1
455	Kềm các loại	Cây	25
456	Khung cưa tay	Cái	1
457	Màn hình cảm biến	Cái	1
458	Máy khoan Proskit - PK	Bộ	1
459	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	3
460	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
461	Nhíp lớn	Cái	8
462	Súng hút chì	Cây	10
463	Thước cặp	Cái	2
464	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
465	Tuocnovit	Cái	40
466	Máy quấn dây CPH-OSMIT	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 1		
467	Bộ thí nghiệm động cơ servo	Bộ	2
468	Dao động ký (Ocsillscope)	Cái	1
469	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
470	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	5
471	Mô hình bến đậu xe	Bộ	1
472	Ổn áp 110A -10KVA 3 pha-380V	Cái	1
473	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	1
474	Máy giặt cơ	Cái	1
475	Máy khò IC	Cái	2
476	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	2
477	Tủ điện sơn tĩnh điện (1000x800x250) dày 1.5mm	Cái	5
478	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
479	Ocsilloscope Pintex-PS200-20MGz	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 2		
480	Bộ nguồn 1 pha sử dụng năng lượng mặt trời T2010- TN10	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
481	Bộ thí nghiệm điều khiển động cơ servơ	Bộ	1
482	Bộ thí nghiệm được điều khiển từ xa dùng sóng hồng ngoại	Bộ	1
483	Máy tiện CNC loại để bàn Concepr Turn - hãng EMCO CT55	Bộ	1
484	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	12
485	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	2
486	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	1
487	Tủ điều khiển máy tiện CNC (Mã số ĐT 2015 - TN01)	Cái	1
488	Ampli Belco - BA501 + cặp loa Polocko 99 220V	Cái	1
489	Bảng quang báo sử dụng 9822	Cái	1
490	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	2
491	Cle 8-22	Bộ	1
492	Kềm các loại	Cái	12
493	Khoan bàn 8T	Cái	1
494	Khoan tay Bosch - GSB 10RE (Malaysia)	Cái	1
495	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
496	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
497	Mô hình cánh tay hoạt động được AMR-5RC + chương trình AMR- 5RC và tài liệu	Bộ	1
498	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
499	Tivi màu Sony 25" XA-25 M80A	Cái	1
500	Tuocnovit pake	Cái	18
501	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
	Phòng thực tập điện tử công suất 1		
502	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
503	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
504	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
505	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	5
506	Tủ động lực dùng kết nối phần công suất cho PLC và VĐK	Tủ	2
507	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC, VĐK	Cái	4
508	Ampe kềm	Cái	1
509	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	1
510	Bảng thí nghiệm L	Cái	8
511	Bảng thí nghiệm OP-TO	Cái	5
512	Bảng thí nghiệm R	Cái	8
513	Bảng thí nghiệm SCR	Cái	8
514	Bảng thí nghiệm Transitor	Cái	5
515	Bảng thí nghiệm Triac	Cái	12
516	Biến tần OMRON	Cái	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
517	Bình accu 60A	Cái	1
518	Bộ khóa cửa (mã số điện tử)	Bộ	1
519	Bộ mã hóa xung vòng quay E6A2	Bộ	5
520	Bộ thí nghiệm Inverter	Bộ	10
521	Cây hút chì	Cái	7
522	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
523	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	4
524	Đồng hồ VOM	Cái	23
525	Kềm các loại	Cái	30
526	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	2
527	Khung cưa tay	Cái	1
528	Máy phát tần số	Cái	1
529	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
530	Môtơ 2 tốc độ - 1HP	Cái	1
531	Môtơ 3 pha - 1HP	Cái	1
532	Môtơ giảm tốc 1.5HP	Cái	1
533	Nhíp lớn	Cái	8
534	Ocsilloscope PS251	Cái	2
535	Tivi màu 5"	Cái	1
536	Tuocnovit	Cái	44
537	Tủ điện điều khiển biến tần	Cái	3
538	Tủ điện tử CN	Cái	6
	Phòng thực tập điện tử công suất 2		
539	Bài tập điện tử công suất	Bộ	5
540	Bài tập máy điện 3 pha	Bộ	1
541	Bộ bài tập điện, điện tử phòng multimedia gồm: 1) 17 Vali bài KT điện 1: Công nghệ DC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 2) 17 Vali bài KT điện 2: Công nghệ AC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 3) 17 Vali bài KT điện tử 1: Các thành phần bán dẫn (Mỗi vali có 3 bo + 1	Bộ	1
542	Bộ giao tiếp phòng Multimedia gồm (dùng cho 17 bộ): 1) 17 bộ giao tiếp. Linh kiện kèm theo: + 17 đĩa CD cài đặt + 17 bộ cáp máy tính (hoặc giao tiếp) + 17 bộ nguồn + 17 dây nguồn + Tài liệu 2) 34 bộ thí nghiệm 3) 17 bộ dây nối 2mm 4) 170 dây n	Bộ	17
543	Bộ thí nghiệm điện tử công suất	Bộ	1
544	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	2
545	Bộ thí nghiệm VXL 8952	Bộ	13
546	HDD server 36GB	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
547	Hệ thống mạng gồm:- Lan card compex 10/100base + Switch 10/100 16 port + AMP pathpenel 24 port + Boot rom + Connector RJ43 + Boot colour + Route ISDN 10/100 MPS RJ45 + 19" wall mounted rack	Ht	1
548	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
549	Máy vi tính IBM - Series 225 server 8647-3AX	Bộ	1
550	Microsoft - windows 2003 server advance(License)	Bộ	1
551	Nguồn mở rộng Unitrain	Bộ	5
552	Tủ điện - ĐTCN (Tủ TT. Điện tử CN)	Cái	2
553	Tủ điện động lực - Điện CN	Cái	2
554	Tủ thực tập điện tử công nghiệp	Bộ	2
555	Bộ điều khiển động cơ servơ R7D-AP	Bộ	5
556	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8951(kít thí nghiệm)	Cái	2
557	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8952	Bộ	5
558	HDD (máy con) 40GB	Cái	2
559	Headphone Nansin NS-880MV	Cái	15
560	Headphone Somic SM-880	Cái	17
561	Thí nghiệm vi điều khiển gồm: - Vali cách điện mạch 8051 + Dây nguồn.	Bộ	2
562	Tủ điện tử CN	Cái	4
	Phòng thực tập trang bị điện 1		
563	Động cơ không đồng bộ 3 pha, điện áp 380/660V, 1.5 HP, 1.450v/p	Cái	8
564	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2 cấp tốc độ Δ/YY, 1.5 HP, tốc độ thấp: 1500v/p, tốc độ cao: 3000v/p	Cái	8
565	Mô hình mạch máy khoan	Bộ	1
566	Mô hình mạch máy mài	Bộ	1
567	Mô hình mạch máy phay	Bộ	1
568	Tủ mạch điện máy tiện 1.6E20	Bộ	1
569	Ampere kềm	Cái	2
570	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
571	Bầu khoan máy	Cái	2
572	Chân tủ điện	Cái	5
573	Động cơ 3pha 1/2HP 36 rãnh	Cái	30
574	Đồng hồ đo cos	Cái	2
575	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	2
576	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	34
577	Đồng hồ đo MΩ	Cái	2
578	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	1
579	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
580	Kềm các loại	Cái	10
581	Máy mài cầm tay	Cái	2
582	Mô hình tủ điện điều khiển	Cái	12
583	Mỏ lết cỡ trung 12"	Cái	3
584	Môtơ 1.5HP, 3 pha	Cái	10
585	Panme	Cái	1
586	Tủ điện + bàn (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
587	Tuocnovit	Cây	126
	Phòng thực tập trang bị điện 2		
588	Tủ sắt 860 x 660 x 200 dày 1.5mm	Cái	5
589	Tủ điện điều khiển (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
590	Tủ trang bị điện	Cái	10
	Phòng Thực tập Mạch điện tử 1		
591	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
592	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
593	Ampe kềm	Cái	1
594	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
595	Bộ khóa lục giác	Cái	1
596	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	1
597	Cây hút chì	Cái	19
598	Đế gác mỏ hàn	Cái	10
599	Đồng hồ Vom	Cái	69
600	Kềm các loại	Cái	34
601	Khoan bàn 8T	Cái	1
602	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
603	Khung cưa tay	Cái	1
604	Kìm dẹp	Cái	15
605	Loa thùng	Cặp	1
606	Mixer	Cái	1
607	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	21
608	Nhíp lớn	Cái	8
609	Panme điện tử	Cái	1
610	Súng hút chì	Cây	1
611	Tivi màu 5"	Cái	2
612	Tivi màu Toshiba 20"	Cái	1
613	Tuocnovit	Cái	75
614	**Phòng Thực tập mạch điện tử 2**		
615	Khoan bàn 8T	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
616	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
617	Bàn nguội	Cái	1
618	Mô hình rơle thời gian	Bộ	1
619	Mô hình điều khiển chữ 3 màu	Bộ	1
620	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
621	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	1
622	Mô hình mạch giao tiếp đèn	Bộ	2
623	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 13 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 02 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Nguyễn Tiến Việt Dũng	Đại học Kỹ thuật điện và điện tử	SP dạy nghề		TT Điện cơ bản	2
2.	Nguyễn Văn Chiến	Đại học Điện tử viễn thông	SP dạy nghề		TT Trang bị điện	2

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Trần Vĩnh Duy	Kỹ sư Điện khí hóa & cung cấp điện	- TN ĐHSPKT - SP bậc 2		TT Điện cơ bản	
2.	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sỹ Kỹ thuật Điện	- TN ĐHSPKT - NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		TT Kỹ thuật ĐKTĐ	
3.	Nguyễn Quân	Thạc sỹ Kỹ thuật Điện	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		TT PLC	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
4.	Phạm Khắc Vũ Huy	Thạc sỹ Kỹ thuật Điện	- TN ĐHSPKT		TT Vi xử lý	
5.	Dương Minh Huy	Kỹ sư Công nghệ Điện tử	- TN ĐHSPKT		TT Kỹ thuật số	
6.	Nguyễn Viết Hùng	Kỹ sư Công nghệ Điện tử	- TN ĐHSPKT		TT SCADA	
7.	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ sư Công nghệ Điện tử	- TN ĐHSPKT		TT Điện tử cơ bản	
8.	Trần Văn An	Kỹ sư Công nghệ Điện tử	- TN ĐHSPKT		TT Điện tử công nghiệp	
9.	Nguyễn Thị Thủy	Kỹ sư Công nghệ Điện tử	- TN ĐHSPKT		Máy điện	
10.	Lê Ngọc Hùng	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Khí cụ điện	
11.	Lê Hoàng Kim Nhật Thành	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Đồ án học phần 1	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình:

+ Trình độ đào tạo Cao đẳng **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA**

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo Trung cấp **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG**

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XIX. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 100 sinh viên

– Trung cấp: 40 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 15 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
I	**KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**		
	Phòng Thực tập PLC1		
1	Bộ điều khiển khả trình PLC	Bộ	2
2	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	6
3	Bộ thí nghiệm kỹ thuật số	Bộ	60
4	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	5
5	Bộ thí nghiệm vi điều khiển	Bộ	2
6	Đồng hồ đo MΩ	Cái	1
7	Đồng hồ VOM kim	Cái	2
8	Màn hình cảm ứng	Bộ	1
9	Máy khoan Makita	Cái	1
10	Máy vi tính P4 -3.2GHz	Bộ	2
11	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC và VĐK	Bộ	1
	Phòng Thực tập PLC2		
12	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	34
13	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
14	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
15	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
16	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	7
17	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
18	Tủ điều khiển hệ thống xử lý nước thải T2010-N11	Cái	1
19	Cây hút chì	Cái	10
20	Động cơ các loại	Cái	2
21	Đồng hồ các loại	Cái	11

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
22	Kềm các loại	Cái	18
23	Loa thùng	Cặp	1
24	Màn hình LCD Compad 18.5"	Cái	1
25	Máy khoan bàn	Cái	1
26	Mixer	Cái	1
27	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	10
28	Nhíp các loại	Cái	8
29	Tuocnovit pake	Cây	40
	Phòng thực tập Điện tử viễn thông		
30	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	7
31	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	12
32	Bộ thí nghiệm tổng đài LG 102 (Korea)	Cái	2
33	Đồng hồ vạn năng hiển thị số, tần số 10MHz- Model: LM 2006	Bộ	1
34	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông ASK, FSK, PSK- Model: SO4204-9L (Đức)	Bộ	1
35	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PAM/PCM - Model: SO4204-9J (Đức)	Bộ	1
36	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PTM - Model: SO4204-9K (Đức)	Bộ	1
37	Dụng cụ biến điệu, giải biến AM/FM - Model: SO4204-9M (Đức)	Bộ	1
38	Dụng cụ đo và kết nối - Model: SO4203-2J (Đức)	Bộ	11
39	Dụng cụ thực hành ăngteng - Model: SO4204-9W (Đức)	Bộ	1
40	Hệ thống mạng	HT	1
41	Khối giao diện UNITRAIN I- Model: SO4203-2A (Đức)	Bộ	11
42	Khối mô đun kết nối - Model: SO4203-2B (Đức)	Bộ	22
43	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	2
44	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	5
45	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	6
46	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	3
47	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
48	Mô đun thí nghiệm - Model: SO4204-9D (Đức)	Bộ	1
49	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp 4 sợi- Model: SO4204-9F (Đức)	Bộ	1
50	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp quang học - Model: SO4204-9E (Đức)	Bộ	1
51	Mô đun thực hành thí nghiệm truyền thông - Model: SO4204-9A (Đức)	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
52	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	2
53	Mô hình lựa chọn sản phẩm theo kích thước	Bộ	6
54	Xử lý mạch thu AM và cao tần HF, xử lý mạch khuếch đại AM IF, LF - Model: SO4204-9N (Đức)	Bộ	1
55	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	10
56	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	3
57	Ampe kềm	Cái	2
58	Ampli 1000W	Cái	1
59	Bảng nhôm thực tập	Cái	5
60	Bộ Cle	Cái	1
61	Bộ khóa lục giác	Cái	2
62	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	4
63	Bộ nạp accu 20A	Cái	1
64	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
65	Cây hút chì	Cái	15
66	Đế gác mỏ hàn	Cái	13
67	Động cơ các loại	Cái	2
68	Đồng hồ các loại	Cái	71
69	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	2
70	Kềm các loại	Cái	88
71	Khoan bàn	Cái	3
72	Khoan cầm tay Bosch	Cái	1
73	Khung cưa tay	Cái	2
74	Kìm dẹp	Cái	15
75	Loa 1000W	Cặp	2
76	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
77	Máy nén khí	Cái	4
78	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	70
79	Nhíp	Cái	30
80	Súng hút chì	Cây	5
81	Switch 8 port 10/100Mbhz	Cái	1
82	Thiết bị đo 10:1/1:1 - Model: LM 9036	Bộ	2
83	Thước cặp	Cái	7
84	Tuocnovit	Cái	79
85	Thực tập khí nén	Cái	2
	Phòng thí nghiệm máy điện		
86	Bộ chuyển đổi nguồn điện tự động ATS	Bộ	2
87	Mô hình tủ bù đa cấp	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	cho lưới phân phối hạ thế - Mã số 09T - TN21		
88	Tủ cung cấp có BV	Cái	2
89	Tủ điện dùng để thực tập cung cấp điện	Bộ	3
90	Tủ thực tập cung cấp điện	Tủ	1
91	Tay máy	Cái	1
	Phòng Thực tập điện khí nén		
92	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	3
93	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	11
94	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
95	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
96	Máy đèn chiếu xách tay AZZA HM - 26F (Malaysia) + màn hình hộp Dalite 64"x48"(USA)	Bộ	1
97	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	1
98	Đồng hồ đo điện trở đất (số) Kyoritsu 4105	Cái	1
99	Ampere kềm dạng kim 2608 Kyoritsu	Cái	1
100	Bảng nhôm 800x860	Cái	8
101	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
102	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
103	Đồng hồ đo Vom dạng kim 360 Sanwa	Cái	1
104	Máy nén khí	Cái	5
	Phòng Thực tập Điện tử máy tính		
105	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	27
106	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	10
107	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
108	Hệ thống mạng: 1 cái switch 16 ports base 10/100/1000	Ht	1
109	Tivi màu LCD Toshiba 42" - A3000E	Cái	1
110	17 USE (truy cập vào máy chủ - License)(nằm theo máy)	Cái	17
111	Đồng hồ VOM kim	Cái	4
112	Kềm các loại	Cái	29
113	Khung cưa tay	Cái	1
114	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
	Phòng Thực tập điện máy CNC		
115	Hệ thống khí nén: Máy nén khí Puma 3HP + Máy sấy khí Lode star 5HP	Bộ	1
116	Máy cắt sắt Makita	Cái	1
117	Máy lạnh Panasonic 2HP - PC18MKF 2khối	Bộ	1
118	Máy nạp EPROM LABTOOL 148C	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
119	Máy tiện dạy học có tích hợp bộ mạch điện tìm lỗi, điều khiển bằng hệ Fanuc Oi Mate - hãng MTS	Bộ	1
120	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	8
121	Mô hình máy phay CNC	Cái	1
122	Ổn áp 30KVA-380V - Chenshin	Cái	1
123	Bộ chìa khóa 8 - 24 mm	Cây	9
124	Bộ cle vòng miệng (8 - 24)	Cây	28
125	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
126	Đồng hồ đo Vom dạng số CD800 Sanwa	Cái	1
127	Đồng hồ so cấp chính xác 1/1000 Mitutoyo	Cái	1
128	HDD Box 525	Cái	1
129	Khoan bàn 8T	Cái	1
130	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	4
131	Lục giác (hệ MT) King Tony	Bộ	2
132	Máy hàn điện 220V/200A	Cái	1
133	Máy hút bụi National MC4960-1500W/220V	Cái	1
134	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
135	Máy mài cầm tay	Cái	1
136	PLC Lugo 250RE	Cái	1
137	Thước cặp điện tử 1.5T	Cái	2
138	Bộ điều khiển động cơ bằng điện tử PE482A	Cái	1
139	Bộ điều khiển động cơ DC bằng điện trở Shunt PE482B	Cái	1
	Phòng Thực tập đo lường cảm biến		
140	Bộ thí nghiệm cảm biến	Bộ	9
141	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	2
142	Bộ thí nghiệm VĐK 8952	Bộ	1
143	Hệ thống nguồn ALU 110. Gồm:	Bộ	
144	- Khối nguồn xoay chiều AC ST 7005-2C-V		17
145	- Khối panel chống rỗng ST 7005- 4T -V	Bộ	34
146	- Ổ cắm lấy nguồn ra ST 7005- 2G- V	Bộ	17
147	- Tấm ALU 990mm ST 7005- cover	Bộ	17
148	Hệ thống mạng (8 máy)	Ht	1
149	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
150	Máy chiếu overhead Sunheamg + màn hình treo 70"	Bộ	1
151	Ampe kềm	Cái	2
152	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	8
153	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	2
154	Bộ điều khiển tốc độ vô cấp	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
155	Bộ hàn chíp	Bộ	1
156	Bộ khóa lục giác	Cái	1
157	Bộ kiểm tra mức OMRON (cảm biến từ)	Cái	2
158	Bộ kiểm tra mức OMRON (kiểm tra nhiệt độ)	Cái	2
159	Bộ kiểm tra OMRON 61F -G2	Cái	2
160	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	4
161	Cảm biến nhiệt độ OMRON	Cái	2
162	Cảm biến nhiệt độ OMRON 61F	Cái	2
163	Cảm biến nhiệt độ OMRON E52 MY-PTC	Cái	2
164	Cảm biến OMRON NY-PTC (MY - PTC)	Cái	2
165	Cây hút chì	Cây	10
166	Đầu đĩa AR 36G	Cái	1
167	Đầu DVD SONY	Cái	4
168	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
169	Digital multimetter EDM4760 (Korea)	Cái	1
170	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
171	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	1
172	Đồng hồ các loại	Cái	63
173	Giá treo tivi	Cái	1
174	Kềm các loại	Cái	26
175	Khoan bàn 8T	Cái	1
176	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
177	Kít nạp EPROM	Cái	2
178	Kít thực tập vi xử lý	Cái	2
179	Loa thùng	Cặp	3
180	Màn hình cảm biến	Cái	2
181	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
182	Máy mài tay Bosch	Cái	1
183	Máy phát sóng âm tần AG-2601A	Cái	1
184	Máy phát sóng RF SG-4160B	Cái	1
185	Máy phát tần số	Cái	1
186	Mixer	Cái	1
187	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	61
188	Nhíp lớn	Cái	15
189	Ocsilloscope PS251	Cái	2
190	Panme điện tử	Cái	1
191	Súng hút chì	Cây	10
192	Tivi màu 5"	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
193	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
194	Tuocnovit	Cái	87
	Phòng thực tập kỹ thuật xung số		
195	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	15
196	Thí nghiệm PLC OMRON -C200	Bộ	4
197	Simantic S7-300 gồm: - Trappic + PC Adaptor + Step 7V51 sofware + Manual S7-300 + Manual 312 IFM, 314 IFM + Documentation package step 7 + Máy vi tính Tudel PIII	Bộ	1
198	Tủ điều khiển	Cái	5
199	Tủ điện PLC	Cái	10
	Phòng thực tập tự động hóa		
200	Bàn lắp đặt hệ thống (ST 7200 -3T)	Bộ	5
201	Bộ nguồn 3pha cho hệ thống Unitrain -I (SO4203 -2D)	Bộ	7
202	Các ống dẫn và bộ phụ kiện cho hệ cơ điện tử (LM9670)	Bộ	1
203	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
204	Máy nén khí chống ồn dưới 45db(SE2902 -9L)	Bộ	1
205	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	5
206	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
207	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	10
208	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	1
209	Mô hình Inverter T2010-TN12	Bộ	1
210	Phụ kiện cho toàn hệ thống	Bộ	1
211	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ AC	Bộ	2
212	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ DC	Bộ	2
213	Trạm kiểm tra	Bộ	2
214	Trạm lắp ráp	Bộ	2
215	Trạm lưu kho	Bộ	2
216	Trạm sắp xếp (phân loại)	Bộ	2
217	Trạm tháo gắp phôi dùng robot	Bộ	2
218	Trạm vận chuyển	Bộ	2
219	Trạm xử lý	Bộ	2
220	Ampe kềm	Cái	1
221	Cây hút chì	Cái	10
222	Đồng hồ các loại	Cái	35
223	Kềm các loại	Cái	26
224	Khung cưa tay	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
225	Máy hút bụi 1600W	Cái	1
226	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
227	Tuocnovit	Cây	40
	Phòng Thực tập Vi xử lý		
228	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	79
229	Bộ thí nghiệm VXL kít Z80	Bộ	10
230	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	7
231	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
232	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	5
233	Bảng giao tiếp bằng chữ màu	Cái	2
234	Bảng giao tiếp đèn công suất	Cái	2
235	Bảng giao tiếp đèn giao thông	Cái	2
236	Bảng giao tiếp rolay thời gian	Cái	2
237	Bộ nạp trình vi xử lý kít nạp vi xử lý	Cái	4
238	Bộ thí nghiệm VXL (có nạp chương trình)	Bộ	2
239	Mô hình giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
240	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
241	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	3
242	Mô hình mạch giao tiếp công suất	Cái	3
243	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	2
244	Kít nạp EPROM	Cái	6
245	Kít thực tập vi xử lý	Cái	6
	Phòng SCHNEIDER - Dự án		
246	Hộp điện dân dụng	Bộ	3
247	Hộp điện nối đất	Bộ	3
248	Bộ khởi động động cơ - cơ bản	Bộ	12
249	Máy chiết nước chạy bằng năng lượng mặt trời	Bộ	2
250	Máy năng lượng mặt trời	Bộ	2
251	Máy năng lượng mặt trời không kết nối lưới - cấu trúc quang điện	Bộ	2
252	Bộ khởi động động cơ Tesys	Bộ	4
253	Bộ khởi động	Bộ	4
254	Máy năng lượng mặt trời - cấu trúc quang điện	Bộ	2
255	Hệ thống tự động M241 PLC PACK với màn hình và ổ đĩa	Bộ	1
256	Bảng điều khiển M340 với HDMI STU	Bộ	2
257	Phần nâng hạ	Bộ	1
258	Nâng phần điều khiển bằng TWIDO	Bộ	1
259	Xử lý bề mặt hoạt động	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
260	Bộ phận điều khiển bề mặt M340	Bộ	1
261	Thảm nhựa	Cái	200
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 1		
262	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
263	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện một chiều EM-600-DC	Bộ	8
264	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha EM-600-1P	Bộ	8
265	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha EM-600-3P	Bộ	8
266	Đồng hồ MegaOhm dạng số Kyoritsu 3007A	Cái	4
267	Đồng hồ xác định thứ tự pha Kyoritsu 8035	Cái	3
268	Máy phát sóng âm tần Pintek FG-32	Cái	2
269	Osilocope	Cái	4
270	Ampere kềm dạng hiển thị kim (K2608A)	Cái	10
271	Ampere kềm dạng số	Cái	10
272	Đồng hồ đo áp AC 300V	Cái	60
273	Đồng hồ đo áp DC 30V	Cái	60
274	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	62
275	Đồng hồ đo tần số	Cái	2
276	Đồng hồ đo Vom	Cái	44
277	Đồng hồ MegaOhm dạng kim	Cái	5
278	Mạch đo gián tiếp LC	Cái	1
279	Mô hình dàn trải mạch chỉnh lưu	Cái	3
280	Mô hình khởi động sao tam giác	Cái	1
281	Mô hình mạch điều khiển dùng khởi động từ	Cái	12
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 2		
282	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
283	Các thiết bị phụ trợ cho phần nguyên lý CB và biến áp	Bộ	1
284	Thiết bị dòng điện 3 pha TG 1.2	Bộ	1
285	Thiết bị mạch cơ bản, các định luật, thành phần TG1.1	Bộ	1
286	Động cơ AC 1 pha	Bộ	1
287	Động cơ AC 3 pha	Bộ	1
288	Động cơ AC 3 pha 300W gồm: - 1 bộ thiết bị panel thí nghiệm cho máy điện 3 pha -300W - 1 bộ thiết bị máy điện lắc 300W - 1 bộ máy điện 3 pha-300W	Bộ	1
289	Động cơ DC	Bộ	1
290	Động cơ DC gồm: - 1 bộ máy điện DC quấn dây nối tiếp + 1 bộ thiết bị thí nghiệm cho máy điện DC 300W)	Bộ	1
291	Thiết bị máy điện TG 2	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
292	Thiết bị phụ trợ cho thí nghiệm máy điện công nghiệp	Bộ	1
293	Đồng hồ đo điện trở đất dạng kim Kyoritsu 4102A (TL)	Cái	2
294	Đồng hồ đo điện trở đất dạng số Kyoritsu 4105AH (TLan)	Cái	2
295	Đồng hồ đo tốc độ quay động cơ dạng số Kyoritsu 5601	Cái	1
296	Búa nguội	Cái	2
297	Công tơ điện 3 pha 220V	Cái	15
298	Động cơ KĐB 3 đầu ra - 1 pha	Cái	3
299	Đồng hồ cos đa năng 307	Cái	5
300	Kềm bấm đầu cos WF 2C 0.5~2.5	Cái	2
301	Kềm các loại	Cây	18
302	Máy hút bụi - National	Cái	1
303	Mô hình cắt động cơ điện 3 pha (sống)	Cái	4
304	Mô hình cắt máy động cơ 1 pha	Cái	4
305	Mô hình cắt máy động cơ 3 pha (chết)	Cái	3
306	Mô hình cắt máy phát điện 1 pha (chết)	Cái	4
307	Mô hình động cơ điện	Cái	1
308	Bảng thí nghiệm điện	Cái	12
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 1		
309	Đồng hồ đo điện trở đất (kim) 4102	Cái	7
310	Đồng hồ đo điện trở đất các loại	Cái	17
311	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
312	Hệ thống truyền động động cơ KĐB 3 pha	Bộ	2
313	Hệ thống truyền động động cơ DC	Bộ	2
314	Hệ thống truyền động máy phát xoay chiều	Bộ	2
315	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
316	Búa sắt dạng trung	Cái	15
317	Đồng hồ ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
318	Đồng hồ đo hệ số công suất OS	Cái	2
319	Đồng hồ đo Vom (kim) Sanwa 360	Cái	30
320	Kềm các loại	Cái	194
321	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	1
322	Máy nổ Honda	Cái	1
323	Thùng đựng đồ nghề	Cái	3
324	Tuocnovit	Cái	165
325	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
326	**Phòng Thực tập Điện cơ bản 2**		
327	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	9
328	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
329	Ampere kềm	Cái	2
330	Búa sắt dạng trung	Cái	5
331	Đồng hồ các loại	Cái	18
332	Kềm các loại	Cái	64
333	Thang nhôm	Cái	5
334	Thùng đựng đồ nghề	Cái	1
335	Tuocnovit các loại	Cái	66
336	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 1		
337	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	1
338	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	1
339	Bộ xác định thứ tự	Cái	1
340	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	5
341	Tay máy	Cái	2
342	Tay máy ngành điện tử	Cái	1
343	Bàn nguội	Cái	1
344	Bàn quấn dây hiển thị số	Cái	10
345	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
346	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	4
347	Búa (CL) (búa sắt)	Cái	6
348	Búa cao su	Cái	30
349	Cảo bạc đạn	Cái	2
350	Cle 8-22	Bộ	4
351	Động cơ 3 pha - 1.5KW	Cái	12
352	Động cơ điện 3 pha	Cái	23
353	Động cơ không đồng bộ 1 pha	Cái	10
354	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
355	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
356	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	1
357	Đồng hồ VOM 360	Cái	6
358	Etô khoan bàn	Cái	1
359	Kềm	Cái	18
360	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
361	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
362	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	4
363	Panme	Cái	5
364	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
365	Tuocnovit	Cái	22

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
366	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
367	Tay máy	Cái	1
368	Tay máy robot (dùng khí nén RBO-1)	Cái	1
369	Máy quấn dây	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 2		
370	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	2
371	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	2
372	Đồng hồ đo Megaohm (kim) 3005 Kyoritsu	Cái	5
373	Bàn nguội	Cái	4
374	Bàn quấn dây hiện số	Cái	30
375	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
376	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	6
377	Búa cao su	Cái	35
378	Búa sắt dạng trung	Cái	7
379	Cảo 3 chấu	Cái	3
380	Cle (CL)	Cái	5
381	Cle 8-22	Bộ	6
382	Động cơ 1 pha 1/2HP	Cái	30
383	Động cơ DC (CL)	Cái	10
384	Động cơ điện 1 pha	Cái	10
385	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
386	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
387	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	3
388	Đồng hồ VOM 360	Cái	5
389	Etô khoan bàn	Cái	1
390	Kềm các loại	Cái	26
391	Kéo cắt điện cầm tay	Cái	1
392	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
393	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
394	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
395	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	6
396	Panme	Cái	8
397	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
398	Tuocnovit (CL)	Cái	22
399	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
	Phòng Scada 1		
400	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
401	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
402	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
403	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
404	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
405	Cáp CC-Link, MELSECNET + RJ45 HUB Switch	Bộ	1
406	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
407	Máy chiếu overhead Visual - ART	Cái	1
408	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	3
409	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
410	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
411	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
412	Ampe kềm	Cái	1
413	Bộ hàn chíp	Bộ	1
414	Cây hút chì	Cây	10
415	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
416	Đồng hồ VOM	Cái	27
417	Kềm các loại	Cái	29
418	Khung cưa tay	Cái	1
419	Màn hình cảm biến	Cái	2
420	Máy khoan bàn	Cái	1
421	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
422	Máy mài tay Bosch	Cái	1
423	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	2
424	Máy phát tần số	Cái	1
425	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	35
426	Nhíp lớn	Cái	8
427	Panme điện tử	Cái	1
428	Súng hút chì	Cây	10
429	Thước cặp	Cái	1
430	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
431	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
432	Tuocnovit	Cái	40
	Phòng Scada 2		
433	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
434	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
435	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
436	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
437	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-	Bộ	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	KIT		
438	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
439	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
440	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	2
441	Mô hình đóng nắp hộp tự động (mã số T2010-N13)	Bộ	1
442	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
443	Mô hình phân loại sản phẩm bằng tay gắp 09T-TN03	Bộ	1
444	Phần mềm MCWorks 64 Mitsubishi SW1DND-MCWDV-ET500	PM	1
445	Phần mềm GXWorks và GTWorks Mitsubishi SW4D5C-QSET-E Mitsubishi SW2D5C-GTWK2-E	PM	1
446	Ampe kềm	Cái	1
447	Bộ Cle	Cái	1
448	Bộ khóa lục giác	Cái	1
449	Bộ thí nghiệm cảm biến (CB quang + tiệm cận)	Bộ	1
450	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	10
451	Cây hút chì	Cây	8
452	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
453	Đồng hồ VOM hiện số	Cái	18
454	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	1
455	Kềm các loại	Cây	25
456	Khung cưa tay	Cái	1
457	Màn hình cảm biến	Cái	1
458	Máy khoan Proskit - PK	Bộ	1
459	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	3
460	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
461	Nhíp lớn	Cái	8
462	Súng hút chì	Cây	10
463	Thước cặp	Cái	2
464	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
465	Tuocnovit	Cái	40
466	Máy quấn dây CPH-OSMIT	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 1		
467	Bộ thí nghiệm động cơ servo	Bộ	2
468	Dao động ký (Ocsillscope)	Cái	1
469	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
470	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	5
471	Mô hình bến đậu xe	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
472	Ổn áp 110A -10KVA 3 pha-380V	Cái	1
473	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	1
474	Máy giặt cơ	Cái	1
475	Máy khò IC	Cái	2
476	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	2
477	Tủ điện sơn tĩnh điện (1000x800x250) dày 1.5mm	Cái	5
478	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
479	Ocsilloscope Pintex-PS200-20MGz	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 2		
480	Bộ nguồn 1 pha sử dụng năng lượng mặt trời T2010- TN10	Bộ	1
481	Bộ thí nghiệm điều khiển động cơ servơ	Bộ	1
482	Bộ thí nghiệm được điều khiển từ xa dùng sóng hồng ngoại	Bộ	1
483	Máy tiện CNC loại để bàn Concepr Turn - hãng EMCO CT55	Bộ	1
484	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	12
485	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	2
486	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	1
487	Tủ điều khiển máy tiện CNC (Mã số ĐT 2015 - TN01)	Cái	1
488	Ampli Belco - BA501 + cặp loa Polocko 99 220V	Cái	1
489	Bảng quang báo sử dụng 9822	Cái	1
490	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	2
491	Cle 8-22	Bộ	1
492	Kềm các loại	Cái	12
493	Khoan bàn 8T	Cái	1
494	Khoan tay Bosch - GSB 10RE (Malaysia)	Cái	1
495	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
496	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
497	Mô hình cánh tay hoạt động được AMR-5RC + chương trình AMR- 5RC và tài liệu	Bộ	1
498	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
499	Tivi màu Sony 25" XA-25 M80A	Cái	1
500	Tuocnovit pake	Cái	18
501	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
	Phòng thực tập điện tử công suất 1		
502	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
503	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
504	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
505	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	5
506	Tủ động lực dùng kết nối phần công suất cho PLC và VĐK	Tủ	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
507	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC, VĐK	Cái	4
508	Ampe kềm	Cái	1
509	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	1
510	Bảng thí nghiệm L	Cái	8
511	Bảng thí nghiệm OP-TO	Cái	5
512	Bảng thí nghiệm R	Cái	8
513	Bảng thí nghiệm SCR	Cái	8
514	Bảng thí nghiệm Transitor	Cái	5
515	Bảng thí nghiệm Triac	Cái	12
516	Biến tần OMRON	Cái	4
517	Bình accu 60A	Cái	1
518	Bộ khóa cửa (mã số điện tử)	Bộ	1
519	Bộ mã hóa xung vòng quay E6A2	Bộ	5
520	Bộ thí nghiệm Inverter	Bộ	10
521	Cây hút chì	Cái	7
522	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
523	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	4
524	Đồng hồ VOM	Cái	23
525	Kềm các loại	Cái	30
526	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	2
527	Khung cưa tay	Cái	1
528	Máy phát tần số	Cái	1
529	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
530	Môtơ 2 tốc độ - 1HP	Cái	1
531	Môtơ 3 pha - 1HP	Cái	1
532	Môtơ giảm tốc 1.5HP	Cái	1
533	Nhíp lớn	Cái	8
534	Ocsilloscope PS251	Cái	2
535	Tivi màu 5"	Cái	1
536	Tuocnovit	Cái	44
537	Tủ điện điều khiển biến tần	Cái	3
538	Tủ điện tử CN	Cái	6
	Phòng thực tập điện tử công suất 2		
539	Bài tập điện tử công suất	Bộ	5
540	Bài tập máy điện 3 pha	Bộ	1
541	Bộ bài tập điện, điện tử phòng multimedia gồm: 1) 17 Vali bài KT điện 1: Công nghệ DC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 2) 17 Vali bài KT điện 2: Công nghệ AC (Mỗi vali có 3 bo + 1	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	đĩa) 3) 17 Vali bài KT điện tử 1: Các thành phần bán dẫn (Mỗi vali có 3 bo + 1		
542	Bộ giao tiếp phòng Multimedia gồm (dùng cho 17 bộ): 1) 17 bộ giao tiếp. Linh kiện kèm theo: + 17 đĩa CD cài đặt + 17 bộ cáp máy tính (hoặc giao tiếp) + 17 bộ nguồn + 17 dây nguồn + Tài liệu 2) 34 bộ thí nghiệm 3) 17 bộ dây nối 2mm 4) 170 dây n	Bộ	17
543	Bộ thí nghiệm điện tử công suất	Bộ	1
544	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	2
545	Bộ thí nghiệm VXL 8952	Bộ	13
546	HDD server 36GB	Cái	1
547	Hệ thống mạng gồm:- Lan card compex 10/100base + Switch 10/100 16 port + AMP pathpenel 24 port + Boot rom + Connector RJ43 + Boot colour + Route ISDN 10/100 MPS RJ45 + 19" wall mounted rack	Ht	1
548	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
549	Máy vi tính IBM - Series 225 server 8647-3AX	Bộ	1
550	Microsoft - windows 2003 server advance(License)	Bộ	1
551	Nguồn mở rộng Unitrain	Bộ	5
552	Tủ điện - ĐTCN (Tủ TT. Điện tử CN)	Cái	2
553	Tủ điện động lực - Điện CN	Cái	2
554	Tủ thực tập điện tử công nghiệp	Bộ	2
555	Bộ điều khiển động cơ servơ R7D-AP	Bộ	5
556	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8951(kít thí nghiệm)	Cái	2
557	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8952	Bộ	5
558	HDD (máy con) 40GB	Cái	2
559	Headphone Nansin NS-880MV	Cái	15
560	Headphone Somic SM-880	Cái	17
561	Thí nghiệm vi điều khiển gồm: - Vali cách điện mạch 8051 + Dây nguồn.	Bộ	2
562	Tủ điện tử CN	Cái	4
	Phòng thực tập trang bị điện 1		
563	Động cơ không đồng bộ 3 pha, điện áp 380/660V, 1.5 HP, 1.450v/p	Cái	8
564	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2 cấp tốc độ Δ/YY, 1.5 HP, tốc độ thấp: 1500v/p, tốc độ cao: 3000v/p	Cái	8
565	Mô hình mạch máy khoan	Bộ	1
566	Mô hình mạch máy mài	Bộ	1
567	Mô hình mạch máy phay	Bộ	1
568	Tủ mạch điện máy tiện 1.6E20	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
569	Ampere kềm	Cái	2
570	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
571	Bầu khoan máy	Cái	2
572	Chân tủ điện	Cái	5
573	Động cơ 3pha 1/2HP 36 rãnh	Cái	30
574	Đồng hồ đo cos	Cái	2
575	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	2
576	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	34
577	Đồng hồ đo MΩ	Cái	2
578	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	1
579	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	2
580	Kềm các loại	Cái	10
581	Máy mài cầm tay	Cái	2
582	Mô hình tủ điện điều khiển	Cái	12
583	Mỏ lết cỡ trung 12"	Cái	3
584	Môtơ 1.5HP, 3 pha	Cái	10
585	Panme	Cái	1
586	Tủ điện + bàn (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
587	Tuocnovit	Cây	126
	Phòng thực tập trang bị điện 2		
588	Tủ sắt 860 x 660 x 200 dày 1.5mm	Cái	5
589	Tủ điện điều khiển (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
590	Tủ trang bị điện	Cái	10
	Phòng Thực tập Mạch điện tử 1		
591	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
592	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
593	Ampe kềm	Cái	1
594	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
595	Bộ khóa lục giác	Cái	1
596	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	1
597	Cây hút chì	Cái	19
598	Đế gác mỏ hàn	Cái	10
599	Đồng hồ Vom	Cái	69
600	Kềm các loại	Cái	34
601	Khoan bàn 8T	Cái	1
602	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
603	Khung cưa tay	Cái	1
604	Kìm dẹp	Cái	15

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
605	Loa thùng	Cặp	1
606	Mixer	Cái	1
607	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	21
608	Nhíp lớn	Cái	8
609	Panme điện tử	Cái	1
610	Súng hút chì	Cây	1
611	Tivi màu 5"	Cái	2
612	Tivi màu Toshiba 20"	Cái	1
613	Tuocnovit	Cái	75
614	**Phòng Thực tập mạch điện tử 2**		
615	Khoan bàn 8T	Cái	2
616	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
617	Bàn nguội	Cái	1
618	Mô hình rơle thời gian	Bộ	1
619	Mô hình điều khiển chữ 3 màu	Bộ	1
620	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
621	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	1
622	Mô hình mạch giao tiếp đèn	Bộ	2
623	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 12 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 12 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Phan Văn Khoa	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Anh văn chuyên ngành	
2.	Trương Văn Sang	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Máy điện	
3.	K' Dam Cao Tưởng	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Điện tử công suất	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
4.	Trịnh Xuân Lâm	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Điện tử tương tự	
5.	Nguyễn Minh Đức	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Đo lường và cảm biến	
6.	Trần Phú Thứ	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Điện tử công nghiệp	
7.	Nguyễn Văn Nghiên	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Điện tử công nghiệp	
8.	Nguyễn Trung Cường	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Đồ án học phần 2	
9.	Trình Công Sơn	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Thực tập tốt nghiệp	
10.	Nguyễn Công Ý	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Kỹ thuật số	
11.	Trịnh Xuân Cường	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Kỹ thuật số	
12.	Lê Minh Tý	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		TT Vẽ Điện- Điện tử	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XX. Ngành, nghề: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 150 sinh viên
- Trung cấp: 50 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Cơ sở vật chất

  Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

  Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 15 xưởng.

- Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
I	**KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**		
	Phòng Thực tập PLC1		
1	Bộ điều khiển khả trình PLC	Bộ	2
2	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	6
3	Bộ thí nghiệm kỹ thuật số	Bộ	60
4	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	5
5	Bộ thí nghiệm vi điều khiển	Bộ	2
6	Đồng hồ đo MΩ	Cái	1
7	Đồng hồ VOM kim	Cái	2
8	Màn hình cảm ứng	Bộ	1
9	Máy khoan Makita	Cái	1
10	Máy vi tính P4 -3.2GHz	Bộ	2
11	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC và VĐK	Bộ	1
	Phòng Thực tập PLC2		
12	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	34
13	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
14	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
15	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
16	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	7
17	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
18	Tủ điều khiển hệ thống xử lý nước thải T2010-N11	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
19	Cây hút chì	Cái	10
20	Động cơ các loại	Cái	2
21	Đồng hồ các loại	Cái	11
22	Kềm các loại	Cái	18
23	Loa thùng	Cặp	1
24	Màn hình LCD Compad 18.5"	Cái	1
25	Máy khoan bàn	Cái	1
26	Mixer	Cái	1
27	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	10
28	Nhíp các loại	Cái	8
29	Tuocnovit pake	Cây	40
	Phòng thực tập Điện tử viễn thông		
30	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	7
31	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	12
32	Bộ thí nghiệm tổng đài LG 102 (Korea)	Cái	2
33	Đồng hồ vạn năng hiển thị số, tần số 10MHz- Model: LM 2006	Bộ	1
34	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông ASK, FSK, PSK- Model: SO4204-9L (Đức)	Bộ	1
35	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PAM/PCM - Model: SO4204-9J (Đức)	Bộ	1
36	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PTM - Model: SO4204-9K (Đức)	Bộ	1
37	Dụng cụ biến điệu, giải biến AM/FM - Model: SO4204-9M (Đức)	Bộ	1
38	Dụng cụ đo và kết nối - Model: SO4203-2J (Đức)	Bộ	11
39	Dụng cụ thực hành ăngteng - Model: SO4204-9W (Đức)	Bộ	1
40	Hệ thống mạng	HT	1
41	Khối giao diện UNITRAIN I- Model: SO4203-2A (Đức)	Bộ	11
42	Khối mô đun kết nối - Model: SO4203-2B (Đức)	Bộ	22
43	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	2
44	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	5
45	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	6
46	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	3
47	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
48	Mô đun thí nghiệm - Model: SO4204-9D (Đức)	Bộ	1
49	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp 4 sợi- Model: SO4204-9F (Đức)	Bộ	1
50	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp quang học	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	- Model: SO4204-9E (Đức)		
51	Mô đun thực hành thí nghiệm truyền thông - Model: SO4204-9A (Đức)	Bộ	1
52	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	2
53	Mô hình lựa chọn sản phẩm theo kích thước	Bộ	6
54	Xử lý mạch thu AM và cao tần HF, xử lý mạch khuếch đại AM IF, LF - Model: SO4204-9N (Đức)	Bộ	1
55	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	10
56	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	3
57	Ampe kềm	Cái	2
58	Ampli 1000W	Cái	1
59	Bảng nhôm thực tập	Cái	5
60	Bộ Cle	Cái	1
61	Bộ khóa lục giác	Cái	2
62	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	4
63	Bộ nạp accu 20A	Cái	1
64	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
65	Cây hút chì	Cái	15
66	Đế gác mỏ hàn	Cái	13
67	Động cơ các loại	Cái	2
68	Đồng hồ các loại	Cái	71
69	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	2
70	Kềm các loại	Cái	88
71	Khoan bàn	Cái	3
72	Khoan cầm tay Bosch	Cái	1
73	Khung cưa tay	Cái	2
74	Kìm dẹp	Cái	15
75	Loa 1000W	Cặp	2
76	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
77	Máy nén khí	Cái	4
78	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	70
79	Nhíp	Cái	30
80	Súng hút chì	Cây	5
81	Switch 8 port 10/100Mbhz	Cái	1
82	Thiết bị đo 10:1/1:1 - Model: LM 9036	Bộ	2
83	Thước cặp	Cái	7
84	Tuocnovit	Cái	79
85	Thực tập khí nén	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng thí nghiệm máy điện		
86	Bộ chuyển đổi nguồn điện tự động ATS	Bộ	2
87	Mô hình tủ bù đa cấp cho lưới phân phối hạ thế - Mã số 09T - TN21	Cái	1
88	Tủ cung cấp có BV	Cái	2
89	Tủ điện dùng để thực tập cung cấp điện	Bộ	3
90	Tủ thực tập cung cấp điện	Tủ	1
91	Tay máy	Cái	1
	Phòng Thực tập điện khí nén		
92	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	3
93	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	11
94	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
95	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
96	Máy đèn chiếu xách tay AZZA HM - 26F (Malaysia) + màn hình hộp Dalite 64"x48"(USA)	Bộ	1
97	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	1
98	Đồng hồ đo điện trở đất (số) Kyoritsu 4105	Cái	1
99	Ampere kềm dạng kim 2608 Kyoritsu	Cái	1
100	Bảng nhôm 800x860	Cái	8
101	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
102	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
103	Đồng hồ đo Vom dạng kim 360 Sanwa	Cái	1
104	Máy nén khí	Cái	5
	Phòng Thực tập Điện tử máy tính		
105	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	27
106	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	10
107	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
108	Hệ thống mạng: 1 cái switch 16 ports base 10/100/1000	Ht	1
109	Tivi màu LCD Toshiba 42" - A3000E	Cái	1
110	17 USE (truy cập vào máy chủ - License)(nằm theo máy)	Cái	17
111	Đồng hồ VOM kim	Cái	4
112	Kềm các loại	Cái	29
113	Khung cưa tay	Cái	1
114	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
	Phòng Thực tập điện máy CNC		
115	Hệ thống khí nén: Máy nén khí Puma 3HP + Máy sấy khí Lode star 5HP	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
116	Máy cắt sắt Makita	Cái	1
117	Máy lạnh Panasonic 2HP - PC18MKF 2khối	Bộ	1
118	Máy nạp EPROM LABTOOL 148C	Cái	1
119	Máy tiện dạy học có tích hợp bộ mạch điện tìm lỗi, điều khiển bằng hệ Fanuc Oi Mate - hãng MTS	Bộ	1
120	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	8
121	Mô hình máy phay CNC	Cái	1
122	Ổn áp 30KVA-380V - Chenshin	Cái	1
123	Bộ chìa khóa 8 - 24 mm	Cây	9
124	Bộ cle vòng miệng (8 - 24)	Cây	28
125	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
126	Đồng hồ đo Vom dạng số CD800 Sanwa	Cái	1
127	Đồng hồ so cấp chính xác 1/1000 Mitutoyo	Cái	1
128	HDD Box 525	Cái	1
129	Khoan bàn 8T	Cái	1
130	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	4
131	Lục giác (hệ MT) King Tony	Bộ	2
132	Máy hàn điện 220V/200A	Cái	1
133	Máy hút bụi National MC4960-1500W/220V	Cái	1
134	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
135	Máy mài cầm tay	Cái	1
136	PLC Lugo 250RE	Cái	1
137	Thước cặp điện tử 1.5T	Cái	2
138	Bộ điều khiển động cơ bằng điện tử PE482A	Cái	1
139	Bộ điều khiển động cơ DC bằng điện trở Shunt PE482B	Cái	1
	Phòng Thực tập đo lường cảm biến		
140	Bộ thí nghiệm cảm biến	Bộ	9
141	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	2
142	Bộ thí nghiệm VĐK 8952	Bộ	1
143	Hệ thống nguồn ALU 110. Gồm:	Bộ	
144	- Khối nguồn xoay chiều AC ST 7005-2C-V		17
145	- Khối panel chống rỗng ST 7005- 4T -V	Bộ	34
146	- Ổ cắm lấy nguồn ra ST 7005- 2G- V	Bộ	17
147	- Tấm ALU 990mm ST 7005- cover	Bộ	17
148	Hệ thống mạng (8 máy)	Ht	1
149	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
150	Máy chiếu overhead Sunheamg + màn hình treo 70"	Bộ	1
151	Ampe kềm	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
152	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	8
153	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	2
154	Bộ điều khiển tốc độ vô cấp	Bộ	1
155	Bộ hàn chíp	Bộ	1
156	Bộ khóa lục giác	Cái	1
157	Bộ kiểm tra mức OMRON (cảm biến từ)	Cái	2
158	Bộ kiểm tra mức OMRON (kiểm tra nhiệt độ)	Cái	2
159	Bộ kiểm tra OMRON 61F -G2	Cái	2
160	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	4
161	Cảm biến nhiệt độ OMRON	Cái	2
162	Cảm biến nhiệt độ OMRON 61F	Cái	2
163	Cảm biến nhiệt độ OMRON E52 MY-PTC	Cái	2
164	Cảm biến OMRON NY-PTC (MY - PTC)	Cái	2
165	Cây hút chì	Cây	10
166	Đầu đĩa AR 36G	Cái	1
167	Đầu DVD SONY	Cái	4
168	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
169	Digital multimetter EDM4760 (Korea)	Cái	1
170	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
171	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	1
172	Đồng hồ các loại	Cái	63
173	Giá treo tivi	Cái	1
174	Kềm các loại	Cái	26
175	Khoan bàn 8T	Cái	1
176	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
177	Kít nạp EPROM	Cái	2
178	Kít thực tập vi xử lý	Cái	2
179	Loa thùng	Cặp	3
180	Màn hình cảm biến	Cái	2
181	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
182	Máy mài tay Bosch	Cái	1
183	Máy phát sóng âm tần AG-2601A	Cái	1
184	Máy phát sóng RF SG-4160B	Cái	1
185	Máy phát tần số	Cái	1
186	Mixer	Cái	1
187	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	61
188	Nhíp lớn	Cái	15
189	Ocsilloscope PS251	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
190	Panme điện tử	Cái	1
191	Súng hút chì	Cây	10
192	Tivi màu 5"	Cái	2
193	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
194	Tuocnovit	Cái	87
	Phòng thực tập kỹ thuật xung số		
195	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	15
196	Thí nghiệm PLC OMRON -C200	Bộ	4
197	Simantic S7-300 gồm: - Trappic + PC Adaptor + Step 7V51 sofware + Manual S7-300 + Manual 312 IFM, 314 IFM + Documentation package step 7 + Máy vi tính Tudel PIII	Bộ	1
198	Tủ điều khiển	Cái	5
199	Tủ điện PLC	Cái	10
	Phòng thực tập tự động hóa		
200	Bàn lắp đặt hệ thống (ST 7200 -3T)	Bộ	5
201	Bộ nguồn 3pha cho hệ thống Unitrain -I (SO4203 -2D)	Bộ	7
202	Các ống dẫn và bộ phụ kiện cho hệ cơ điện tử (LM9670)	Bộ	1
203	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
204	Máy nén khí chống ồn dưới 45db(SE2902 -9L)	Bộ	1
205	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	5
206	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
207	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	10
208	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	1
209	Mô hình Inverter T2010-TN12	Bộ	1
210	Phụ kiện cho toàn hệ thống	Bộ	1
211	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ AC	Bộ	2
212	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ DC	Bộ	2
213	Trạm kiểm tra	Bộ	2
214	Trạm lắp ráp	Bộ	2
215	Trạm lưu kho	Bộ	2
216	Trạm sắp xếp (phân loại)	Bộ	2
217	Trạm tháo gắp phôi dùng robot	Bộ	2
218	Trạm vận chuyển	Bộ	2
219	Trạm xử lý	Bộ	2
220	Ampe kềm	Cái	1
221	Cây hút chì	Cái	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
222	Đồng hồ các loại	Cái	35
223	Kềm các loại	Cái	26
224	Khung cưa tay	Cái	1
225	Máy hút bụi 1600W	Cái	1
226	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
227	Tuocnovit	Cây	40
	Phòng Thực tập Vi xử lý		
228	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	79
229	Bộ thí nghiệm VXL kít Z80	Bộ	10
230	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	7
231	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
232	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	5
233	Bảng giao tiếp bằng chữ màu	Cái	2
234	Bảng giao tiếp đèn công suất	Cái	2
235	Bảng giao tiếp đèn giao thông	Cái	2
236	Bảng giao tiếp rolay thời gian	Cái	2
237	Bộ nạp trình vi xử lý kít nạp vi xử lý	Cái	4
238	Bộ thí nghiệm VXL (có nạp chương trình)	Bộ	2
239	Mô hình giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
240	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
241	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	3
242	Mô hình mạch giao tiếp công suất	Cái	3
243	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	2
244	Kít nạp EPROM	Cái	6
245	Kít thực tập vi xử lý	Cái	6
	Phòng SCHNEIDER - Dự án		
246	Hộp điện dân dụng	Bộ	3
247	Hộp điện nối đất	Bộ	3
248	Bộ khởi động động cơ - cơ bản	Bộ	12
249	Máy chiết nước chạy bằng năng lượng mặt trời	Bộ	2
250	Máy năng lượng mặt trời	Bộ	2
251	Máy năng lượng mặt trời không kết nối lưới - cấu trúc quang điện	Bộ	2
252	Bộ khởi động động cơ Tesys	Bộ	4
253	Bộ khởi động	Bộ	4
254	Máy năng lượng mặt trời - cấu trúc quang điện	Bộ	2
255	Hệ thống tự động M241 PLC PACK với màn hình và ổ đĩa	Bộ	1
256	Bảng điều khiển M340 với HDMI STU	Bộ	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
257	Phần nâng hạ	Bộ	1
258	Nâng phần điều khiển bằng TWIDO	Bộ	1
259	Xử lý bề mặt hoạt động	Bộ	1
260	Bộ phận điều khiển bề mặt M340	Bộ	1
261	Thảm nhựa	Cái	200
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 1		
262	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
263	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện một chiều EM-600-DC	Bộ	8
264	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha EM-600-1P	Bộ	8
265	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha EM-600-3P	Bộ	8
266	Đồng hồ MegaOhm dạng số Kyoritsu 3007A	Cái	4
267	Đồng hồ xác định thứ tự pha Kyoritsu 8035	Cái	3
268	Máy phát sóng âm tần Pintek FG-32	Cái	2
269	Osilocope	Cái	4
270	Ampere kềm dạng hiển thị kim (K2608A)	Cái	10
271	Ampere kềm dạng số	Cái	10
272	Đồng hồ đo áp AC 300V	Cái	60
273	Đồng hồ đo áp DC 30V	Cái	60
274	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	62
275	Đồng hồ đo tần số	Cái	2
276	Đồng hồ đo Vom	Cái	44
277	Đồng hồ MegaOhm dạng kim	Cái	5
278	Mạch đo gián tiếp LC	Cái	1
279	Mô hình dàn trải mạch chỉnh lưu	Cái	3
280	Mô hình khởi động sao tam giác	Cái	1
281	Mô hình mạch điều khiển dùng khởi động từ	Cái	12
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 2		
282	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
283	Các thiết bị phụ trợ cho phần nguyên lý CB và biến áp	Bộ	1
284	Thiết bị dòng điện 3 pha TG 1.2	Bộ	1
285	Thiết bị mạch cơ bản, các định luật, thành phần TG1.1	Bộ	1
286	Động cơ AC 1 pha	Bộ	1
287	Động cơ AC 3 pha	Bộ	1
288	Động cơ AC 3 pha 300W gồm: - 1 bộ thiết bị panel thí nghiệm cho máy điện 3 pha -300W - 1 bộ thiết bị máy điện lắc 300W - 1 bộ máy điện 3 pha-300W	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
289	Động cơ DC	Bộ	1
290	Động cơ DC gồm: - 1 bộ máy điện DC quấn dây nối tiếp + 1 bộ thiết bị thí nghiệm cho máy điện DC 300W)	Bộ	1
291	Thiết bị máy điện TG 2	Bộ	1
292	Thiết bị phụ trợ cho thí nghiệm máy điện công nghiệp	Bộ	1
293	Đồng hồ đo điện trở đất dạng kim Kyoritsu 4102A (TL)	Cái	2
294	Đồng hồ đo điện trở đất dạng số Kyoritsu 4105AH (TLan)	Cái	2
295	Đồng hồ đo tốc độ quay động cơ dạng số Kyoritsu 5601	Cái	1
296	Búa nguội	Cái	2
297	Công tơ điện 3 pha 220V	Cái	15
298	Động cơ KĐB 3 đầu ra - 1 pha	Cái	3
299	Đồng hồ cos đa năng 307	Cái	5
300	Kềm bấm đầu cos WF 2C 0.5~2.5	Cái	2
301	Kềm các loại	Cây	18
302	Máy hút bụi - National	Cái	1
303	Mô hình cắt động cơ điện 3 pha (sống)	Cái	4
304	Mô hình cắt máy động cơ 1 pha	Cái	4
305	Mô hình cắt máy động cơ 3 pha (chết)	Cái	3
306	Mô hình cắt máy phát điện 1 pha (chết)	Cái	4
307	Mô hình động cơ điện	Cái	1
308	Bảng thí nghiệm điện	Cái	12
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 1		
309	Đồng hồ đo điện trở đất (kim) 4102	Cái	7
310	Đồng hồ đo điện trở đất các loại	Cái	17
311	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
312	Hệ thống truyền động động cơ KĐB 3 pha	Bộ	2
313	Hệ thống truyền động động cơ DC	Bộ	2
314	Hệ thống truyền động máy phát xoay chiều	Bộ	2
315	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
316	Búa sắt dạng trung	Cái	15
317	Đồng hồ ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
318	Đồng hồ đo hệ số công suất OS	Cái	2
319	Đồng hồ đo Vom (kim) Sanwa 360	Cái	30
320	Kềm các loại	Cái	194
321	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	1
322	Máy nổ Honda	Cái	1
323	Thùng đựng đồ nghề	Cái	3
324	Tuocnovit	Cái	165

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
325	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
326	**Phòng Thực tập Điện cơ bản 2**		
327	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	9
328	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
329	Ampere kềm	Cái	2
330	Búa sắt dạng trung	Cái	5
331	Đồng hồ các loại	Cái	18
332	Kềm các loại	Cái	64
333	Thang nhôm	Cái	5
334	Thùng đựng đồ nghề	Cái	1
335	Tuocnovit các loại	Cái	66
336	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 1		
337	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	1
338	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	1
339	Bộ xác định thứ tự	Cái	1
340	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	5
341	Tay máy	Cái	2
342	Tay máy ngành điện tử	Cái	1
343	Bàn nguội	Cái	1
344	Bàn quấn dây hiển thị số	Cái	10
345	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
346	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	4
347	Búa (CL) (búa sắt)	Cái	6
348	Búa cao su	Cái	30
349	Cảo bạc đạn	Cái	2
350	Cle 8-22	Bộ	4
351	Động cơ 3 pha - 1.5KW	Cái	12
352	Động cơ điện 3 pha	Cái	23
353	Động cơ không đồng bộ 1 pha	Cái	10
354	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
355	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
356	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	1
357	Đồng hồ VOM 360	Cái	6
358	Etô khoan bàn	Cái	1
359	Kềm	Cái	18
360	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
361	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
362	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	4
363	Panme	Cái	5
364	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
365	Tuocnovit	Cái	22
366	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
367	Tay máy	Cái	1
368	Tay máy robot (dùng khí nén RBO-1)	Cái	1
369	Máy quấn dây	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 2		
370	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	2
371	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	2
372	Đồng hồ đo Megaohm (kim) 3005 Kyoritsu	Cái	5
373	Bàn nguội	Cái	4
374	Bàn quấn dây hiện số	Cái	30
375	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
376	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	6
377	Búa cao su	Cái	35
378	Búa sắt dạng trung	Cái	7
379	Cảo 3 chấu	Cái	3
380	Cle (CL)	Cái	5
381	Cle 8-22	Bộ	6
382	Động cơ 1 pha 1/2HP	Cái	30
383	Động cơ DC (CL)	Cái	10
384	Động cơ điện 1 pha	Cái	10
385	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
386	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
387	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	3
388	Đồng hồ VOM 360	Cái	5
389	Etô khoan bàn	Cái	1
390	Kềm các loại	Cái	26
391	Kéo cắt điện cầm tay	Cái	1
392	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
393	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
394	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
395	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	6
396	Panme	Cái	8
397	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
398	Tuocnovit (CL)	Cái	22

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
399	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
	Phòng Scada 1		
400	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
401	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
402	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
403	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
404	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
405	Cáp CC-Link, MELSECNET + RJ45 HUB Switch	Bộ	1
406	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
407	Máy chiếu overhead Visual - ART	Cái	1
408	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	3
409	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
410	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
411	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
412	Ampe kềm	Cái	1
413	Bộ hàn chíp	Bộ	1
414	Cây hút chì	Cây	10
415	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
416	Đồng hồ VOM	Cái	27
417	Kềm các loại	Cái	29
418	Khung cưa tay	Cái	1
419	Màn hình cảm biến	Cái	2
420	Máy khoan bàn	Cái	1
421	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
422	Máy mài tay Bosch	Cái	1
423	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	2
424	Máy phát tần số	Cái	1
425	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	35
426	Nhíp lớn	Cái	8
427	Panme điện tử	Cái	1
428	Súng hút chì	Cây	10
429	Thước cặp	Cái	1
430	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
431	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
432	Tuocnovit	Cái	40
	Phòng Scada 2		
433	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
434	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
435	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
436	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
437	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
438	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
439	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
440	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
441	Mô hình đóng nắp hộp tự động (mã số T2010-N13)	Bộ	1
442	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
443	Mô hình phân loại sản phẩm bằng tay gắp 09T-TN03	Bộ	1
444	Phần mềm MCWorks 64 Mitsubishi SW1DND-MCWDV-ET500	PM	1
445	Phần mềm GXWorks và GTWorks Mitsubishi SW4D5C-QSET-E Mitsubishi SW2D5C-GTWK2-E	PM	1
446	Ampe kềm	Cái	1
447	Bộ Cle	Cái	1
448	Bộ khóa lục giác	Cái	1
449	Bộ thí nghiệm cảm biến (CB quang + tiệm cận)	Bộ	1
450	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	10
451	Cây hút chì	Cây	8
452	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
453	Đồng hồ VOM hiện số	Cái	18
454	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	1
455	Kềm các loại	Cây	25
456	Khung cưa tay	Cái	1
457	Màn hình cảm biến	Cái	1
458	Máy khoan Proskit - PK	Bộ	1
459	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	3
460	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
461	Nhíp lớn	Cái	8
462	Súng hút chì	Cây	10
463	Thước cặp	Cái	2
464	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
465	Tuocnovit	Cái	40
466	Máy quấn dây CPH-OSMIT	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 1		
467	Bộ thí nghiệm động cơ servo	Bộ	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
468	Dao động ký (Ocsillscope)	Cái	1
469	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
470	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	5
471	Mô hình bến đậu xe	Bộ	1
472	Ổn áp 110A -10KVA 3 pha-380V	Cái	1
473	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	1
474	Máy giặt cơ	Cái	1
475	Máy khò IC	Cái	2
476	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	2
477	Tủ điện sơn tĩnh điện (1000x800x250) dày 1.5mm	Cái	5
478	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
479	Ocsilloscope Pintex-PS200-20MGz	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 2		
480	Bộ nguồn 1 pha sử dụng năng lượng mặt trời T2010- TN10	Bộ	1
481	Bộ thí nghiệm điều khiển động cơ servơ	Bộ	1
482	Bộ thí nghiệm được điều khiển từ xa dùng sóng hồng ngoại	Bộ	1
483	Máy tiện CNC loại để bàn Concepr Turn - hãng EMCO CT55	Bộ	1
484	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	12
485	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	2
486	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	1
487	Tủ điều khiển máy tiện CNC (Mã số ĐT 2015 - TN01)	Cái	1
488	Ampli Belco - BA501 + cặp loa Polocko 99 220V	Cái	1
489	Bảng quang báo sử dụng 9822	Cái	1
490	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	2
491	Cle 8-22	Bộ	1
492	Kềm các loại	Cái	12
493	Khoan bàn 8T	Cái	1
494	Khoan tay Bosch - GSB 10RE (Malaysia)	Cái	1
495	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
496	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
497	Mô hình cánh tay hoạt động được AMR-5RC + chương trình AMR- 5RC và tài liệu	Bộ	1
498	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
499	Tivi màu Sony 25" XA-25 M80A	Cái	1
500	Tuocnovit pake	Cái	18
501	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
	Phòng thực tập điện tử công suất 1		
502	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
503	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
504	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
505	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	5
506	Tủ động lực dùng kết nối phần công suất cho PLC và VĐK	Tủ	2
507	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC, VĐK	Cái	4
508	Ampe kềm	Cái	1
509	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	1
510	Bảng thí nghiệm L	Cái	8
511	Bảng thí nghiệm OP-TO	Cái	5
512	Bảng thí nghiệm R	Cái	8
513	Bảng thí nghiệm SCR	Cái	8
514	Bảng thí nghiệm Transitor	Cái	5
515	Bảng thí nghiệm Triac	Cái	12
516	Biến tần OMRON	Cái	4
517	Bình accu 60A	Cái	1
518	Bộ khóa cửa (mã số điện tử)	Bộ	1
519	Bộ mã hóa xung vòng quay E6A2	Bộ	5
520	Bộ thí nghiệm Inverter	Bộ	10
521	Cây hút chì	Cái	7
522	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
523	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	4
524	Đồng hồ VOM	Cái	23
525	Kềm các loại	Cái	30
526	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	2
527	Khung cưa tay	Cái	1
528	Máy phát tần số	Cái	1
529	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
530	Môtơ 2 tốc độ - 1HP	Cái	1
531	Môtơ 3 pha - 1HP	Cái	1
532	Môtơ giảm tốc 1.5HP	Cái	1
533	Nhíp lớn	Cái	8
534	Ocsilloscope PS251	Cái	2
535	Tivi màu 5"	Cái	1
536	Tuocnovit	Cái	44
537	Tủ điện điều khiển biến tần	Cái	3
538	Tủ điện tử CN	Cái	6
	Phòng thực tập điện tử công suất 2		
539	Bài tập điện tử công suất	Bộ	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
540	Bài tập máy điện 3 pha	Bộ	1
541	Bộ bài tập điện, điện tử phòng multimedia gồm: 1) 17 Vali bài KT điện 1: Công nghệ DC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 2) 17 Vali bài KT điện 2: Công nghệ AC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 3) 17 Vali bài KT điện tử 1: Các thành phần bán dẫn (Mỗi vali có 3 bo + 1	Bộ	1
542	Bộ giao tiếp phòng Multimedia gồm (dùng cho 17 bộ): 1) 17 bộ giao tiếp. Linh kiện kèm theo: + 17 đĩa CD cài đặt + 17 bộ cáp máy tính (hoặc giao tiếp) + 17 bộ nguồn + 17 dây nguồn + Tài liệu 2) 34 bộ thí nghiệm 3) 17 bộ dây nối 2mm 4) 170 dây n	Bộ	17
543	Bộ thí nghiệm điện tử công suất	Bộ	1
544	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	2
545	Bộ thí nghiệm VXL 8952	Bộ	13
546	HDD server 36GB	Cái	1
547	Hệ thống mạng gồm:- Lan card compex 10/100base + Switch 10/100 16 port + AMP pathpenel 24 port + Boot rom + Connector RJ43 + Boot colour + Route ISDN 10/100 MPS RJ45 + 19" wall mounted rack	Ht	1
548	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
549	Máy vi tính IBM - Series 225 server 8647-3AX	Bộ	1
550	Microsoft - windows 2003 server advance(License)	Bộ	1
551	Nguồn mở rộng Unitrain	Bộ	5
552	Tủ điện - ĐTCN (Tủ TT. Điện tử CN)	Cái	2
553	Tủ điện động lực - Điện CN	Cái	2
554	Tủ thực tập điện tử công nghiệp	Bộ	2
555	Bộ điều khiển động cơ servơ R7D-AP	Bộ	5
556	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8951(kít thí nghiệm)	Cái	2
557	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8952	Bộ	5
558	HDD (máy con) 40GB	Cái	2
559	Headphone Nansin NS-880MV	Cái	15
560	Headphone Somic SM-880	Cái	17
561	Thí nghiệm vi điều khiển gồm: - Vali cách điện mạch 8051 + Dây nguồn.	Bộ	2
562	Tủ điện tử CN	Cái	4
	Phòng thực tập trang bị điện 1		
563	Động cơ không đồng bộ 3 pha, điện áp 380/660V, 1.5 HP, 1.450v/p	Cái	8
564	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2 cấp tốc độ Δ/YY, 1.5 HP, tốc độ thấp: 1500v/p, tốc độ cao: 3000v/p	Cái	8

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
565	Mô hình mạch máy khoan	Bộ	1
566	Mô hình mạch máy mài	Bộ	1
567	Mô hình mạch máy phay	Bộ	1
568	Tủ mạch điện máy tiện 1.6E20	Bộ	1
569	Ampere kềm	Cái	2
570	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
571	Bầu khoan máy	Cái	2
572	Chân tủ điện	Cái	5
573	Động cơ 3pha 1/2HP 36 rãnh	Cái	30
574	Đồng hồ đo cos	Cái	2
575	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	2
576	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	34
577	Đồng hồ đo MΩ	Cái	2
578	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	1
579	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	2
580	Kềm các loại	Cái	10
581	Máy mài cầm tay	Cái	2
582	Mô hình tủ điện điều khiển	Cái	12
583	Mỏ lết cỡ trung 12"	Cái	3
584	Môtơ 1.5HP, 3 pha	Cái	10
585	Panme	Cái	1
586	Tủ điện + bàn (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
587	Tuocnovit	Cây	126
	Phòng thực tập trang bị điện 2		
588	Tủ sắt 860 x 660 x 200 dày 1.5mm	Cái	5
589	Tủ điện điều khiển (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
590	Tủ trang bị điện	Cái	10
	Phòng Thực tập Mạch điện tử 1		
591	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
592	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
593	Ampe kềm	Cái	1
594	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
595	Bộ khóa lục giác	Cái	1
596	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	1
597	Cây hút chì	Cái	19
598	Đế gác mỏ hàn	Cái	10
599	Đồng hồ Vom	Cái	69
600	Kềm các loại	Cái	34

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
601	Khoan bàn 8T	Cái	1
602	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
603	Khung cưa tay	Cái	1
604	Kìm dẹp	Cái	15
605	Loa thùng	Cặp	1
606	Mixer	Cái	1
607	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	21
608	Nhíp lớn	Cái	8
609	Panme điện tử	Cái	1
610	Súng hút chì	Cây	1
611	Tivi màu 5"	Cái	2
612	Tivi màu Toshiba 20"	Cái	1
613	Tuocnovit	Cái	75
614	**Phòng Thực tập mạch điện tử 2**		
615	Khoan bàn 8T	Cái	2
616	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
617	Bàn nguội	Cái	1
618	Mô hình rơle thời gian	Bộ	1
619	Mô hình điều khiển chữ 3 màu	Bộ	1
620	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
621	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	1
622	Mô hình mạch giao tiếp đèn	Bộ	2
623	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 18 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 05 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Võ Minh Phương	Kỹ sư Kỹ thuật Điện - Điện tử	NV SP dành cho GV CĐ, ĐH		Mạch điện	3
2.	Lương Xuân Thịnh	Kỹ sư Công nghệ KT Điện-Điện tử	SP dạy nghề		TT Điện công nghiệp	2

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
3.	Phan Đức Long	Kỹ sư Điện - Điện tử	SP dạy nghề		Máy điện	3
4.	Nguyễn Văn Sơn	Kỹ sư Điện - Điện tử	TN CĐSP		TT Điện tử cơ bản	2
5.	Võ Phước Quang	- Thạc sỹ Quản lý giáo dục - Kỹ sư Điện kỹ thuật	TN ĐHSPKT		Kỹ thuật lắp đặt điện	3

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Nguyễn Văn Nghi	- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Ngữ Văn Anh - Đại học KT Điện tử - Viễn thông	SP dạy nghề		TT Trang bị điện	
2.	Cao Thị Xuân Thùy	Thạc sỹ Kỹ thuật Điện	TN ĐHSPKT		TT Cung cấp điện	
3.	Đinh Văn Chuyên	Thạc sỹ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	TN ĐHSPKT		TT PLC	
4.	Phan Thanh Hoàng	Thạc sỹ Kỹ thuật Điện	TN ĐHSPKT		TT SCADA	
5.	Lê Hồng Vân	Đại học Điện Công nghiệp	NVSP bậc 2		TT Kỹ thuật số	
6.	Lê Thị Hạnh	Kỹ thuật Điện - Điện tử	- TN ĐHSP KT - SP bậc 2		Thực tập tốt nghiệp	
7.	Phạm Thị Hòa	Thạc sỹ Tự động hóa	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Cung cấp điện	
8.	Phạm Quốc Hùng	Kỹ sư Điện khí hóa & cung cấp điện	TN ĐHSPKT		Tính toán và sửa chữa máy điện	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
9.	Huỳnh Thị Kim Ngọc	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	- TN ĐHSPKT - SP dạy nghề		Điện tử công suất	
10.	Ngô Ngọc Nam	Kỹ sư công nghêệ kỹ thuật điện - điện tử	- TN ĐHSP KT - SP bậc 2		Trang bị điện	
11.	Nguyễn Ngọc Trí	Kỹ sư Kỹ thuật Điện - Điện tử	- TN ĐHSP KT - SP bậc 2		Thực tập tốt nghiệp	
12.	Nguyễn Như Quỳnh	Thạc sỹ Kỹ thuật điện	- TN ĐHSPKT - SP dạy nghề		Cung cấp điện	
13.	Mã Minh Phú	Kỹ sư Điện khí hóa & cung cấp điện	- TN ĐHSPKT - SP dạy nghề		TT Điện tử cơ bản	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XXI. Ngành, nghề: CƠ ĐIỆN TỬ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: 100 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 15 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
I	**KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**		
	Phòng Thực tập PLC1		
1	Bộ điều khiển khả trình PLC	Bộ	2
2	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	6
3	Bộ thí nghiệm kỹ thuật số	Bộ	60
4	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	5
5	Bộ thí nghiệm vi điều khiển	Bộ	2
6	Đồng hồ đo MΩ	Cái	1
7	Đồng hồ VOM kim	Cái	2
8	Màn hình cảm ứng	Bộ	1
9	Máy khoan Makita	Cái	1
10	Máy vi tính P4 -3.2GHz	Bộ	2
11	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC và VĐK	Bộ	1
	Phòng Thực tập PLC2		
12	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	34
13	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
14	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
15	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
16	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	7
17	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
18	Tủ điều khiển hệ thống xử lý nước thải T2010-N11	Cái	1
19	Cây hút chì	Cái	10
20	Động cơ các loại	Cái	2
21	Đồng hồ các loại	Cái	11
22	Kềm các loại	Cái	18
23	Loa thùng	Cặp	1
24	Màn hình LCD Compad 18.5"	Cái	1
25	Máy khoan bàn	Cái	1
26	Mixer	Cái	1
27	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
28	Nhíp các loại	Cái	8
29	Tuocnovit pake	Cây	40
	Phòng thực tập Điện tử viễn thông		
30	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	7
31	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	12
32	Bộ thí nghiệm tổng đài LG 102 (Korea)	Cái	2
33	Đồng hồ vạn năng hiển thị số, tần số 10MHz- Model: LM 2006	Bộ	1
34	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông ASK, FSK, PSK- Model: SO4204-9L (Đức)	Bộ	1
35	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PAM/PCM - Model: SO4204-9J (Đức)	Bộ	1
36	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PTM - Model: SO4204-9K (Đức)	Bộ	1
37	Dụng cụ biến điệu, giải biến AM/FM - Model: SO4204-9M (Đức)	Bộ	1
38	Dụng cụ đo và kết nối - Model: SO4203-2J (Đức)	Bộ	11
39	Dụng cụ thực hành ăngteng - Model: SO4204-9W (Đức)	Bộ	1
40	Hệ thống mạng	HT	1
41	Khối giao diện UNITRAIN I- Model: SO4203-2A (Đức)	Bộ	11
42	Khối mô đun kết nối - Model: SO4203-2B (Đức)	Bộ	22
43	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	2
44	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	5
45	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	6
46	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	3
47	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
48	Mô đun thí nghiệm - Model: SO4204-9D (Đức)	Bộ	1
49	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp 4 sợi- Model: SO4204-9F (Đức)	Bộ	1
50	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp quang học - Model: SO4204-9E (Đức)	Bộ	1
51	Mô đun thực hành thí nghiệm truyền thông - Model: SO4204-9A (Đức)	Bộ	1
52	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	2
53	Mô hình lựa chọn sản phẩm theo kích thước	Bộ	6
54	Xử lý mạch thu AM và cao tần HF, xử lý mạch khuếch đại AM IF, LF - Model: SO4204-9N (Đức)	Bộ	1
55	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	10
56	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
57	Ampe kềm	Cái	2
58	Ampli 1000W	Cái	1
59	Bảng nhôm thực tập	Cái	5
60	Bộ Cle	Cái	1
61	Bộ khóa lục giác	Cái	2
62	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	4
63	Bộ nạp accu 20A	Cái	1
64	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
65	Cây hút chì	Cái	15
66	Đế gác mỏ hàn	Cái	13
67	Động cơ các loại	Cái	2
68	Đồng hồ các loại	Cái	71
69	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	2
70	Kềm các loại	Cái	88
71	Khoan bàn	Cái	3
72	Khoan cầm tay Bosch	Cái	1
73	Khung cưa tay	Cái	2
74	Kìm dẹp	Cái	15
75	Loa 1000W	Cặp	2
76	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
77	Máy nén khí	Cái	4
78	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	70
79	Nhíp	Cái	30
80	Súng hút chì	Cây	5
81	Switch 8 port 10/100Mbhz	Cái	1
82	Thiết bị đo 10:1/1:1 - Model: LM 9036	Bộ	2
83	Thước cặp	Cái	7
84	Tuocnovit	Cái	79
85	Thực tập khí nén	Cái	2
	Phòng thí nghiệm máy điện		
86	Bộ chuyển đổi nguồn điện tự động ATS	Bộ	2
87	Mô hình tủ bù đa cấp cho lưới phân phối hạ thế - Mã số 09T - TN21	Cái	1
88	Tủ cung cấp có BV	Cái	2
89	Tủ điện dùng để thực tập cung cấp điện	Bộ	3
90	Tủ thực tập cung cấp điện	Tủ	1
91	Tay máy	Cái	1
	Phòng Thực tập điện khí nén		

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
92	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	3
93	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	11
94	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
95	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
96	Máy đèn chiếu xách tay AZZA HM - 26F (Malaysia) + màn hình hộp Dalite 64"x48"(USA)	Bộ	1
97	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	1
98	Đồng hồ đo điện trở đất (số) Kyoritsu 4105	Cái	1
99	Ampere kềm dạng kim 2608 Kyoritsu	Cái	1
100	Bảng nhôm 800x860	Cái	8
101	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
102	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
103	Đồng hồ đo Vom dạng kim 360 Sanwa	Cái	1
104	Máy nén khí	Cái	5
	Phòng Thực tập Điện tử máy tính		
105	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	27
106	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	10
107	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
108	Hệ thống mạng: 1 cái switch 16 ports base 10/100/1000	Ht	1
109	Tivi màu LCD Toshiba 42" - A3000E	Cái	1
110	17 USE (truy cập vào máy chủ - License)(nằm theo máy)	Cái	17
111	Đồng hồ VOM kim	Cái	4
112	Kềm các loại	Cái	29
113	Khung cưa tay	Cái	1
114	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
	Phòng Thực tập điện máy CNC		
115	Hệ thống khí nén: Máy nén khí Puma 3HP + Máy sấy khí Lode star 5HP	Bộ	1
116	Máy cắt sắt Makita	Cái	1
117	Máy lạnh Panasonic 2HP - PC18MKF 2khối	Bộ	1
118	Máy nạp EPROM LABTOOL 148C	Cái	1
119	Máy tiện dạy học có tích hợp bộ mạch điện tìm lỗi, điều khiển bằng hệ Fanuc Oi Mate - hãng MTS	Bộ	1
120	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	8
121	Mô hình máy phay CNC	Cái	1
122	Ổn áp 30KVA-380V - Chenshin	Cái	1
123	Bộ chìa khóa 8 - 24 mm	Cây	9

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
124	Bộ cle vòng miệng (8 - 24)	Cây	28
125	Đầu ghi DVD External ASUS	Cái	1
126	Đồng hồ đo Vom dạng số CD800 Sanwa	Cái	1
127	Đồng hồ so cấp chính xác 1/1000 Mitutoyo	Cái	1
128	HDD Box 525	Cái	1
129	Khoan bàn 8T	Cái	1
130	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	4
131	Lục giác (hệ MT) King Tony	Bộ	2
132	Máy hàn điện 220V/200A	Cái	1
133	Máy hút bụi National MC4960-1500W/220V	Cái	1
134	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
135	Máy mài cầm tay	Cái	1
136	PLC Lugo 250RE	Cái	1
137	Thước cặp điện tử 1.5T	Cái	2
138	Bộ điều khiển động cơ bằng điện tử PE482A	Cái	1
139	Bộ điều khiển động cơ DC bằng điện trở Shunt PE482B	Cái	1
	Phòng Thực tập đo lường cảm biến		
140	Bộ thí nghiệm cảm biến	Bộ	9
141	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	2
142	Bộ thí nghiệm VĐK 8952	Bộ	1
143	Hệ thống nguồn ALU 110. Gồm:	Bộ	
144	- Khối nguồn xoay chiều AC ST 7005-2C-V		17
145	- Khối panel chống rỗng ST 7005- 4T -V	Bộ	34
146	- Ổ cắm lấy nguồn ra ST 7005- 2G- V	Bộ	17
147	- Tấm ALU 990mm ST 7005- cover	Bộ	17
148	Hệ thống mạng (8 máy)	Ht	1
149	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
150	Máy chiếu overhead Sunheamg + màn hình treo 70"	Bộ	1
151	Ampe kềm	Cái	2
152	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	8
153	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	2
154	Bộ điều khiển tốc độ vô cấp	Bộ	1
155	Bộ hàn chíp	Bộ	1
156	Bộ khóa lục giác	Cái	1
157	Bộ kiểm tra mức OMRON (cảm biến từ)	Cái	2
158	Bộ kiểm tra mức OMRON (kiểm tra nhiệt độ)	Cái	2
159	Bộ kiểm tra OMRON 61F -G2	Cái	2
160	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
161	Cảm biến nhiệt độ OMRON	Cái	2
162	Cảm biến nhiệt độ OMRON 61F	Cái	2
163	Cảm biến nhiệt độ OMRON E52 MY-PTC	Cái	2
164	Cảm biến OMRON NY-PTC (MY - PTC)	Cái	2
165	Cây hút chì	Cây	10
166	Đầu đĩa AR 36G	Cái	1
167	Đầu DVD SONY	Cái	4
168	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
169	Digital multimetter EDM4760 (Korea)	Cái	1
170	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
171	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	1
172	Đồng hồ các loại	Cái	63
173	Giá treo tivi	Cái	1
174	Kềm các loại	Cái	26
175	Khoan bàn 8T	Cái	1
176	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
177	Kít nạp EPROM	Cái	2
178	Kít thực tập vi xử lý	Cái	2
179	Loa thùng	Cặp	3
180	Màn hình cảm biến	Cái	2
181	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
182	Máy mài tay Bosch	Cái	1
183	Máy phát sóng âm tần AG-2601A	Cái	1
184	Máy phát sóng RF SG-4160B	Cái	1
185	Máy phát tần số	Cái	1
186	Mixer	Cái	1
187	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	61
188	Nhíp lớn	Cái	15
189	Ocsilloscope PS251	Cái	2
190	Panme điện tử	Cái	1
191	Súng hút chì	Cây	10
192	Tivi màu 5"	Cái	2
193	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
194	Tuocnovit	Cái	87
	Phòng thực tập kỹ thuật xung số		
195	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	15
196	Thí nghiệm PLC OMRON -C200	Bộ	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
197	Simantic S7-300 gồm: - Trappic + PC Adaptor + Step 7V51 sofware + Manual S7-300 + Manual 312 IFM, 314 IFM + Documentation package step 7 + Máy vi tính Tudel PIII	Bộ	1
198	Tủ điều khiển	Cái	5
199	Tủ điện PLC	Cái	10
	Phòng thực tập tự động hóa		
200	Bàn lắp đặt hệ thống (ST 7200 -3T)	Bộ	5
201	Bộ nguồn 3pha cho hệ thống Unitrain -I (SO4203 -2D)	Bộ	7
202	Các ống dẫn và bộ phụ kiện cho hệ cơ điện tử (LM9670)	Bộ	1
203	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
204	Máy nén khí chống ồn dưới 45db(SE2902 -9L)	Bộ	1
205	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	5
206	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
207	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	10
208	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	1
209	Mô hình Inverter T2010-TN12	Bộ	1
210	Phụ kiện cho toàn hệ thống	Bộ	1
211	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ AC	Bộ	2
212	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ DC	Bộ	2
213	Trạm kiểm tra	Bộ	2
214	Trạm lắp ráp	Bộ	2
215	Trạm lưu kho	Bộ	2
216	Trạm sắp xếp (phân loại)	Bộ	2
217	Trạm tháo gắp phôi dùng robot	Bộ	2
218	Trạm vận chuyển	Bộ	2
219	Trạm xử lý	Bộ	2
220	Ampe kềm	Cái	1
221	Cây hút chì	Cái	10
222	Đồng hồ các loại	Cái	35
223	Kềm các loại	Cái	26
224	Khung cưa tay	Cái	1
225	Máy hút bụi 1600W	Cái	1
226	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
227	Tuocnovit	Cây	40
	Phòng Thực tập Vi xử lý		
228	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	79
229	Bộ thí nghiệm VXL kít Z80	Bộ	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
230	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	7
231	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
232	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	5
233	Bảng giao tiếp bằng chữ màu	Cái	2
234	Bảng giao tiếp đèn công suất	Cái	2
235	Bảng giao tiếp đèn giao thông	Cái	2
236	Bảng giao tiếp rolay thời gian	Cái	2
237	Bộ nạp trình vi xử lý kít nạp vi xử lý	Cái	4
238	Bộ thí nghiệm VXL (có nạp chương trình)	Bộ	2
239	Mô hình giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
240	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
241	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	3
242	Mô hình mạch giao tiếp công suất	Cái	3
243	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	2
244	Kít nạp EPROM	Cái	6
245	Kít thực tập vi xử lý	Cái	6
	Phòng SCHNEIDER - Dự án		
246	Hộp điện dân dụng	Bộ	3
247	Hộp điện nối đất	Bộ	3
248	Bộ khởi động động cơ - cơ bản	Bộ	12
249	Máy chiết nước chạy bằng năng lượng mặt trời	Bộ	2
250	Máy năng lượng mặt trời	Bộ	2
251	Máy năng lượng mặt trời không kết nối lưới - cấu trúc quang điện	Bộ	2
252	Bộ khởi động động cơ Tesys	Bộ	4
253	Bộ khởi động	Bộ	4
254	Máy năng lượng mặt trời - cấu trúc quang điện	Bộ	2
255	Hệ thống tự động M241 PLC PACK với màn hình và ổ đĩa	Bộ	1
256	Bảng điều khiển M340 với HDMI STU	Bộ	2
257	Phần nâng hạ	Bộ	1
258	Nâng phần điều khiển bằng TWIDO	Bộ	1
259	Xử lý bề mặt hoạt động	Bộ	1
260	Bộ phận điều khiển bề mặt M340	Bộ	1
261	Thảm nhựa	Cái	200
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 1		
262	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
263	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện một chiều EM-600-DC	Bộ	8
264	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha EM-	Bộ	8

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	600-1P		
265	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha EM-600-3P	Bộ	8
266	Đồng hồ MegaOhm dạng số Kyoritsu 3007A	Cái	4
267	Đồng hồ xác định thứ tự pha Kyoritsu 8035	Cái	3
268	Máy phát sóng âm tần Pintek FG-32	Cái	2
269	Osilocope	Cái	4
270	Ampere kềm dạng hiển thị kim (K2608A)	Cái	10
271	Ampere kềm dạng số	Cái	10
272	Đồng hồ đo áp AC 300V	Cái	60
273	Đồng hồ đo áp DC 30V	Cái	60
274	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	62
275	Đồng hồ đo tần số	Cái	2
276	Đồng hồ đo Vom	Cái	44
277	Đồng hồ MegaOhm dạng kim	Cái	5
278	Mạch đo gián tiếp LC	Cái	1
279	Mô hình dàn trải mạch chỉnh lưu	Cái	3
280	Mô hình khởi động sao tam giác	Cái	1
281	Mô hình mạch điều khiển dùng khởi động từ	Cái	12
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 2		
282	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
283	Các thiết bị phụ trợ cho phần nguyên lý CB và biến áp	Bộ	1
284	Thiết bị dòng điện 3 pha TG 1.2	Bộ	1
285	Thiết bị mạch cơ bản, các định luật, thành phần TG1.1	Bộ	1
286	Động cơ AC 1 pha	Bộ	1
287	Động cơ AC 3 pha	Bộ	1
288	Động cơ AC 3 pha 300W gồm: - 1 bộ thiết bị panel thí nghiệm cho máy điện 3 pha -300W - 1 bộ thiết bị máy điện lắc 300W - 1 bộ máy điện 3 pha-300W	Bộ	1
289	Động cơ DC	Bộ	1
290	Động cơ DC gồm: - 1 bộ máy điện DC quấn dây nối tiếp + 1 bộ thiết bị thí nghiệm cho máy điện DC 300W)	Bộ	1
291	Thiết bị máy điện TG 2	Bộ	1
292	Thiết bị phụ trợ cho thí nghiệm máy điện công nghiệp	Bộ	1
293	Đồng hồ đo điện trở đất dạng kim Kyoritsu 4102A (TL)	Cái	2
294	Đồng hồ đo điện trở đất dạng số Kyoritsu 4105AH (TLan)	Cái	2
295	Đồng hồ đo tốc độ quay động cơ dạng số Kyoritsu 5601	Cái	1
296	Búa nguội	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
297	Công tơ điện 3 pha 220V	Cái	15
298	Động cơ KĐB 3 đầu ra - 1 pha	Cái	3
299	Đồng hồ cos đa năng 307	Cái	5
300	Kềm bấm đầu cos WF 2C 0.5~2.5	Cái	2
301	Kềm các loại	Cây	18
302	Máy hút bụi - National	Cái	1
303	Mô hình cắt động cơ điện 3 pha (sống)	Cái	4
304	Mô hình cắt máy động cơ 1 pha	Cái	4
305	Mô hình cắt máy động cơ 3 pha (chết)	Cái	3
306	Mô hình cắt máy phát điện 1 pha (chết)	Cái	4
307	Mô hình động cơ điện	Cái	1
308	Bảng thí nghiệm điện	Cái	12
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 1		
309	Đồng hồ đo điện trở đất (kim) 4102	Cái	7
310	Đồng hồ đo điện trở đất các loại	Cái	17
311	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
312	Hệ thống truyền động động cơ KĐB 3 pha	Bộ	2
313	Hệ thống truyền động động cơ DC	Bộ	2
314	Hệ thống truyền động máy phát xoay chiều	Bộ	2
315	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
316	Búa sắt dạng trung	Cái	15
317	Đồng hồ ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
318	Đồng hồ đo hệ số công suất OS	Cái	2
319	Đồng hồ đo Vom (kim) Sanwa 360	Cái	30
320	Kềm các loại	Cái	194
321	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	1
322	Máy nổ Honda	Cái	1
323	Thùng đựng đồ nghề	Cái	3
324	Tuocnovit	Cái	165
325	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
326	**Phòng Thực tập Điện cơ bản 2**		
327	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	9
328	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
329	Ampere kềm	Cái	2
330	Búa sắt dạng trung	Cái	5
331	Đồng hồ các loại	Cái	18
332	Kềm các loại	Cái	64
333	Thang nhôm	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
334	Thùng đựng đồ nghề	Cái	1
335	Tuocnovit các loại	Cái	66
336	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 1		
337	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	1
338	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	1
339	Bộ xác định thứ tự	Cái	1
340	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	5
341	Tay máy	Cái	2
342	Tay máy ngành điện tử	Cái	1
343	Bàn nguội	Cái	1
344	Bàn quấn dây hiển thị số	Cái	10
345	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
346	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	4
347	Búa (CL) (búa sắt)	Cái	6
348	Búa cao su	Cái	30
349	Cảo bạc đạn	Cái	2
350	Cle 8-22	Bộ	4
351	Động cơ 3 pha - 1.5KW	Cái	12
352	Động cơ điện 3 pha	Cái	23
353	Động cơ không đồng bộ 1 pha	Cái	10
354	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
355	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
356	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	1
357	Đồng hồ VOM 360	Cái	6
358	Etô khoan bàn	Cái	1
359	Kềm	Cái	18
360	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
361	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
362	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	4
363	Panme	Cái	5
364	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
365	Tuocnovit	Cái	22
366	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
367	Tay máy	Cái	1
368	Tay máy robot (dùng khí nén RBO-1)	Cái	1
369	Máy quấn dây	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 2		

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
370	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	2
371	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	2
372	Đồng hồ đo Megaohm (kim) 3005 Kyoritsu	Cái	5
373	Bàn nguội	Cái	4
374	Bàn quấn dây hiện số	Cái	30
375	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
376	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	6
377	Búa cao su	Cái	35
378	Búa sắt dạng trung	Cái	7
379	Cảo 3 chấu	Cái	3
380	Cle (CL)	Cái	5
381	Cle 8-22	Bộ	6
382	Động cơ 1 pha 1/2HP	Cái	30
383	Động cơ DC (CL)	Cái	10
384	Động cơ điện 1 pha	Cái	10
385	Đồng hồ Ampe kềm (kim) 2608	Cái	5
386	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
387	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	3
388	Đồng hồ VOM 360	Cái	5
389	Etô khoan bàn	Cái	1
390	Kềm các loại	Cái	26
391	Kéo cắt điện cầm tay	Cái	1
392	Khung cưa tay (cưa sắt)	Cái	2
393	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
394	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
395	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	6
396	Panme	Cái	8
397	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
398	Tuocnovit (CL)	Cái	22
399	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
	Phòng Scada 1		
400	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
401	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
402	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
403	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
404	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
405	Cáp CC-Link, MELSECNET + RJ45 HUB Switch	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
406	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
407	Máy chiếu overhead Visual - ART	Cái	1
408	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	3
409	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
410	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
411	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
412	Ampe kềm	Cái	1
413	Bộ hàn chíp	Bộ	1
414	Cây hút chì	Cây	10
415	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
416	Đồng hồ VOM	Cái	27
417	Kềm các loại	Cái	29
418	Khung cưa tay	Cái	1
419	Màn hình cảm biến	Cái	2
420	Máy khoan bàn	Cái	1
421	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
422	Máy mài tay Bosch	Cái	1
423	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	2
424	Máy phát tần số	Cái	1
425	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	35
426	Nhíp lớn	Cái	8
427	Panme điện tử	Cái	1
428	Súng hút chì	Cây	10
429	Thước cặp	Cái	1
430	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
431	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
432	Tuocnovit	Cái	40
	Phòng Scada 2		
433	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
434	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
435	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
436	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
437	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
438	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
439	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
440	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
441	Mô hình đóng nắp hộp tự động (mã số T2010-N13)	Bộ	1
442	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
443	Mô hình phân loại sản phẩm bằng tay gắp 09T-TN03	Bộ	1
444	Phần mềm MCWorks 64 Mitsubishi SW1DND-MCWDV-ET500	PM	1
445	Phần mềm GXWorks và GTWorks Mitsubishi SW4D5C-QSET-E Mitsubishi SW2D5C-GTWK2-E	PM	1
446	Ampe kềm	Cái	1
447	Bộ Cle	Cái	1
448	Bộ khóa lục giác	Cái	1
449	Bộ thí nghiệm cảm biến (CB quang + tiệm cận)	Bộ	1
450	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	10
451	Cây hút chì	Cây	8
452	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
453	Đồng hồ VOM hiện số	Cái	18
454	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	1
455	Kềm các loại	Cây	25
456	Khung cưa tay	Cái	1
457	Màn hình cảm biến	Cái	1
458	Máy khoan Proskit - PK	Bộ	1
459	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	3
460	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
461	Nhíp lớn	Cái	8
462	Súng hút chì	Cây	10
463	Thước cặp	Cái	2
464	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
465	Tuocnovit	Cái	40
466	Máy quấn dây CPH-OSMIT	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 1		
467	Bộ thí nghiệm động cơ servo	Bộ	2
468	Dao động ký (Ocsillscope)	Cái	1
469	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
470	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	5
471	Mô hình bến đậu xe	Bộ	1
472	Ổn áp 110A -10KVA 3 pha-380V	Cái	1
473	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	1
474	Máy giặt cơ	Cái	1
475	Máy khò IC	Cái	2
476	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
477	Tủ điện sơn tĩnh điện (1000x800x250) dày 1.5mm	Cái	5
478	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
479	Ocsilloscope Pintex-PS200-20MGz	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 2		
480	Bộ nguồn 1 pha sử dụng năng lượng mặt trời T2010- TN10	Bộ	1
481	Bộ thí nghiệm điều khiển động cơ servơ	Bộ	1
482	Bộ thí nghiệm được điều khiển từ xa dùng sóng hồng ngoại	Bộ	1
483	Máy tiện CNC loại để bàn Concepr Turn - hãng EMCO CT55	Bộ	1
484	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	12
485	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	2
486	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	1
487	Tủ điều khiển máy tiện CNC (Mã số ĐT 2015 - TN01)	Cái	1
488	Ampli Belco - BA501 + cặp loa Polocko 99 220V	Cái	1
489	Bảng quang báo sử dụng 9822	Cái	1
490	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	2
491	Cle 8-22	Bộ	1
492	Kềm các loại	Cái	12
493	Khoan bàn 8T	Cái	1
494	Khoan tay Bosch - GSB 10RE (Malaysia)	Cái	1
495	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
496	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
497	Mô hình cánh tay hoạt động được AMR-5RC + chương trình AMR- 5RC và tài liệu	Bộ	1
498	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
499	Tivi màu Sony 25" XA-25 M80A	Cái	1
500	Tuocnovit pake	Cái	18
501	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
	Phòng thực tập điện tử công suất 1		
502	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
503	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
504	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
505	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	5
506	Tủ động lực dùng kết nối phần công suất cho PLC và VĐK	Tủ	2
507	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC, VĐK	Cái	4
508	Ampe kềm	Cái	1
509	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	1
510	Bảng thí nghiệm L	Cái	8
511	Bảng thí nghiệm OP-TO	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
512	Bảng thí nghiệm R	Cái	8
513	Bảng thí nghiệm SCR	Cái	8
514	Bảng thí nghiệm Transitor	Cái	5
515	Bảng thí nghiệm Triac	Cái	12
516	Biến tần OMRON	Cái	4
517	Bình accu 60A	Cái	1
518	Bộ khóa cửa (mã số điện tử)	Bộ	1
519	Bộ mã hóa xung vòng quay E6A2	Bộ	5
520	Bộ thí nghiệm Inverter	Bộ	10
521	Cây hút chì	Cái	7
522	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
523	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	4
524	Đồng hồ VOM	Cái	23
525	Kềm các loại	Cái	30
526	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	2
527	Khung cưa tay	Cái	1
528	Máy phát tần số	Cái	1
529	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
530	Môtơ 2 tốc độ - 1HP	Cái	1
531	Môtơ 3 pha - 1HP	Cái	1
532	Môtơ giảm tốc 1.5HP	Cái	1
533	Nhíp lớn	Cái	8
534	Ocsilloscope PS251	Cái	2
535	Tivi màu 5"	Cái	1
536	Tuocnovit	Cái	44
537	Tủ điện điều khiển biến tần	Cái	3
538	Tủ điện tử CN	Cái	6
	Phòng thực tập điện tử công suất 2		
539	Bài tập điện tử công suất	Bộ	5
540	Bài tập máy điện 3 pha	Bộ	1
541	Bộ bài tập điện, điện tử phòng multimedia gồm: 1) 17 Vali bài KT điện 1: Công nghệ DC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 2) 17 Vali bài KT điện 2: Công nghệ AC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 3) 17 Vali bài KT điện tử 1: Các thành phần bán dẫn (Mỗi vali có 3 bo + 1	Bộ	1
542	Bộ giao tiếp phòng Multimedia gồm (dùng cho 17 bộ): 1) 17 bộ giao tiếp. Linh kiện kèm theo: + 17 đĩa CD cài đặt + 17 bộ cáp máy tính (hoặc giao tiếp) + 17 bộ nguồn + 17 dây nguồn	Bộ	17

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	+ Tài liệu 2) 34 bộ thí nghiệm 3) 17 bộ dây nối 2mm 4) 170 dây n		
543	Bộ thí nghiệm điện tử công suất	Bộ	1
544	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	2
545	Bộ thí nghiệm VXL 8952	Bộ	13
546	HDD server 36GB	Cái	1
547	Hệ thống mạng gồm:- Lan card compex 10/100base + Switch 10/100 16 port + AMP pathpenel 24 port + Boot rom + Connector RJ43 + Boot colour + Route ISDN 10/100 MPS RJ45 + 19" wall mounted rack	Ht	1
548	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
549	Máy vi tính IBM - Series 225 server 8647-3AX	Bộ	1
550	Microsoft - windows 2003 server advance(License)	Bộ	1
551	Nguồn mở rộng Unitrain	Bộ	5
552	Tủ điện - ĐTCN (Tủ TT. Điện tử CN)	Cái	2
553	Tủ điện động lực - Điện CN	Cái	2
554	Tủ thực tập điện tử công nghiệp	Bộ	2
555	Bộ điều khiển động cơ servơ R7D-AP	Bộ	5
556	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8951(kít thí nghiệm)	Cái	2
557	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8952	Bộ	5
558	HDD (máy con) 40GB	Cái	2
559	Headphone Nansin NS-880MV	Cái	15
560	Headphone Somic SM-880	Cái	17
561	Thí nghiệm vi điều khiển gồm: - Vali cách điện mạch 8051 + Dây nguồn.	Bộ	2
562	Tủ điện tử CN	Cái	4
	Phòng thực tập trang bị điện 1		
563	Động cơ không đồng bộ 3 pha, điện áp 380/660V, 1.5 HP, 1.450v/p	Cái	8
564	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2 cấp tốc độ Δ/YY, 1.5 HP, tốc độ thấp: 1500v/p, tốc độ cao: 3000v/p	Cái	8
565	Mô hình mạch máy khoan	Bộ	1
566	Mô hình mạch máy mài	Bộ	1
567	Mô hình mạch máy phay	Bộ	1
568	Tủ mạch điện máy tiện 1.6E20	Bộ	1
569	Ampere kềm	Cái	2
570	Ampere kềm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
571	Bầu khoan máy	Cái	2
572	Chân tủ điện	Cái	5
573	Động cơ 3pha 1/2HP 36 rãnh	Cái	30

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
574	Đồng hồ đo cos	Cái	2
575	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	2
576	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	34
577	Đồng hồ đo MΩ	Cái	2
578	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	1
579	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	2
580	Kềm các loại	Cái	10
581	Máy mài cầm tay	Cái	2
582	Mô hình tủ điện điều khiển	Cái	12
583	Mỏ lết cỡ trung 12"	Cái	3
584	Môtơ 1.5HP, 3 pha	Cái	10
585	Panme	Cái	1
586	Tủ điện + bàn (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
587	Tuocnovit	Cây	126
	Phòng thực tập trang bị điện 2		
588	Tủ sắt 860 x 660 x 200 dày 1.5mm	Cái	5
589	Tủ điện điều khiển (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
590	Tủ trang bị điện	Cái	10
	Phòng Thực tập Mạch điện tử 1		
591	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
592	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
593	Ampe kềm	Cái	1
594	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
595	Bộ khóa lục giác	Cái	1
596	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	1
597	Cây hút chì	Cái	19
598	Đế gác mỏ hàn	Cái	10
599	Đồng hồ Vom	Cái	69
600	Kềm các loại	Cái	34
601	Khoan bàn 8T	Cái	1
602	Khoan bàn nhỏ 3 tấc	Cái	1
603	Khung cưa tay	Cái	1
604	Kìm dẹp	Cái	15
605	Loa thùng	Cặp	1
606	Mixer	Cái	1
607	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	21
608	Nhíp lớn	Cái	8
609	Panme điện tử	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
610	Súng hút chì	Cây	1
611	Tivi màu 5"	Cái	2
612	Tivi màu Toshiba 20"	Cái	1
613	Tuocnovit	Cái	75
614	**Phòng Thực tập mạch điện tử 2**		
615	Khoan bàn 8T	Cái	2
616	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
617	Bàn nguội	Cái	1
618	Mô hình rơle thời gian	Bộ	1
619	Mô hình điều khiển chữ 3 màu	Bộ	1
620	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
621	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	1
622	Mô hình mạch giao tiếp đèn	Bộ	2
623	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 10 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 10 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
1.	Lâm Ngọc Thuận	Kỹ sư Điện khí hóa & cung cấp điện	- TN ĐHSPKT - SP dạy nghề		Điện tử cơ bản	
2.	Lê Phú Vang	Kỹ sư Điện khí hóa & cung cấp điện	- TN ĐHSPKT		TT Điện tử cơ bản	
3.	Nguyễn Trung Nhân	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		TT Điện cơ bản	
4.	Huỳnh Tấn Phi	Kỹ sư truyền động điện &Tự động hóa	- TN ĐHSPKT		TT Trang bị điện	
5.	Nguyễn Văn Út Hết	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Đồ án môn học 1	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
6.	Nguyễn Gia Minh Phụng	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Đồ án môn học 2	
7.	Trần Thanh Tâm	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Nguyên lý - Chi tiết máy	
8.	Trần Trung Quang	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Anh văn chuyên ngành	
9.	Lê Duy	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		Mạch điện	
10.	Nguyễn Đình Giáp	Kỹ sư CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	- TN ĐHSPKT		An toàn điện	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **CƠ ĐIỆN TỬ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XXII. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ MAY

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: 30 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 5 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng Thiết kế rập mẫu		
1	Bàn ủi hơi nước Panasonic NI- L700SS	Cái	2
2	Bàn ủi Silver star ES-94A (Korea)	Cái	2
3	Bàn ủi treo hơi nước TOBI	Cái	1
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ thước cong elip (Pháp)	Bộ	1
6	Body nhung (người mẫu bán thân, 1 bộ có 1 nam 1 nữ)	Cái	2
7	Cân đồng hồ 2kg	Cái	1
8	Cây dùi nhựa	Cái	10
9	Chén nhựa	Cái	10
10	Con lăn dấu	Cái	10
11	Đĩa trẹt nhựa	Cái	5
12	Kềm bấm lỗ	Cái	1
13	Kềm lấy dấu	Cái	2
14	Kéo cắt vải	Cái	7
15	Lò nướng điện KIPQUA	Cái	1
16	Lò nướng National	Cái	1
17	Mâm Inox - 60cm	Cái	2
18	Màn ảnh có chân	Cái	1
19	Manequin bán thân nữ bằng nhựa	Con	7
20	Máy đánh trứng	Cái	1
21	Máy xay trái cây + thịt đa năng	Cái	1
22	Nồi áp suất 6l	Cái	1
23	Nồi cơm điện	Cái	1
24	Nồi nấu nhôm (9c/bộ)	Bộ	1
25	Sạn vá Inox	Bộ	1
26	Súng bắn nhãn	Cái	2
27	Thước cây nhựa 50m	Cái	8
28	Thước Eke	Cây	1
29	Tô nhựa lớn	Cái	10
30	Tô nhựa trung	Cái	5
31	Tô thủy tinh (Pháp)	Cái	4
32	Tuocnovit	Cái	31
	Phòng vi tính		
33	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
34	Hệ thống mạng: 2 cái switch 24 ports	Ht	1
35	Máy điều hòa Carrier APX18R-2HP	Cái	4
36	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
37	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5”(China)	Bộ	40
38	Ổn áp 30 KVA-3pha Samlex	Cái	1
39	Access point D-Link N300	Cái	1
40	Body nữ oposite	Cái	2
	Xưởng may 1		
41	Máy 2 kim di động L818F-M1Siruba (China)	Cái	1
42	Máy bằng 1 kim (cơ) SIRUBA	Cái	7
43	Máy may bằng 1 kim cơ công nghiệp Juki DDL5550N	Cái	9
44	Máy may bằng 1 kim cơ Juki	Cái	5
45	Máy may 1 kim SIRUBA T828-45-064M (China)	Cái	10
46	Máy vắt sổ JUKI - 816	Cái	1
47	Máy viền ống (máy 3 kim) SIRUBA C0075	Cái	1
48	Bàn ủi Silver star ES-94A (Korea)	Cái	2
49	Body nam	Cái	1
50	Manequin bán thân nữ bằng nhựa	Con	1
51	Manequin Fulset size M	Con	4
52	Manequin toàn thân nữ bằng nhựa	Con	3
53	Máy may CN 2 kim - 1/3HP JUKI	Cái	1
54	Máy vắt sổ JUKI - 816	Cái	1
55	Máy vắt sổ 1 kim JUKI	Cái	1
	Xưởng may 2		
56	Máy bằng 1 kim (cơ) SIRUBA	Cái	1
57	Máy làm khuy CTSSM 1/3 HP-EC JUKI	Cái	1
58	Máy may CN 2 kim - 1/3HP JUKI	Cái	1
59	Máy may bằng 1 kim cơ công nghiệp Juki DDL5550N	Cái	7
60	Máy may bằng 1 kim cơ Juki	Cái	5
61	Máy may CN 1 kim (EC) JUKI	Cái	14
62	Máy vắt sổ JUKI	Cái	1
63	Bàn ủi Silver star ES-94A (Korea)	Cái	2
64	Body nam	Cái	1
65	Manacanh nữ (bán thân)	Cái	3
66	Manequin Fulset size M	Con	6
67	Người mẫu bán thân (bằng mây)	Cái	1
68	Máy may CN 1 kim Brother	Cái	2
69	Máy vắt sổ JUKI	Cái	1
	Xưởng may 3		
70	Máy may bằng 1 kim cơ công nghiệp Juki DDL5550N	Cái	20

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 03 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 02 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Võ Thị Xuân Thơ	Đại học Kỹ thuật nữ công	TN ĐHSP KT		- Thực tập mỹ thuật trang phục	2
2.	Trần Hồng Thảo	Thạc sỹ Kỹ thuật nữ công	NVSP bậc 2		- Thực tập công nghệ sản xuất may công nghiệp 2	2

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Bùi Thị Tuyết Hương	- Thạc sỹ Việt Nam học - Đại học Kỹ thuật nữ công	- ĐH SPKT - SP dạy nghề		- Quản lý đơn hàng - Vẽ kỹ thuật ngành may - Thực tập thiết kế trang phục trên mannequin cơ bản	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **CÔNG NGHỆ MAY**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XXIII.Ngành, nghề: MAY THỜI TRANG

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: 50 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 5 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng Thiết kế rập mẫu		
1	Bàn ủi hơi nước Panasonic NI- L700SS	Cái	2
2	Bàn ủi Silver star ES-94A (Korea)	Cái	2
3	Bàn ủi treo hơi nước TOBI	Cái	1
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ thước cong elip (Pháp)	Bộ	1
6	Body nhung (người mẫu bán thân, 1 bộ có 1 nam 1 nữ)	Cái	2
7	Cân đồng hồ 2kg	Cái	1
8	Cây dùi nhựa	Cái	10
9	Chén nhựa	Cái	10
10	Con lăn dấu	Cái	10
11	Đĩa trẹt nhựa	Cái	5
12	Kềm bấm lỗ	Cái	1
13	Kềm lấy dấu	Cái	2
14	Kéo cắt vải	Cái	7
15	Lò nướng điện KIPQUA	Cái	1
16	Lò nướng National	Cái	1
17	Mâm Inox - 60cm	Cái	2
18	Màn ảnh có chân	Cái	1
19	Manequin bán thân nữ bằng nhựa	Con	7
20	Máy đánh trứng	Cái	1
21	Máy xay trái cây + thịt đa năng	Cái	1
22	Nồi áp suất 6l	Cái	1
23	Nồi cơm điện	Cái	1
24	Nồi nấu nhôm (9c/bộ)	Bộ	1
25	Sạn vá Inox	Bộ	1
26	Súng bắn nhãn	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
27	Thước cây nhựa 50m	Cái	8
28	Thước Eke	Cây	1
29	Tô nhựa lớn	Cái	10
30	Tô nhựa trung	Cái	5
31	Tô thủy tinh (Pháp)	Cái	4
32	Tuocnovit	Cái	31
	Phòng vi tính		
33	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
34	Hệ thống mạng: 2 cái switch 24 ports	Ht	1
35	Máy điều hòa Carrier APX18R-2HP	Cái	4
36	Máy vi tính P4-3.2GHz	Bộ	1
37	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5”(China)	Bộ	40
38	Ổn áp 30 KVA-3pha Samlex	Cái	1
39	Access point D-Link N300	Cái	1
40	Body nữ oposite	Cái	2
	Xưởng may 1		
41	Máy 2 kim di động L818F-M1Siruba (China)	Cái	1
42	Máy bằng 1 kim (cơ) SIRUBA	Cái	7
43	Máy may bằng 1 kim cơ công nghiệp Juki DDL5550N	Cái	9
44	Máy may bằng 1 kim cơ Juki	Cái	5
45	Máy may 1 kim SIRUBA T828-45-064M (China)	Cái	10
46	Máy vắt sổ JUKI - 816	Cái	1
47	Máy viền ống (máy 3 kim) SIRUBA C0075	Cái	1
48	Bàn ủi Silver star ES-94A (Korea)	Cái	2
49	Body nam	Cái	1
50	Manequin bán thân nữ bằng nhựa	Con	1
51	Manequin Fulset size M	Con	4
52	Manequin toàn thân nữ bằng nhựa	Con	3
53	Máy may CN 2 kim - 1/3HP JUKI	Cái	1
54	Máy vắt sổ JUKI - 816	Cái	1
55	Máy vắt sổ 1 kim JUKI	Cái	1
	Xưởng may 2		
56	Máy bằng 1 kim (cơ) SIRUBA	Cái	1
57	Máy làm khuy CTSSM 1/3 HP-EC JUKI	Cái	1
58	Máy may CN 2 kim - 1/3HP JUKI	Cái	1
59	Máy may bằng 1 kim cơ công nghiệp Juki DDL5550N	Cái	7
60	Máy may bằng 1 kim cơ Juki	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
61	Máy may CN 1 kim (EC) JUKI	Cái	14
62	Máy vắt sổ JUKI	Cái	1
63	Bàn ủi Silver star ES-94A (Korea)	Cái	2
64	Body nam	Cái	1
65	Manacanh nữ (bán thân)	Cái	3
66	Manequin Fulset size M	Con	6
67	Người mẫu bán thân (bằng mây)	Cái	1
68	Máy may CN 1 kim Brother	Cái	2
69	Máy vắt sổ JUKI	Cái	1
	Xưởng may 3		
70	Máy may bằng 1 kim cơ công nghiệp Juki DDL5550N	Cái	20

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 05 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 05 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Kỹ sư Công nghệ cắt may	- TN ĐHSP KT - NVSP bậc 2		- Quản lý đơn hàng - Thực tập tin học ứng dụng ngành may veston	
2.	Trần Thị Ngọc Thảo	Kỹ sư Công nghệ may	- TN ĐHSP KT - NVSP bậc 2		- Vẽ kỹ thuật - Thực tập thiết kế thời trang trên mannequin cơ bản	
3.	Lâm Thị Thanh Minh	Kỹ sư Công nghệ cắt may	- TN ĐHSP KT - NVSP bậc 2		- Thực tập mỹ thuật trang phục - Đồ án 1	
4.	Hoàng Văn Thái	Kỹ sư Công nghệ cắt may	- TN ĐHSP KT - NVSP bậc 2		- Đồ án 2 - An toàn lao động ngành may	

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
5.	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Kỹ sư Kỹ thuật nữ công	- TN ĐHSP KT - NVSP bậc 2		- Thực tập công nghệ sản xuất may thời trang 2 - Thực tập May trang phục 2	

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **MAY THỜI TRANG**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/nghề *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

XXIV.Phân hiệu/ địa điểm đào tạo khác: Không có

Nơi nhận:
- Tổng cục GDNN (Bộ LĐ-TB&XH);
- Ban Giám Hiệu;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc